

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 5102 /QĐ – UBND

Hà Nội, ngày 19 tháng 9 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính lĩnh vực tư pháp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn thành phố Hà Nội

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 06 năm 2015;
Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về Kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ – CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 05/2014/TT-BTP ngày 07 tháng 02 năm 2014 của Bộ Tư pháp hướng dẫn công bố, niêm yết thủ tục hành chính và báo cáo về tình hình, kết quả thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 2430/QĐ-UBND ngày 07 tháng 5 năm 2014 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc ban hành Quy chế công bố, công khai thủ tục hành chính trên địa bàn thành phố Hà Nội;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 1404/TTr-STP ngày 27 tháng 7 năm 2016 và Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này 175 thủ tục hành chính lĩnh vực tư pháp thuộc thẩm quyền giải quyết của thành phố Hà Nội, bao gồm: Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp là 101 thủ tục; thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện là 30 thủ tục; thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã là 37 thủ tục; thủ tục hành chính áp dụng chung là 07 thủ tục.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 5117/QĐ-UBND ngày 08 tháng 10 năm 2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.

Điều 3. Chánh văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở, Thủ trưởng ban, ngành Thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / đm

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tư pháp;
- Thường trực: Thành ủy, HĐND Thành phố;
- Chủ tịch, các PCT UBND TP;
- Cục Kiểm soát TTHC;
- Đoàn ĐBQH Thành phố;
- VPHĐND Thành phố;
- VPUBTP: CVP, PVP Phạm Chí Công;
- NC, TH, TKBT; 2
- UBND quận, huyện, thị xã;
- Cổng thông tin điện tử Thành phố;
- Website, Công báo;
- Lưu: VT, STP (10b).

33591(60)



Nguyễn Đức Chung

Phần I

DANH MỤC CÁC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC TƯ PHÁP THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ TƯ PHÁP, UBND CẤP HUYỆN, UBND CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

(Ban hành kèm theo Quyết định số 5102/QĐ-UBND ngày 19/9/2016 của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội)

A. CÁC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ÁP DỤNG CHUNG

STT	Lĩnh vực chứng thực	Đơn vị thực hiện	Trang
1	Thủ tục cấp bản sao từ sổ gốc	Thực hiện tại cấp: Sở, huyện, xã.	13
2	Thủ tục chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận	Thực hiện tại cấp: Huyện, xã.	15
3	Thủ tục chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận	Thực hiện tại Cơ quan đại diện, UBND cấp huyện	17
4	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)	Thực hiện tại cấp: Huyện, xã.	20
5	Thủ tục chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch	Thực hiện tại cấp: Huyện, xã.	23
6	Thủ tục sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch	Thực hiện tại cấp: Huyện, xã.	26
7	Thủ tục cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực	Thực hiện tại cấp: Huyện, xã.	27

B. CÁC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ TƯ PHÁP HÀ NỘI

I.LĨNH VỰC HỘ TỊCH		Trang
1	Cấp bản sao các giấy tờ hộ tịch từ sổ hộ tịch (đối với những trường hợp đăng ký hộ tịch từ 1911 đến 31/7/1956 trên địa bàn 36 phố cổ Hà Nội)	30

2	Cấp bản sao giấy tờ hộ tịch từ sổ hộ tịch có yếu tố nước ngoài (trước ngày 01/01/2016)	36
3	Đăng ký nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài (trường hợp nhận con nuôi đích danh)	41
4	Đăng ký nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài (trường hợp nhận con nuôi không đích danh)	51
5	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài	60
6	Ghi chú việc nuôi con nuôi đã đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	64
7	Đăng ký nhận con nuôi đối với người nước ngoài thường trú tại Việt Nam	68
8	Đăng ký nhu cầu nhận con nuôi	76
9	Đăng ký hoạt động của Trung tâm Tư vấn, hỗ trợ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài.	77
10	Cấp lại đăng ký hoạt động của Trung tâm Tư vấn, hỗ trợ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài.	80
11	Thay đổi tên, địa điểm đặt trụ sở của Trung tâm Tư vấn, hỗ trợ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài.	82
12	Thay đổi người đứng đầu, nội dung hoạt động của Trung tâm Tư vấn, hỗ trợ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài.	84

II. LĨNH VỰC QUỐC TỊCH		Trang
13	Nhập quốc tịch Việt Nam	86
14	Trở lại quốc tịch Việt Nam	97
15	Xin thôi quốc tịch Việt Nam	107
16	Cấp giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam	119
17	Cấp giấy xác nhận là người gốc Việt Nam	123
18	Thông báo việc có quốc tịch nước ngoài	127

III. LĨNH VỰC QUẢN LÝ HÀNH NGHỀ CÔNG CHỨNG

1	Bổ nhiệm công chứng viên	131
2	Bổ nhiệm lại Công chứng viên	134
3	Đăng ký hành nghề và cấp thẻ Công chứng viên	137
4	Cấp lại thẻ Công chứng viên	140

5	Miễn nhiệm công chứng (trường hợp được miễn nhiệm)	143
6	Đề nghị thành lập Văn phòng Công chứng	146
7	Đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng	150
8	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng	153
9	Hợp nhất Văn phòng công chứng	156
10	Đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng hợp nhất	159
11	Sáp nhập Văn phòng công chứng	161
12	Thay đổi đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng nhận sáp nhập	163
13	Chuyển nhượng Văn phòng công chứng	165
14	Thay đổi đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng được chuyển nhượng	167
15	Chuyển đổi Văn phòng công chứng do một công chứng viên thành lập	169
16	Đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng chuyển đổi từ Văn phòng công chứng do một công chứng viên thành lập	173
17	Đăng ký tập sự hành nghề công chứng	175
18	Thay đổi nơi tập sự hành nghề công chứng từ tổ chức hành nghề công chứng này sang tổ chức hành nghề công chứng khác trong thành phố Hà Nội	178
19	Thay đổi nơi tập sự từ tổ chức hành nghề công chứng tại thành phố Hà Nội sang tổ chức hành nghề công chứng tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác	180
20	Đăng ký tập sự lại hành nghề công chứng sau khi chấm dứt tập sự hành nghề công chứng	181
21	Chấm dứt tập sự hành nghề công chứng	183
22	Đăng ký tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng	185
23	Xóa đăng ký hành nghề công chứng	189

IV. LĨNH VỰC QUẢN LÝ HÀNH NGHỀ THANH LÝ TÀI SẢN

1	Đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản với tư cách cá nhân	191
2	Đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản đối với doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản	194
3	Thay đổi thông tin đăng ký hành nghề của Quản tài viên hành nghề với tư cách cá nhân, doanh nghiệp hành nghề quản lý, thanh lý tài sản	198

V. LĨNH VỰC GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP

1	Cấp phép thành lập Văn phòng giám định tư pháp	200
2	Đăng ký hoạt động của Văn phòng giám định tư pháp	202
3	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động, cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng giám định tư pháp	204
4	Thay đổi, bổ sung lĩnh vực giám định của Văn phòng giám định tư pháp	206
5	Chuyển đổi loại hình Văn phòng giám định tư pháp	208
6	Đăng ký hoạt động của Văn phòng giám định tư pháp trong trường hợp chuyển đổi loại hình hoạt động	210

VI. LĨNH VỰC TƯ VẤN PHÁP LUẬT

1	Đăng ký hoạt động của Trung tâm tư vấn pháp luật	212
2	Đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm tư vấn pháp luật	215
3	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Trung tâm tư vấn pháp luật; Chi nhánh Trung tâm tư vấn pháp luật	219
4	Cấp thẻ tư vấn viên pháp luật	222
5	Cấp lại thẻ tư vấn viên pháp luật	226
6	Đăng ký hoạt động của Trung tâm tư vấn, hỗ trợ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài	228
7	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm tư vấn, hỗ trợ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài	231
8	Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm tư vấn, hỗ trợ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài	233

VII.LĨNH VỰC TRỢ GIÚP PHÁP LÝ		
1	Công nhận và cấp thẻ Cộng tác viên Trợ giúp pháp lý	235
2	Đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý của Trung tâm tư vấn pháp luật; Văn phòng Luật sư và Công ty Luật	238
3	Thay đổi nội dung Giấy đăng ký tham gia Trợ giúp pháp lý của Trung tâm tư vấn pháp luật ; Văn phòng Luật sư và Công ty Luật	240
4	Yêu cầu Trợ giúp pháp lý	242
5	Yêu cầu thay đổi người thực hiện trợ giúp pháp lý	247
6	Cấp lại thẻ Cộng tác viên trợ giúp pháp lý	249

VIII.LĨNH VỰC PHỔ BIẾN GIÁO DỤC PHÁP LUẬT		
1	Công nhận báo cáo viên pháp luật	251
2	Miễn nhiệm báo cáo viên pháp luật	252

IX. LĨNH VỰC BỒI THƯỜNG NHÀ NƯỚC		
1	Thủ tục xác định cơ quan có trách nhiệm bồi thường	254
2	Thủ tục giải quyết bồi thường tại cơ quan có trách nhiệm bồi thường	255
3	Thủ tục chuyển giao quyết định giải quyết bồi thường	256
4	Thủ tục trả lại tài sản	257
5	Thủ tục chi trả tiền bồi thường	258
6	Thủ tục giải quyết khiếu nại về bồi thường nhà nước lần đầu	259
7	Thủ tục giải quyết khiếu nại về bồi thường nhà nước lần hai	263

X. TTHC CÔNG CHỨNG VIÊN THỰC HIỆN		
1	Thủ tục chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận	268
2	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)	270

XI. LĨNH VỰC QUẢN LÝ LUẬT SƯ VÀ HÀNH NGHỀ LUẬT SƯ

1	Đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề Luật sư	273
2	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư	278
3	Cung cấp thông tin về tổ chức hành nghề luật sư	283
4	Đăng ký hoạt động của chi nhánh tổ chức hành nghề luật sư	284
5	Châm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng giao dịch của tổ chức hành nghề luật sư	288
6	Đăng ký hành nghề luật sư với tư cách cá nhân	290
7	Đăng ký hoạt động cho chi nhánh của tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài (công ty mẹ có trụ sở ở nước ngoài); công ty luật nước ngoài tại Việt Nam	292
8	Đăng ký hoạt động cho chi nhánh công ty luật nước ngoài tại Hà Nội (công ty mẹ có trụ sở tại Việt Nam)	296
9	Đăng ký việc thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài	298
10	Sáp nhập công ty luật	300
11	Đăng ký chuyển đổi công ty luật trách nhiệm hữu hạn và công ty luật hợp danh	302
12	Chuyển đổi Văn phòng luật sư thành Công ty luật	304
13	Hợp nhất công ty luật	306
14	Đăng ký hoạt động của công ty luật Việt Nam chuyển đổi từ công ty luật nước ngoài	308
15	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư Việt Nam, tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài tại Việt Nam	310
16	Cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư đối với người được miễn tập sự hành nghề luật sư	312

X.II LĨNH VỰC LÝ LỊCH TƯ PHÁP

1	Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho công dân Việt Nam, người nước ngoài	316
---	---	-----

	đang cư trú tại Việt Nam	
2	Cấp Phiếu lý lịch tư pháp theo yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng (đối tượng là công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam)	325
3	Cấp Phiếu lý lịch tư pháp theo yêu cầu của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội (đối tượng là công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam).	329

XIII. LĨNH VỰC TRỌNG TÀI THƯƠNG MẠI

1	Đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài	333
2	Đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trọng tài	336
3	Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài	339
4	Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trọng tài	343
5	Đăng ký hoạt động Chi nhánh của tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam	345
6	Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động Chi nhánh của tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam	348
7	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài, Chi nhánh Trung tâm trọng tài, Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam	352

C. CÁC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP HUYỆN

Số TT	Tên TTHC	Trang
I.Lĩnh vực hộ tịch		
1	Thủ tục đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài	356
2	Thủ tục đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	360
3	Thủ tục đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	365

4	Thủ tục đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài	369
5	Thủ tục đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài	375
6	Thủ tục đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài	380
7	Thủ tục đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài	384
8	Thủ tục đăng ký lại khai tử có yếu tố nước ngoài	388
9	Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch, xác định lại dân tộc	392
10	Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	396
11	Thủ tục đăng ký giám hộ có yếu tố nước ngoài	400
12	Thủ tục đăng ký chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài	404
13	Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	407
14	Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài.	411
15	Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc hộ tịch khác của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (khai sinh; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; xác định cha, mẹ, con; nuôi con nuôi; khai tử; thay đổi hộ tịch).	416
II. Lĩnh vực phổ biến giáo dục pháp luật		
1	Công nhận báo cáo viên pháp luật	421
2	Miễn nhiệm báo cáo viên pháp luật	423
III. Lĩnh vực bồi thường nhà nước		
1	Thủ tục xác định cơ quan có trách nhiệm bồi thường	425
2	Thủ tục giải quyết bồi thường tại cơ quan có trách nhiệm bồi thường	426
3	Thủ tục chuyển giao quyết định giải quyết bồi thường	428
4	Thủ tục trả lại tài sản	429
5	Thủ tục chi trả tiền bồi thường	430
6	Thủ tục giải quyết khiếu nại về bồi thường nhà nước lần đầu	432
7	Thủ tục giải quyết khiếu nại về bồi thường nhà nước lần hai	436
IV. Lĩnh vực hòa giải ở cơ sở		
	Thực hiện hỗ trợ khi hòa giải viên gặp tai nạn hoặc rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng trong khi thực hiện hoạt động hòa giải.	440

V. Lĩnh vực chứng thực		
1	Thủ tục chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch là cộng tác viên dịch thuật của Phòng Tư pháp	443
2	Thủ tục chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch không phải là cộng tác viên dịch thuật	444
3	Thủ tục chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản	446
4	Thủ tục chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản	448
5	Thủ tục chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản	450

D. CÁC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP XÃ

Số TT	Tên TTHC	Trang
I.Lĩnh vực hộ tịch		
1	Thủ tục đăng ký khai sinh	453
2	Thủ tục đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	456
3	Thủ tục đăng ký khai sinh lưu động	460
4	Thủ tục đăng ký khai sinh kết hợp nhận cha, mẹ, con	463
5	Thủ tục đăng ký lại khai sinh	466
6	Thủ tục đăng ký kết hôn	470
7	Thủ tục đăng ký kết hôn lưu động	474
8	Thủ tục đăng ký lại kết hôn	477
9	Thủ tục đăng ký khai tử	480
10	Thủ tục: Thủ tục đăng ký khai tử lưu động	483
11	Thủ tục đăng ký lại khai tử	486
12	Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch	489
13	Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con	492
14	Thủ tục đăng ký giám hộ	495
15	Thủ tục đăng ký chấm dứt giám hộ	498
16	Thủ tục cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	501

17	Thủ tục: Cấp bản sao trích lục hộ tịch	505
II. Lĩnh vực nuôi con nuôi		
1	Đăng ký nhận nuôi con nuôi (đối với trẻ em tại gia đình/trẻ em bị bỏ rơi hoặc mồ côi chưa đưa vào cơ sở nuôi dưỡng)	509
2	Đăng ký nuôi con nuôi (đối với trẻ đang ở tại cơ sở nuôi dưỡng)	519
3	Đăng ký nuôi con nuôi thực tế	527
4	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi.	531
III. Lĩnh vực phổ biến giáo dục pháp luật		
1	Thủ tục công nhận tuyên truyền viên pháp luật	536
2	Thủ tục cho thôi làm tuyên truyền viên pháp luật	538
IV. Lĩnh vực bồi thường nhà nước		
1	Thủ tục giải quyết bồi thường tại cơ quan có trách nhiệm bồi thường trong hoạt động quản lý hành chính	540
2	Thủ tục chuyển giao quyết định giải quyết bồi thường	542
3	Thủ tục trả lại tài sản	543
4	Thủ tục chi trả tiền bồi thường trong hoạt động quản lý hành chính	544
5	Thủ tục giải quyết khiếu nại về bồi thường nhà nước lần đầu	546
V. Lĩnh vực hòa giải ở cơ sở		
1	Thủ tục bầu hòa giải viên	550
2	Thủ tục bầu tổ trưởng tổ hòa giải	554
3	Thủ tục thôi làm hòa giải viên	556
4	Thủ tục thanh toán thù lao cho hòa giải viên	558
VI. Lĩnh vực chứng thực		
1	Thủ tục chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất và nhà ở	574
2	Thủ tục chứng thực di chúc	578
3	Thủ tục chứng thực văn bản từ chối nhận di sản	580
4	Thủ tục chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	582
5	Thủ tục chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	584

Phần II
NỘI DUNG CỤ THỂ CÁC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC TƯ PHÁP THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ TƯ PHÁP, UBND CẤP HUYỆN, UBND CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

A. CÁC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ÁP DỤNG CHUNG

Thủ tục 1	Thủ tục cấp bản sao từ sổ gốc
Trình tự thực hiện	<p>+ Người yêu cầu cấp bản sao từ sổ gốc phải xuất trình các giấy tờ phục vụ cho yêu cầu cấp bản sao từ sổ gốc. Trường hợp người yêu cầu cấp bản sao từ sổ gốc gửi qua bưu điện thì phải gửi kèm theo bản sao có chứng thực giấy tờ theo quy định.</p> <p>+ Cơ quan, tổ chức căn cứ vào sổ gốc để cấp bản sao cho người yêu cầu; nội dung bản sao phải ghi theo đúng nội dung đã ghi trong sổ gốc.</p> <p>+ Trong trường hợp không tìm thấy sổ gốc hoặc trong sổ gốc không có thông tin về nội dung yêu cầu cấp bản sao thì cơ quan, tổ chức đang lưu giữ sổ gốc có trách nhiệm trả lời bằng văn bản cho người yêu cầu.</p> <p>+ Người yêu cầu cấp bản sao từ sổ gốc nhận kết quả tại nơi nộp hồ sơ hoặc qua bưu điện (nếu nộp qua bưu điện).</p>
Cách thức thực hiện	<p>Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cơ quan, tổ chức lưu sổ gốc hoặc gửi yêu cầu qua bưu điện.</p>
Thành phần hồ sơ	<p>+ Trường hợp nộp trực tiếp thì xuất trình bản chính hoặc bản sao có chứng thực giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu còn giá trị sử dụng.</p> <p>+ Trường hợp người yêu cầu cấp bản sao từ sổ gốc gửi qua bưu điện thì phải gửi kèm theo bản sao có chứng thực giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu còn giá trị sử dụng, phong bì dán tem ghi rõ họ tên, địa chỉ người nhận cho cơ quan, tổ chức cấp bản sao.</p> <p>+ Trường hợp người yêu cầu là người đại diện theo pháp luật, người đại diện theo ủy quyền của cá nhân, tổ chức được cấp bản chính; cha, mẹ, con; vợ, chồng; anh, chị, em ruột; người thừa kế khác của người được cấp bản chính trong trường hợp người đó đã chết thì phải xuất trình giấy tờ chứng minh quan hệ</p>

	với người được cấp bản chính.
Số lượng	01 bộ
Thời hạn giải quyết	Trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ. Trong trường hợp yêu cầu cấp bản sao từ sổ gốc được gửi qua bưu điện thì thời hạn được thực hiện ngay sau khi cơ quan, tổ chức nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo dấu bưu điện đến.
Đối tượng thực hiện TTHC	Cá nhân, tổ chức
Cơ quan thực hiện	Cơ quan, tổ chức đang quản lý sổ gốc
Kết quả thực hiện	Bản sao được cấp từ sổ gốc
Lệ phí	Không
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	Không
Yêu cầu, điều kiện thực hiện	Phải có sổ gốc
Căn cứ pháp lý	Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch.

Thủ tục 2	Thủ tục chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận
Trình tự thực hiện	<p>+ Người yêu cầu chứng thực phải xuất trình bản chính giấy tờ, văn bản làm cơ sở để chứng thực bản sao và bản sao cần chứng thực.</p> <p>+ Trường hợp người yêu cầu chứng thực chỉ xuất trình bản chính thì cơ quan, tổ chức tiến hành chụp từ bản chính để thực hiện chứng thực, trừ trường hợp cơ quan, tổ chức không có phương tiện để chụp.</p> <p>+ Người thực hiện chứng thực kiểm tra bản chính, đối chiếu với bản sao, nếu nội dung bản sao đúng với bản chính, bản chính giấy tờ, văn bản không thuộc các trường hợp bản chính giấy tờ, văn bản không được dùng làm cơ sở để chứng thực bản sao thì thực hiện chứng thực như sau:</p> <p>* Ghi đầy đủ lời chứng chứng thực bản sao từ bản chính theo mẫu quy định;</p> <p>* Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu của cơ quan, tổ chức thực hiện chứng thực và ghi vào sổ chứng thực.</p> <p>Đối với bản sao có từ 02 (hai) trang trở lên thì ghi lời chứng vào trang cuối, nếu bản sao có từ 02 (hai) tờ trở lên thì phải đóng dấu giáp lai.</p> <p>Mỗi bản sao được chứng thực từ một bản chính giấy tờ, văn bản hoặc nhiều bản sao được chứng thực từ một bản chính giấy tờ, văn bản trong cùng một thời điểm được ghi một số chứng thực.</p> <p>+ Người yêu cầu chứng thực nhận kết quả tại nơi nộp hồ sơ.</p>
Cách thức thực hiện	Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả
Thành phần hồ sơ	Bản chính giấy tờ, văn bản làm cơ sở để chứng thực bản sao và bản sao cần chứng thực. Trường hợp người yêu cầu chứng thực chỉ xuất trình bản chính thì cơ quan, tổ chức tiến hành chụp từ bản chính để thực hiện chứng thực, trừ trường hợp cơ quan, tổ chức không có phương tiện để chụp. Bản sao, chụp từ bản chính để thực hiện chứng thực phải có đầy đủ các trang đã ghi thông tin của bản chính.
Số lượng	01 bộ

Thời hạn giải quyết	Trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ. Đối với trường hợp cùng một lúc yêu cầu chứng thực bản sao từ nhiều loại bản chính giấy tờ, văn bản; bản chính có nhiều trang; yêu cầu số lượng nhiều bản sao; nội dung giấy tờ, văn bản phức tạp khó kiểm tra, đối chiếu mà cơ quan, tổ chức thực hiện chứng thực không thể đáp ứng được thời hạn quy định nêu trên thì thời hạn chứng thực được kéo dài thêm không quá 02 (hai) ngày làm việc hoặc có thể dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực. Trường hợp trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo hoặc phải kéo dài thời gian theo quy định thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.
Đối tượng thực hiện TTHC	Cá nhân, tổ chức
Cơ quan thực hiện	Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã.
Kết quả thực hiện	Bản sao được chứng thực từ bản chính
Lệ phí	Tại Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã: 2.000 đồng/trang; từ trang thứ 3 trở lên thu 1.000 đồng/trang, tối đa thu không quá 200.000 đồng/bản.
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	Không
Yêu cầu, điều kiện	<p>Bản chính giấy tờ, văn bản cần chứng thực.</p> <p>Bản chính giấy tờ, văn bản không được dùng làm cơ sở để chứng thực bản sao:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Bản chính bị tẩy xóa, sửa chữa, thêm, bớt nội dung không hợp lệ. + Bản chính bị hư hỏng, cũ nát, không xác định được nội dung. + Bản chính đóng dấu mật của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền hoặc không đóng dấu mật nhưng ghi rõ không được sao chụp. + Bản chính có nội dung trái pháp luật, đạo đức xã hội; tuyên truyền, kích động chiến tranh, chống chế độ xã hội chủ nghĩa Việt Nam; xuyên tạc lịch sử của dân tộc Việt Nam; xúc phạm danh dự,

	<p>nhân phẩm, uy tín của cá nhân, tổ chức; vi phạm quyền công dân.</p> <p>+ Giấy tờ, văn bản do cá nhân tự lập nhưng không có xác nhận và đóng dấu của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền.</p>
Căn cứ pháp lý	<p>+ Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch;</p> <p>+ Thông tư số 236/2009/TT-BTC ngày 15/12/2009 của Bộ Tài chính Hướng dẫn chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí và lệ phí lãnh sự áp dụng tại các Cơ quan đại diện ngoại giao, Cơ quan đại diện lãnh sự Việt Nam ở nước ngoài;</p> <p>+ Thông tư liên tịch số 158/2015/TTLT-BTC-BTP ngày 12/10/2015 của liên Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký, chứng thực hợp đồng, giao dịch;</p> <p>+ Thông tư số 20/2015/NĐ-CP ngày 29/12/2015 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch</p>

Thủ tục 3	Thủ tục chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận
Trình tự thực hiện	<p>+ Người yêu cầu chứng thực phải xuất trình bản chính giấy tờ, văn bản làm cơ sở để chứng thực bản sao và bản sao cần chứng thực.</p> <p>+ Trường hợp người yêu cầu chứng thực chỉ xuất trình bản chính thì cơ quan, tổ chức tiến hành chụp từ bản chính để thực hiện chứng thực, trừ trường hợp cơ quan, tổ chức không có phương tiện để chụp.</p> <p>+ Người thực hiện chứng thực kiểm tra bản chính, đối chiếu với bản sao, nếu nội dung bản sao đúng với bản chính, bản chính giấy tờ, văn bản không thuộc các trường hợp bản chính giấy tờ, văn</p>

	<p>bản không được dùng làm cơ sở để chứng thực bản sao thì thực hiện chứng thực như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> * Ghi đầy đủ lời chứng chứng thực bản sao từ bản chính theo mẫu quy định; * Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu của cơ quan, tổ chức thực hiện chứng thực và ghi vào sổ chứng thực. <p>Đối với bản sao có từ 02 (hai) trang trở lên thì ghi lời chứng vào trang cuối, nếu bản sao có từ 02 (hai) tờ trở lên thì phải đóng dấu giáp lai.</p> <p>Mỗi bản sao được chứng thực từ một bản chính giấy tờ, văn bản hoặc nhiều bản sao được chứng thực từ một bản chính giấy tờ, văn bản trong cùng một thời điểm được ghi một số chứng thực.</p> <p>+ Người yêu cầu chứng thực nhận kết quả tại nơi nộp hồ sơ.</p>
Cách thức thực hiện	Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả
Thành phần hồ sơ	Bản chính giấy tờ, văn bản làm cơ sở để chứng thực bản sao và bản sao cần chứng thực. Trường hợp người yêu cầu chứng thực chỉ xuất trình bản chính thì cơ quan, tổ chức tiến hành chụp từ bản chính để thực hiện chứng thực, trừ trường hợp cơ quan, tổ chức không có phương tiện để chụp. Bản sao, chụp từ bản chính để thực hiện chứng thực phải có đầy đủ các trang đã ghi thông tin của bản chính.
Số lượng	01 bộ
Thời hạn giải quyết	Thời hạn thực hiện yêu cầu chứng thực phải được bảo đảm ngay trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ. Đối với trường hợp cùng một lúc yêu cầu chứng thực bản sao từ nhiều loại bản chính giấy tờ, văn bản; bản chính có nhiều trang; yêu cầu số lượng nhiều bản sao; nội dung giấy tờ, văn bản phức tạp khó kiểm tra, đối chiếu mà cơ quan, tổ chức thực hiện chứng thực không thể đáp ứng được thời hạn nêu trên thì thời hạn chứng thực được kéo dài thêm không quá 02 (hai) ngày làm việc hoặc có thể dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực. Trường hợp trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo hoặc phải kéo dài thời gian theo quy định thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.
Đối tượng thực hiện	Cá nhân, tổ chức

TTHC	
Cơ quan thực hiện	Cơ quan đại diện, Ủy ban nhân dân cấp huyện.
Kết quả thực hiện TTHC	Bản sao được chứng thực từ bản chính
Lệ phí	Tại Ủy ban nhân dân cấp huyện: 2.000 đồng/trang; từ trang thứ 3 trở lên thu 1.000 đồng/trang, tối đa thu không quá 200.000 đồng/bản.
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	Không
Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC	<p>Bản chính giấy tờ, văn bản cần chứng thực.</p> <p>Bản chính giấy tờ, văn bản không được dùng làm cơ sở để chứng thực bản sao:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Bản chính bị tẩy xóa, sửa chữa, thêm, bớt nội dung không hợp lệ. + Bản chính bị hư hỏng, cũ nát, không xác định được nội dung. + Bản chính đóng dấu mật của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền hoặc không đóng dấu mật nhưng ghi rõ không được sao chụp. + Bản chính có nội dung trái pháp luật, đạo đức xã hội; tuyên truyền, kích động chiến tranh, chống chế độ xã hội chủ nghĩa Việt Nam; xuyên tạc lịch sử của dân tộc Việt Nam; xúc phạm danh dự, nhân phẩm, uy tín của cá nhân, tổ chức; vi phạm quyền công dân. + Bản chính do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp, công chứng hoặc chứng nhận chưa được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định tại Khoản 1 Điều 20 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP, trừ giấy tờ tùy thân do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp cho cá nhân như: hộ chiếu, thẻ căn cước hoặc các giấy tờ khác như thẻ thường trú, thẻ cư trú, giấy phép lái xe, bằng tốt nghiệp, chứng chỉ và bằng điểm kèm theo bằng tốt nghiệp, chứng chỉ. + Giấy tờ, văn bản do cá nhân tự lập nhưng không có xác nhận và đóng dấu của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền.
Căn cứ pháp lý	+ Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực

	<p>hợp đồng, giao dịch.</p> <p>+ Thông tư số 236/2009/TT-BTC ngày 15/12/2009 của Bộ Tài chính Hướng dẫn chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí và lệ phí lãnh sự áp dụng tại các Cơ quan đại diện ngoại giao, Cơ quan đại diện lãnh sự Việt Nam ở nước ngoài.</p> <p>+ Thông tư liên tịch số 158/2015/TTLT-BTC-BTP ngày 12/10/2015 của liên Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký, chứng thực hợp đồng, giao dịch.</p> <p>+ Thông tư số 20/2015/NĐ-CP ngày 29/12/2015 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch.</p>
--	--

Thủ tục 4	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)
Trình tự thực hiện	<p>+ Người yêu cầu chứng thực chữ ký/điểm chỉ/không thể ký, không thể điểm chỉ được phải xuất trình các giấy tờ phục vụ việc chứng thực chữ ký.</p> <p>+ Trong trường hợp người yêu cầu chứng thực không thông thạo tiếng Việt thì phải có người phiên dịch. Người phiên dịch phải là người có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của pháp luật, thông thạo tiếng Việt và ngôn ngữ mà người yêu cầu chứng thực sử dụng. Người phiên dịch do người yêu cầu chứng thực mời hoặc do cơ quan thực hiện chứng thực chỉ định. Thủ lao phiên dịch do người yêu cầu chứng thực trả.</p> <p>+ Người thực hiện chứng thực kiểm tra giấy tờ yêu cầu chứng thực, nếu thấy đủ giấy tờ theo quy định, tại thời điểm chứng thực, người yêu cầu chứng thực minh mẫn, nhận thức và làm chủ được hành vi của mình và việc chứng thực không thuộc các trường hợp không được chứng thực chữ ký thì yêu cầu người yêu cầu chứng thực ký/điểm chỉ trước mặt và thực hiện chứng thực như sau:</p>

	<p>* Ghi đầy đủ lời chứng chứng thực chữ ký theo mẫu quy định;</p> <p>* Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu của cơ quan, tổ chức thực hiện chứng thực và ghi vào sổ chứng thực.</p> <p>Đối với giấy tờ, văn bản có từ (02) hai trang trở lên thì ghi lời chứng vào trang cuối, nếu giấy tờ, văn bản có từ 02 (hai) tờ trở lên thì phải đóng dấu giáp lai.</p> <p>+ Đối với trường hợp chứng thực chữ ký/điểm chỉ/không thể ký, không thể điểm chỉ được tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông thì công chức tiếp nhận hồ sơ kiểm tra các giấy tờ, nếu nhận thấy người yêu cầu chứng thực có đủ điều kiện quy định tại Khoản 2 Điều 24 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP thì đề nghị người yêu cầu chứng thực ký/điểm chỉ vào giấy tờ cần chứng thực và chuyển cho người có thẩm quyền ký chứng thực.</p>
Cách thức thực hiện	Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Ủy ban nhân dân cấp huyện, UBND cấp xã hoặc ngoài trụ sở của cơ quan thực hiện chứng thực nếu người yêu cầu chứng thực thuộc diện già yếu, không thể đi lại được, đang bị tạm giữ, tạm giam, thi hành án phạt tù hoặc có lý do chính đáng khác.
Thành phần hồ sơ	<p>+ Bản chính hoặc bản sao có chứng thực Giấy chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu còn giá trị sử dụng.</p> <p>+ Giấy tờ, văn bản mà mình sẽ ký/điểm chỉ. Trường hợp chứng thực chữ ký trong giấy tờ, văn bản bằng tiếng nước ngoài, nếu người thực hiện chứng thực không hiểu rõ nội dung của giấy tờ, văn bản thì có quyền yêu cầu người yêu cầu chứng thực nộp kèm theo bản dịch ra tiếng Việt nội dung của giấy tờ, văn bản đó (bản dịch không cần công chứng hoặc chứng thực chữ ký người dịch, người yêu cầu chứng thực phải chịu trách nhiệm về nội dung của bản dịch).</p> <p>+ Người yêu cầu chứng thực nhận kết quả tại nơi nộp hồ sơ.</p>
Số lượng	
Thời hạn giải quyết	Trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ. Trường hợp trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.
Đối tượng	Cá nhân

Thực hiện TTHC	
Cơ quan thực hiện	Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã
Kết quả thực hiện TTHC	Giấy tờ, văn bản được chứng thực chữ ký/điểm chỉ.
Lệ phí	Tại Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã: 10.000 đồng/trường hợp (trường hợp được tính là một hoặc nhiều chữ ký trong một giấy tờ, văn bản)
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	Không
Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC	<p>Trường hợp không được chứng thực chữ ký:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Tại thời điểm chứng thực, người yêu cầu chứng thực chữ ký không nhận thức và làm chủ được hành vi của mình. + Người yêu cầu chứng thực chữ ký xuất trình Giấy chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu không còn giá trị sử dụng hoặc giả mạo. + Giấy tờ, văn bản mà người yêu cầu chứng thực ký vào có nội dung quy định tại Khoản 4 Điều 22 của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP. + Giấy tờ, văn bản có nội dung là hợp đồng, giao dịch, trừ các trường hợp quy định tại Điểm d Khoản 4 Điều 24 của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP hoặc trường hợp pháp luật có quy định khác.
Căn cứ pháp lý	<ul style="list-style-type: none"> + Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch. + Thông tư số 236/2009/TT-BTC ngày 15/12/2009 của Bộ Tài chính Hướng dẫn chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí và lệ phí lãnh sự áp dụng tại các Cơ quan đại diện ngoại giao, Cơ quan đại diện lãnh sự Việt Nam ở nước ngoài. + Thông tư liên tịch số 158/2015/TTLT-BTC-BTP ngày 12/10/2015 của liên Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký, chứng thực hợp đồng, giao dịch. + Thông tư số 20/2015/NĐ-CP ngày 29/12/2015 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị

	định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch.
--	---

Thủ tục 5	Thủ tục chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch
Trình tự thực hiện	<p>+ Người yêu cầu chứng thực xuất trình giấy tờ tùy thân còn giá trị sử dụng để người thực hiện chứng thực kiểm tra và nộp 01 bộ hồ sơ .</p> <p>+ Việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực chỉ được thực hiện khi có thỏa thuận bằng văn bản của các bên tham gia hợp đồng, giao dịch.</p> <p>+ Việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch được thực hiện tại cơ quan đã chứng thực hợp đồng, giao dịch. Trường hợp sửa đổi, bổ sung, thay thế, hủy bỏ một phần hoặc toàn bộ di chúc thì có thể chứng thực tại bất kỳ cơ quan có thẩm quyền chứng thực nào.</p> <p>+ Người thực hiện chứng thực kiểm tra giấy tờ trong hồ sơ yêu cầu chứng thực, nếu đầy đủ tại thời điểm chứng thực các bên tham gia hợp đồng, giao dịch tự nguyện, minh mẫn và nhận thức, làm chủ được hành vi của mình thì thực hiện chứng thực.</p> <p>+ Các bên tham gia hợp đồng, giao dịch phải ký trước mặt người thực hiện chứng thực. Trường hợp người có thẩm quyền giao kết hợp đồng của các tổ chức tín dụng, doanh nghiệp đã đăng ký chữ ký mẫu tại cơ quan thực hiện chứng thực thì có thể ký trước vào hợp đồng; người thực hiện chứng thực phải đối chiếu chữ ký của họ trong hợp đồng với chữ ký mẫu trước khi thực hiện chứng thực, nếu nghi ngờ chữ ký trong hợp đồng khác với chữ ký mẫu thì yêu cầu người đó ký trước mặt.</p> <p>+ Trường hợp người yêu cầu chứng thực không ký được thì phải điểm chỉ; nếu người đó không đọc được, không nghe được, không ký, không điểm chỉ được thì phải có 02 (hai) người làm chứng. Người làm chứng phải có đủ năng lực hành vi dân sự và không có quyền, lợi ích hoặc nghĩa vụ liên quan đến hợp đồng, giao dịch. Người làm chứng do người yêu cầu chứng thực bố trí. Trường</p>

	<p>hợp người yêu cầu chứng thực không bố trí được thì đề nghị cơ quan thực hiện chứng thực chỉ định người làm chứng.</p> <p>+ Người thực hiện chứng thực ghi lời chứng tương ứng với từng loại hợp đồng, giao dịch theo mẫu quy định; ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu của cơ quan thực hiện chứng thực và ghi vào sổ chứng thực. Đối với hợp đồng, giao dịch có từ 02 (hai) trang trở lên, thì từng trang phải được đánh số thứ tự, có chữ ký của người yêu cầu chứng thực và người thực hiện chứng thực; số lượng trang và lời chứng được ghi tại trang cuối của hợp đồng, giao dịch. Trường hợp hợp đồng, giao dịch có từ 02 (hai) tờ trở lên thì phải đóng dấu giáp lai.</p> <p>+ Trong trường hợp người yêu cầu chứng thực không thông thạo tiếng Việt thì phải có người phiên dịch. Người phiên dịch phải là người có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của pháp luật, thông thạo tiếng Việt và ngôn ngữ mà người yêu cầu chứng thực sử dụng. Người phiên dịch do người yêu cầu chứng thực mời hoặc do cơ quan thực hiện chứng thực chỉ định. Thù lao phiên dịch do người yêu cầu chứng thực trả. Người phiên dịch có trách nhiệm dịch đầy đủ, chính xác nội dung của hợp đồng, giao dịch, nội dung lời chứng cho người yêu cầu chứng thực và ký vào từng trang hợp đồng với tư cách là người phiên dịch.</p> <p>+ Cơ quan thực hiện việc sửa đổi, bổ sung, thay thế, hủy bỏ một phần hoặc toàn bộ di chúc phải thông báo bằng văn bản cho cơ quan đã chứng thực trước đây về nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế, hủy bỏ một phần hoặc toàn bộ di chúc để ghi chú vào Sổ chứng thực hợp đồng, giao dịch.</p> <p>+ Người yêu cầu chứng thực nhận kết quả tại nơi nộp hồ sơ.</p>
<p>Cách thức thực hiện</p>	<p>Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã</p>
<p>Thành phần hồ sơ</p>	<p>Người yêu cầu chứng thực nộp 01 (một) bộ hồ sơ yêu cầu chứng thực, gồm các giấy tờ sau đây:</p> <p>+ Hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực;</p> <p>+ Dự thảo hợp đồng, giao dịch sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực;</p> <p>+ Trong trường hợp nội dung sửa đổi, bổ sung có liên quan đến tài sản thì người yêu cầu chứng thực phải nộp bản sao kèm bản chính để đối chiếu giấy chứng nhận quyền sở hữu, quyền sử dụng hoặc bản sao giấy tờ thay thế được pháp luật quy định đối với tài sản mà pháp luật quy định phải đăng ký quyền sở hữu, quyền sử</p>

	dụng, trừ trường hợp người lập di chúc đang bị cái chết đe dọa đến tính mạng.
Số lượng	01 bộ
Thời hạn giải quyết	Thời hạn thực hiện yêu cầu chứng thực phải được bảo đảm ngay trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ. Trường hợp trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.
Đối tượng thực hiện TTHC	Cá nhân, tổ chức
Cơ quan thực hiện	Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã.
Kết quả thực hiện TTHC	Hợp đồng, giao dịch được chứng thực
Lệ phí	20.000 đồng/hợp đồng, giao dịch.
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	Không
Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC	Việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực chỉ được thực hiện khi có thỏa thuận bằng văn bản của các bên tham gia hợp đồng, giao dịch.
Căn cứ pháp lý	<p>+ Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch;</p> <p>+ Thông tư liên tịch số 158/2015/TTLT-BTC-BTP ngày 12/10/2015 của liên Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký, chứng thực hợp đồng, giao dịch.</p> <p>+ Thông tư số 20/2015/NĐ-CP ngày 29/12/2015 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch.</p>

Thủ tục 6	Thủ tục sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch
Trình tự thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> + Người yêu cầu chứng thực nộp 01 bộ hồ sơ. + Việc sửa lỗi sai sót trong khi ghi chép, đánh máy, in hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực được thực hiện theo thỏa thuận bằng văn bản của các bên tham gia hợp đồng, giao dịch, nếu không làm ảnh hưởng đến quyền, nghĩa vụ của các bên và được thực hiện tại cơ quan đã chứng thực hợp đồng, giao dịch. + Người thực hiện chứng thực gạch chân lỗi sai sót cần sửa, đóng dấu của cơ quan thực hiện chứng thực và ghi vào bên lề của hợp đồng, giao dịch nội dung đã sửa, họ tên, chữ ký của người sửa, ngày tháng năm sửa. + Người yêu cầu chứng thực nhận kết quả tại nơi nộp hồ sơ.
Cách thức thực hiện	Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã
Thành phần hồ sơ	<ul style="list-style-type: none"> + Bản sao Giấy chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu còn giá trị sử dụng của người yêu cầu chứng thực (xuất trình bản chính để đối chiếu); + Văn bản thỏa thuận về việc sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực + Hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực; + Bản sao giấy chứng nhận quyền sở hữu, quyền sử dụng hoặc bản sao giấy tờ thay thế được pháp luật quy định đối với tài sản mà pháp luật quy định phải đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng trong trường hợp hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản đó (xuất trình bản chính để đối chiếu).
Số lượng	01 bộ
Thời hạn giải quyết	Thời hạn thực hiện yêu cầu chứng thực phải được bảo đảm ngay trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ. Trường hợp trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.
Đối tượng thực hiện TTHC	Cá nhân, tổ chức
Cơ quan	Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã

Thực hiện	
Kết quả thực hiện TTHC	Hợp đồng, giao dịch được sửa lỗi kỹ thuật
Lệ phí	10.000 đồng/hợp đồng, giao dịch.
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	Không
Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC	Không
Căn cứ pháp lý	<p>+ Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch;</p> <p>+ Thông tư liên tịch số 158/2015/TTLT-BTC-BTP ngày 12/10/2015 của liên Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký, chứng thực hợp đồng, giao dịch.</p> <p>+ Thông tư số 20/2015/NĐ-CP ngày 29/12/2015 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch.</p>

Thủ tục 7	Thủ tục cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực
Trình tự thực hiện	<p>+ Người yêu cầu cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch phải xuất trình các giấy tờ theo quy định.</p> <p>+ Người thực hiện chứng thực kiểm tra giấy tờ do người yêu cầu cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch xuất trình.</p> <p>+ Việc cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực được thực hiện tại cơ quan lưu trữ hợp đồng, giao dịch.</p> <p>+ Cơ quan thực hiện chứng thực tiến hành chụp từ bản chính hợp đồng, giao dịch đang được lưu trữ và thực hiện chứng thực như</p>

	<p>sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> * Ghi đầy đủ lời chứng chứng thực chữ ký theo mẫu quy định; * Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu của cơ quan, tổ chức thực hiện chứng thực và ghi vào sổ chứng thực. <p>Đối với bản sao có từ 02 (hai) trang trở lên thì ghi lời chứng vào trang cuối, nếu bản sao có từ 02 (hai) tờ trở lên thì phải đóng dấu giáp lai.</p> <p>Mỗi bản sao được chứng thực từ một bản chính giấy tờ, văn bản hoặc nhiều bản sao được chứng thực từ một bản chính giấy tờ, văn bản trong cùng một thời điểm được ghi một sổ chứng thực.</p>
Cách thức thực hiện	Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã
Thành phần hồ sơ	Người yêu cầu chứng thực xuất trình bản chính hoặc bản sao có chứng thực Giấy chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu còn giá trị sử dụng.
Số lượng	
Thời hạn giải quyết	Trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ. Trường hợp trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.
Đối tượng thực hiện	Cá nhân, tổ chức
Cơ quan thực hiện	Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã lưu trữ hợp đồng, giao dịch
Kết quả thực hiện TTHC	Bản sao hợp đồng, giao dịch được chứng thực
Lệ phí	2.000 đồng/trang; từ trang thứ 3 trở lên thu 1.000 đồng/trang, tối đa thu không quá 200.000 đồng/bản.
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	Không
Yêu cầu, điều kiện thực hiện	Không

TTHC	
Căn cứ pháp lý	<p>+ Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch;</p> <p>+ Thông tư liên tịch số 158/2015/TTLT-BTC-BTP ngày 12/10/2015 của liên Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký, chứng thực hợp đồng, giao dịch.</p> <p>+ Thông tư số 20/2015/NĐ-CP ngày 29/12/2015 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch.</p>

B. CÁC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ TƯ PHÁP.

I. LĨNH VỰC HỘ TỊCH

Thủ tục 1	Cấp bản sao các giấy tờ hộ tịch từ sổ hộ tịch (đối với những trường hợp đăng ký hộ tịch từ 1911 đến 31/7/1956 trên địa bàn 36 phố cổ Hà Nội)
Trình tự thực hiện	<p>Bước 1: Công dân có thể điền/viết thông tin vào Phiếu cung cấp thông tin đề nghị cấp bản sao (tham khảo theo mẫu Phiếu tại Sở Tư pháp), chuẩn bị giấy tờ theo quy định và nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Sở Tư pháp Hà Nội</p> <p>Bước 2: Cán bộ một cửa tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none">- Nếu hồ sơ đầy đủ thì tiếp nhận và ghi phiếu hẹn trả kết quả.- Trường hợp hồ sơ còn thiếu, chưa đầy đủ thì có trách nhiệm hướng dẫn cho công dân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.- Trường hợp hồ sơ không thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở thì hướng dẫn công dân tới cơ quan có thẩm quyền theo quy định <p>Bước 3: Sau khi tiếp nhận hồ sơ, bộ phận một cửa vào sổ và chuyển hồ sơ tới phòng Hành chính tư pháp để giải quyết theo quy trình giao – nhận hồ sơ .</p> <p>Bước 4: Phòng Hành chính tư pháp tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ và tiến hành giải quyết theo quy định pháp luật. Chuyển kết quả sau khi giải quyết tới bộ phận một cửa.</p> <p>Trường hợp trong quá trình giải quyết có phát sinh về hồ sơ hoặc cần phải xác minh làm rõ, phòng Hành chính tư pháp thông tin kịp thời tới bộ phận một cửa để thông báo hoặc hẹn lại thời gian trả kết quả (nếu bị chậm hơn so với quy định) cho công dân .</p> <p>Bước 5: Bộ phận một cửa vào sổ và trả kết quả cho công dân theo giấy hẹn</p>
Cách thức thực hiện	<p>Cách 1: Người có yêu cầu cấp bản sao trực tiếp nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Sở Tư pháp Hà Nội</p> <p>Cách 2: Trường hợp người có yêu cầu cấp bản sao mà không có điều kiện trực tiếp đến Sở Tư pháp để đăng ký, thì có thể ủy quyền cho người khác làm thay.</p> <p>Chú ý: Việc ủy quyền phải bằng văn bản và phải được công chứng hoặc chứng thực hợp lệ.</p> <p>Nếu người được ủy quyền là ông, bà, cha, mẹ, con, vợ, chồng, anh, chị, em ruột của người ủy quyền, thì giấy ủy quyền được thay</p>

	<p>thẻ bằng giấy tờ chứng minh mối quan hệ .</p> <p>Cách 3: Người yêu cầu cấp bản sao có thể gửi yêu cầu hệ thống bưu chính .</p> <p>Chú ý: Trường hợp này những giấy tờ trong hồ sơ phải được chứng thực theo đúng quy định của pháp luật</p> <p>Nơi tiếp nhận : Sở Tư pháp thành phố Hà Nội</p> <p>Địa chỉ : Số 1B – Trần Phú – Hà Đông – Hà Nội</p> <p>ĐT: 0433546151 hoặc 0433546163</p>
Thành phần hồ sơ	<p>Giấy tờ cần nộp:</p> <p>1. Bản photo giấy tờ cần cấp bản sao (nếu có) dùng thay Phiếu cung cấp thông tin hoặc đơn yêu cầu</p> <p>Hoặc : Phiếu cung cấp thông tin đề nghị cấp bản sao ghi nội dung, thông tin và số lượng bản sao yêu cầu.</p> <p>2. Bản chính Giấy ủy quyền (được công chứng hoặc chứng thực theo quy định) – nếu ủy quyền cho người khác</p> <p>Hoặc Giấy tờ chứng minh mối quan hệ nếu người được ủy quyền là ông, bà, cha, mẹ, anh, chị, em ruột, vợ, chồng, con của người được ủy quyền (ví dụ như : Giấy khai sinh; Giấy chứng nhận kết hôn....)</p> <p><i>Công dân nộp bản photo kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao chứng thực</i></p> <p>3. Bản photo CMND của người yêu cầu hoặc người được ủy quyền – Giấy tờ phải xuất trình :</p> <p>1. Hộ chiếu hoặc chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc các giấy tờ khác có dán ảnh và thông tin cá nhân do cơ quan có thẩm quyền cấp, còn giá trị sử dụng để chứng minh về nhân thân của người có yêu cầu (hoặc người được ủy quyền)</p> <p>2. Sổ hộ khẩu hoặc sổ đăng ký tạm trú của người có yêu cầu</p>
Số lượng	01 bộ
Thời hạn giải quyết	<ul style="list-style-type: none"> - Giải quyết ngay sau khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ - Trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo
Đối tượng thực hiện TTHC	<p>1. Công dân Việt Nam thường trú trong nước đã đăng ký hộ tịch từ 1911 đến 31/7/1956 thuộc địa bàn 36 phố cổ Hà Nội cũ, hiện chỉ có 01 sổ đăng ký hộ tịch đang lưu giữ tại Sở Tư pháp</p> <p>2. Công dân Việt Nam định cư ở nước ngoài mà trước đây đã đăng ký hộ tịch từ 1911 đến 31/7/1956 thuộc địa bàn 36 phố cổ Hà Nội cũ, hiện còn sổ hộ tịch đang lưu giữ tại Sở Tư pháp Hà Nội</p> <p>3. Người nước ngoài mà trước đây đã đăng ký hộ tịch từ 1911 đến 31/7/1956 thuộc địa bàn 36 phố cổ Hà Nội cũ, hiện Sổ</p>

	hộ tịch còn lưu giữ tại Sở Tư pháp Hà Nội
Cơ quan thực hiện	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định : Sở Tư pháp Hà Nội - Cơ quan trực tiếp thực hiện : phòng Hành chính tư pháp
Kết quả thực hiện	- Bản sao các giấy tờ hộ tịch (Số lượng theo yêu cầu) - Trường hợp từ chối thực hiện thì Sở Tư pháp phải trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do từ chối - Trường hợp đề nghị cấp bản sao Giấy khai sinh nhưng Sổ đăng ký khai sinh hiện không còn lưu trữ tại Sở Tư pháp thì hướng dẫn công dân làm thủ tục đăng ký lại khai sinh
Lệ phí	- 3.000đ/01 bản sao
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	Phiếu cung cấp thông tin đề nghị cấp bản sao (tham khảo mẫu đính kèm hoặc tải về từ : www.sotuphaphanoi.gov.vn) Chú ý : Công dân có thể tự viết các thông tin liên quan đến đề nghị cấp bản sao hoặc dùng bản photocopy giấy tờ cần cấp sao thay cho đơn yêu cầu
Yêu cầu, điều kiện thực hiện	Sở Tư pháp Hà Nội có trách nhiệm cấp bản sao các giấy tờ hộ tịch hiện đang lưu giữ tại Sổ đăng ký hộ tịch từ năm 1911 – đến ngày 31/7/1956 trên địa bàn 36 phố cổ Hà Nội
Căn cứ pháp lý	1. Luật hộ tịch số 60/2014/QH13 ngày 20 tháng 11 năm 2014; 2. Căn cứ Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hộ tịch; 3. Thông tư số 15/2015/TT-BTP ngày 16 tháng 11 năm 2015 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hộ tịch.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI TRÍCH LỤC KHAI SINH

Kính gửi: Sở Tư pháp TP Hà Nội

Tôi tên là:.....

Thường trú tại :.....

.....

Nay tôi làm đơn này xin trích lục khai sinh cho thân nhân có quan hệ với tôi là:

Họ và tên :.....Nam/nữ.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....số hiệu:.....

Nơi sinh:

Nơi cư trú lúc sinh:.....

Họ và tên cha:.....

Họ và tên mẹ:

Số lượng yêu cầu trích lục:.....

.....

Mong được sự đồng ý của cơ quan.

Hà Nội, ngày.....tháng.....năm.....

Người đề nghị

.....

Điện thoại liên hệ:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI TRÍCH LỤC KHAI TỬ

Kính gửi: Sở Tư pháp TP Hà Nội

Tôi tên là:.....

Địa chỉ:.....

Mối quan hệ với người được khai tử:.....

**Đề nghị trích lục.....bản Giấy chứng tử cho người có tên sau
đây:**

Họ và tên người chết (ghi bằng chữ in hoa):

Ngày, tháng, năm sinh của người chết:

Ngày, tháng, năm chết:.....

Nơi chết:

Nơi đăng ký Giấy chứng tử:.....

Nơi thường trú trước khi chết.....

Hà Nội, ngày.....tháng.....năm.....

Người làm đơn

.....

Số điện thoại liên hệ:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI TRÍCH LỤC GIẤY CHỨNG NHẬN KẾT HÔN

Kính gửi: Sở Tư pháp TP Hà Nội

Họ và tên người khai:.....

Địa chỉ cư trú:.....

.....

**Nay tôi làm đơn này xin trích lục Giấy chứng nhận kết hôn cho thân
nhân có quan hệ với tôi**

là:.....

PHẦN KHAI VỀ VỢ, CHỒNG	VỢ	CHỒNG
Họ và tên		
Ngày, tháng, năm sinh		
Dân tộc		
Quốc tịch		
Nơi thường trú lúc đăng kỷ kết hôn		

Đã đăng ký kết hôn tại:.....vào: ngày.....tháng.....năm

Số lượng yêu cầu trích lục:.....

Mong sự đồng ý của cơ quan

Hà Nội, ngày.....tháng.....năm.....

Người khai

.....

Điện thoại liên hệ:.....

Thủ tục 2	CẤP BẢN SAO CÁC GIẤY TỜ HỘ TỊCH TỪ SỔ HỘ TỊCH CÓ YẾU TỐ NƯỚC NGOÀI (Trước ngày 01/01/2016)
Trình tự thực hiện	<p>Bước 1: Công dân tự viết hoặc tham khảo phiếu cung cấp thông tin đề nghị cấp bản sao yêu cầu đề nghị về số lượng, loại việc cần cấp bản sao hoặc thay đơn yêu cầu bằng bản photo giấy tờ cần cấp bản sao và nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả (Bộ phận một cửa) – Sở Tư pháp TP Hà Nội .</p> <p>Bước 2: Cán bộ một cửa tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nếu đúng thẩm quyền thì tiếp nhận và ghi phiếu hẹn trả kết quả - Nếu hồ sơ không thuộc thẩm quyền đơn vị mình thì có trách nhiệm hướng dẫn công dân tới cơ quan có thẩm quyền theo quy định. <p>Bước 3: Sau khi tiếp nhận , bộ phận một cửa vào sổ và chuyển hồ sơ cho Phòng Hành chính tư pháp để giải quyết theo quy định</p> <p>Bước 4: Phòng Hành chính tư pháp tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ và giải quyết theo quy định. Chuyển trả kết quả sau khi thực hiện tới Bộ phận một cửa.</p> <p>Trường hợp cần xác minh làm rõ hoặc cần bổ sung hồ sơ, Phòng Hành chính tư pháp thông tin kịp thời cho bộ phận một cửa để thông báo hoặc hẹn lại thời gian giải quyết (nếu cần thiết) cho công dân.</p> <p>Bước 5: Bộ phận một cửa vào sổ và trả kết quả cho công dân theo phiếu</p>
Cách thức thực hiện	<p>Cách 1: Người có yêu cầu trực tiếp nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả (Bộ phận một cửa) - Sở Tư pháp TP Hà Nội</p> <p>Cách 2: Trường hợp người có yêu cầu mà không có điều kiện trực tiếp đến Sở Tư pháp để đăng ký, thì có thể ủy quyền cho người khác làm thay.</p> <p>Chú ý: Việc ủy quyền phải bằng văn bản và phải được công chứng hoặc chứng thực hợp lệ.</p> <p>Nếu người được ủy quyền là ông, bà, cha, mẹ, con, vợ, chồng, anh, chị, em ruột của người ủy quyền, thì giấy ủy quyền được thay thế bằng giấy tờ chứng minh mối quan hệ .</p> <p>Cách 3: Người yêu cầu có thể gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính.</p> <p>Chú ý: Trường hợp này những giấy tờ trong hồ sơ phải được</p>

	<p>chứng thực theo đúng quy định của pháp luật</p> <p>Nơi tiếp nhận : Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ hành chính - Sở Tư pháp TP Hà Nội</p> <p>Địa chỉ : Số 1B – Trần Phú – Hà Đông – Hà Nội</p> <p>ĐT: 0433546151 hoặc 0433546163</p>
Thành phần hồ sơ	<p>Giấy tờ cần nộp:</p> <p>1. Bản photo giấy tờ cần cấp bản sao (nếu có và có thể dùng thay đơn yêu cầu)</p> <p>Hoặc Phiếu cung cấp thông tin đề nghị cấp bản sao trong đó ghi nội dung, thông tin và số lượng bản sao yêu cầu.</p> <p>2. Bản chính Văn bản ủy quyền (nếu ủy quyền cho người khác làm thay)</p> <p>Hoặc giấy tờ chứng minh mối quan hệ ông, bà, cha, mẹ, vợ, chồng, con , anh, chị, em ruột (nếu ủy quyền cho ông, bà, cha, mẹ, vợ, chồng, con , anh, chị, em ruột)</p> <p>3. Bản photo CMND/ hộ chiếu của người yêu cầu</p> <p>Giấy tờ cần xuất trình</p> <p>1. Hộ chiếu hoặc chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc các giấy tờ khác có dán ảnh và thông tin cá nhân do cơ quan có thẩm quyền cấp, còn giá trị sử dụng để chứng minh về nhân thân của người có yêu cầu (hoặc người được ủy quyền)</p> <p>2.Sổ hộ khẩu hoặc sổ đăng ký tạm trú của người có yêu cầu</p>
Số lượng	01bộ
Thời hạn giải quyết	<ul style="list-style-type: none"> - Giải quyết ngay sau khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ - Trường hợp nộp hồ sơ sau 15 giờ thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo
Đối tượng thực hiện TTHC	<p>1. Những trường hợp đã đăng ký hộ tịch tại Sở Tư pháp Hà Nội</p> <p>2. Công dân Việt Nam ở nước ngoài về nước thường trú , đã ghi chú vào sổ hộ tịch các việc hộ tịch đã đăng ký trước cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài tại Sở Tư pháp Hà Nội.</p> <p>3. Công dân Việt Nam định cư ở nước ngoài và người nước ngoài trước đây đã đăng ký hộ tịch tại Hà Nội .</p>
Cơ quan thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Tư pháp TP Hà Nội - Cơ quan trực tiếp thực hiện: phòng Hành chính tư pháp – Sở Tư pháp TP Hà Nội

Kết quả thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> - Bản sao các giấy tờ hộ tịch (Số lượng bản sao được cấp theo yêu cầu của công dân) - Trường hợp từ chối thực hiện, Sở Tư pháp trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do từ chối
Lệ phí	<ul style="list-style-type: none"> - 3.000đ/01 bản sao - Miễn lệ phí cho các trường hợp người Lào di cư sang Việt Nam đã được cấp phép cư trú ổn định trước ngày 01/01/2009 và có nguyện vọng xin nhập quốc tịch Việt Nam
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	<ul style="list-style-type: none"> - Phiếu cung cấp thông tin đề nghị cấp bản sao (tham khảo mẫu đính kèm hoặc tải về từ : www.sotuphaphanoi.gov.vn) Chú ý : Công dân có thể tự viết yêu cầu hoặc dùng bản photo giấy tờ cần cấp sao thay cho đơn yêu cầu
Yêu cầu, điều kiện	<ul style="list-style-type: none"> - Không
Căn cứ pháp lý	<ol style="list-style-type: none"> 1. Luật hộ tịch số 60/2014/QH13 ngày 20 tháng 11 năm 2014; 2. Căn cứ Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hộ tịch; 3. Thông tư số 15/2015/TT-BTP ngày 16 tháng 11 năm 2015 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hộ tịch.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**PHIẾU CUNG CẤP THÔNG TIN
TRÍCH LỤC GIẤY KHAI SINH**

Kính gửi: Sở Tư pháp TP Hà Nội

Tôi tên là:.....

Địa chỉ cư trú:.....

.....
Đề nghị Sở Tư pháp TP Hà Nội trích lục.....bản sao Giấy khai sinh cho người có tên sau đây:

Họ và tên :

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Nơi sinh:

Họ và tên cha:.....

Họ và tên mẹ:

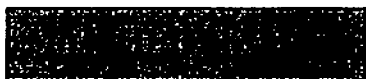
Nơi đăng ký khai sinh:

.....

Hà Nội, ngày.....tháng.....năm.....

Người đề nghị

.....



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU CUNG CẤP THÔNG TIN

TRÍCH LỤC GIẤY CHỨNG TỬ

Kính gửi: Sở Tư pháp TP Hà Nội

Tôi tên là:.....

Địa chỉ cư trú:.....

.....

Đề nghị Sở Tư pháp TP Hà Nội trích lục.....bản sao Giấy chứng tử cho người có tên sau đây:

Họ và tên :

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Ngày, tháng, năm tử:

Nơi chết:

.....

Nơi đăng ký khai tử:.....

.....

Hà Nội, ngày.....tháng.....năm.....

Người đề nghị

.....



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**PHIẾU CUNG CẤP THÔNG TIN
TRÍCH LỤC GIẤY ĐĂNG KÝ KẾT HÔN**

Kính gửi: Sở Tư pháp TP Hà Nội

Tôi tên là:.....

Địa chỉ cư trú:.....

.....

Đề nghị Sở Tư pháp TP Hà Nội trích lục.....bản sao Giấy chứng nhận kết hôn cho người có tên sau đây:

Họ và tên vợ :.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Họ và tên chồng:.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Ngày, tháng, năm đăng ký kết hôn.....

Nơi đăng ký kết hôn :.....

.....

Hà Nội, ngày.....tháng.....năm.....

Người đề nghị

.....

Thủ tục 3	Đăng ký nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài (trường hợp nhận con nuôi đích danh)
Trình tự thực hiện	<p>Bước 1. Người nhận con nuôi nộp hồ sơ của mình và của người được nhận làm con nuôi cho Cục Con nuôi – Bộ Tư pháp.</p> <p>Bước 2. Cục Con nuôi kiểm tra, thẩm định hồ sơ.</p> <p>Bước 3. Cục Con nuôi chuyển hồ sơ của người nhận con nuôi về Sở Tư pháp để xác nhận trẻ đủ điều kiện làm con nuôi nước ngoài</p> <p>Bước 4. Sở Tư pháp trình UBND cấp tỉnh xem xét, quyết định cho trẻ em làm con nuôi người nước ngoài</p> <p>Bước 5. UBND cấp tỉnh ra quyết định cho trẻ em làm con nuôi người nước ngoài.</p> <p>Bước 6. Sau khi có quyết định của UBND cấp tỉnh, Sở Tư pháp thông báo cho người xin nhận con nuôi đến Việt Nam để nhận con nuôi.</p> <p>Bước 7. Sở Tư pháp đăng ký việc nuôi con nuôi theo quy định của pháp luật về đăng ký hộ tịch và tổ chức lễ giao nhận con nuôi tại trụ sở Sở Tư pháp.</p> <p>Bước 8. Bộ Tư pháp chứng nhận việc nuôi con nuôi đã được giải quyết theo đúng quy định của Luật nuôi con nuôi và các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên (nếu có yêu cầu).</p>
Cách thức thực hiện	<p>Cách 1: Người nhận con nuôi trực tiếp nộp hồ sơ của mình và của người được nhận làm con nuôi tại Cục Con nuôi – Bộ Tư pháp</p> <p>Cách 2: Nếu có lý do chính đáng không thể trực tiếp nộp thì có thể ủy quyền cho người thân thích nộp thay . Việc ủy quyền bằng văn bản và phải được chứng thực theo đúng quy định pháp luật. Đối với trường hợp người được ủy quyền là cha, mẹ, vợ, chồng, anh , chị, em ruột, con thì không cần văn bản ủy quyền nhưng phải có trách nhiệm chứng minh mối quan hệ.</p> <p>Cách 3: Gửi hồ sơ qua đường bưu điện theo hình thức bảo đảm, có dấu niêm phong hợp lệ.</p> <p>- Cơ quan tiếp nhận hồ sơ của người xin nhận con nuôi: Cục Con nuôi - Bộ Tư pháp Việt Nam</p> <p>Địa chỉ: Số 58 - 60 đường Trần Phú, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.</p> <p>- Cơ quan tiếp nhận hồ sơ của trẻ em được cho làm con nuôi: Sở Tư pháp TP Hà Nội.</p> <p>Địa chỉ: Số 1B – Trần Phú – Hà Đông – Hà Nội.</p>

**Thành
phần hồ
sơ**

I. Hồ sơ của người xin nhận con nuôi:

1. Giấy tờ phải nộp

- 1.1. Đơn xin nhận con nuôi (theo mẫu).
- 1.2. Bản sao hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế.
- 1.3. Văn bản cho phép được nhận con nuôi ở Việt Nam.
- 1.4. Bản điều tra về tâm lý, gia đình.
- 1.5. Văn bản xác nhận tình trạng sức khỏe.
- 1.6. Văn bản xác nhận thu nhập và tài sản.
- 1.7. Phiếu lý lịch tư pháp.
- 1.8. Văn bản xác nhận tình trạng hôn nhân.

Các giấy tờ, tài liệu quy định tại các điểm 1.2 đến 1.8 do cơ quan có thẩm quyền của nước nơi người nhận con nuôi thường trú lập, cấp hoặc xác nhận.

Chú ý: Các giấy tờ nêu trên do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp phải được dịch sang tiếng Việt Nam và hợp pháp hoá tại Cơ quan đại diện Ngoại giao hoặc Cơ quan Lãnh sự của Việt Nam ở nước ngoài, trừ trường hợp được miễn hợp pháp hoá lãnh sự theo Điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên hoặc theo nguyên tắc có đi có lại

1. Tài liệu chứng minh thuộc trường hợp xin đích danh

Người xin con nuôi đích danh ngoài các giấy tờ phải nộp trên tùy từng trường hợp còn phải có giấy tờ tương ứng sau đây để chứng minh thuộc trường hợp được xin đích danh:

2.1. Bản sao giấy chứng nhận kết hôn của cha đẻ hoặc mẹ kế với mẹ đẻ hoặc cha đẻ của người được nhận làm con nuôi.

2.2. Giấy tờ, tài liệu để chứng minh người nhận con nuôi là cô, cậu, dì, chú, bác ruột của người được nhận làm con nuôi.

2.3. Bản sao quyết định của cơ quan có thẩm quyền Việt Nam cho người đó nhận con nuôi Việt Nam và giấy tờ, tài liệu để chứng minh người con nuôi đó với trẻ em được nhận làm con nuôi là anh, chị em ruột.

2.4. Giấy tờ, tài liệu để chứng minh trẻ em được nhận làm con nuôi là trẻ em khuyết tật, trẻ em mắc bệnh hiểm nghèo.

2.5. Giấy xác nhận của Ủy ban nhân dân hoặc Công an cấp xã, nơi cư trú tại Việt Nam và giấy tờ, tài liệu khác để chứng minh người nhận con nuôi là người nước ngoài đang làm việc, học tập liên tục tại Việt Nam trong thời gian ít nhất là 01 năm, tính đến

	<p>ngày nộp hồ sơ tại Cục Con nuôi.</p> <p>II. Hồ sơ của trẻ em được cho làm con nuôi:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Giấy khai sinh; 2. Giấy khám sức khỏe do cơ quan y tế cấp huyện trở lên cấp; 3. Hai ảnh toàn thân, nhìn thẳng chụp không quá 06 tháng; 4. Biên bản xác nhận do Ủy ban nhân dân hoặc Công an cấp xã nơi phát hiện trẻ bị bỏ rơi lập đối với trẻ em bị bỏ rơi; <p>Hoặc Giấy chứng tử của cha đẻ, mẹ đẻ hoặc quyết định của Tòa án tuyên bố cha đẻ, mẹ đẻ của trẻ em là đã chết đối với trẻ em mồ côi;</p> <p>Hoặc quyết định của Tòa án tuyên bố cha đẻ, mẹ đẻ của người được giới thiệu làm con nuôi mất tích đối với người được giới thiệu làm con nuôi mà cha đẻ, mẹ đẻ mất tích;</p> <p>Hoặc quyết định của Tòa án tuyên bố cha đẻ, mẹ đẻ của người được giới thiệu làm con nuôi mất năng lực hành vi dân sự đối với người được giới thiệu làm con nuôi mà cha đẻ, mẹ đẻ mất năng lực hành vi dân sự;</p> <ol style="list-style-type: none"> 5. Quyết định tiếp nhận đối với trẻ em ở cơ sở nuôi dưỡng. 6. Văn bản về đặc điểm, sở thích, thói quen đáng lưu ý của trẻ em; (trường hợp cha dưỡng hoặc mẹ kế nhận con riêng của vợ hoặc chồng làm con nuôi thì không cần văn bản này). <p>Chú ý: Cha mẹ đẻ hoặc người giám hộ lập hồ sơ của người được giới thiệu làm con nuôi sống tại gia đình; cơ sở nuôi dưỡng lập hồ sơ của trẻ em được giới thiệu làm con nuôi sống tại cơ sở nuôi dưỡng.</p>
Số lượng	<ol style="list-style-type: none"> 1. Hồ sơ của người xin nhận con nuôi: 02 bộ (nộp tại Cục con nuôi – Bộ Tư pháp Việt Nam) 2. Hồ sơ của người được giới thiệu làm con nuôi: 03 bộ (nộp tại Sở Tư pháp Hà Nội – nếu trẻ em được giới thiệu làm con nuôi đang thường trú tại Hà Nội)
Thời hạn giải quyết	<ol style="list-style-type: none"> 1. Thời hạn Sở Tư pháp kiểm tra, xác minh hồ sơ trẻ được nhận làm con nuôi người nước ngoài: <ul style="list-style-type: none"> + 20 ngày làm việc (đối với trẻ em ở gia đình) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ + Trường hợp trẻ bị bỏ rơi: 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Sở Tư pháp chuyển hồ sơ đề nghị Công an Thành phố xác minh (thời hạn xác minh là 30 ngày kể từ ngày cơ quan Công an nhận được đề nghị của Sở Tư pháp).

	<p>2. Thời hạn xác nhận trẻ em có đủ điều kiện làm con nuôi người nước ngoài:</p> <p>+07 ngày làm việc kể từ ngày hết thời hạn thay đổi ý kiến của cha mẹ đẻ hoặc người giám hộ về việc cho trẻ em làm con nuôi người nước ngoài; (đối với trẻ gia đình)</p> <p>+ 07 ngày làm việc sau khi nhận được kết quả xác minh của cơ quan Công an và hết thời hạn thay đổi ý kiến của người giám hộ (đối với trẻ bị bỏ rơi)</p> <p>3. Thời hạn Cục Con nuôi kiểm tra,thẩm định hồ sơ người xin nhận con nuôi: 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ</p> <p>4. Thời hạn Cục Con nuôi kiểm tra báo cáo kết quả giới thiệu trẻ em và thông báo cho người nhận con nuôi: 30 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả giới thiệu trẻ</p> <p>5. Thời hạn Cục Con nuôi thông báo cho Sở Tư pháp ý kiến đồng ý của người xin nhận con nuôi, xác nhận trẻ được nhập cảnh và thường trú tại nước người xin nhận con nuôi: 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản xác nhận của cơ quan có thẩm quyền nước nơi người xin nhận thường trú đồng ý.</p> <p>6. Thời hạn UBND thành phố ra quyết định cho trẻ em làm con nuôi người nước ngoài: 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo của Sở Tư pháp về thông báo của Cục con nuôi – Bộ Tư pháp.</p>
<p>Đối tượng thực hiện TTHC</p>	<p>1. Người Việt Nam định cư ở nước ngoài, người nước ngoài thường trú ở nước cùng là thành viên của điều ước quốc tế về nuôi con nuôi với Việt Nam nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi.</p> <p>2. Người Việt Nam định cư ở nước ngoài, người nước ngoài thường trú ở nước ngoài được nhận con nuôi đích danh trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Là cha dượng, mẹ kế của người được nhận làm con nuôi;</p> <p>b) Là cô, cậu, dì, chú, bác ruột của người được nhận làm con nuôi;</p> <p>c) Có con nuôi là anh, chị, em ruột của trẻ em được nhận làm con nuôi;</p> <p>d) Nhận trẻ em khuyết tật, nhiễm HIV/AIDS hoặc mắc bệnh hiểm nghèo khác làm con nuôi;</p> <p>đ) Là người nước ngoài đang làm việc, học tập ở Việt Nam trong thời gian ít nhất là 01 năm.</p> <p>3. Công dân Việt Nam thường trú ở trong nước nhận trẻ em nước ngoài làm con nuôi.</p> <p>4. Người nước ngoài thường trú ở Việt Nam nhận con nuôi ở Việt</p>

	Nam
Cơ quan thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND thành phố Hà Nội (người được giới thiệu làm con nuôi thường trú tại Hà Nội); - Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục TTHC: Cục Con nuôi, Bộ Tư pháp; Sở Tư pháp Hà Nội - Cơ quan phối hợp (nếu có): Công an TP Hà Nội; UBND cấp xã trên địa bàn thành phố Hà Nội
Kết quả thực hiện TTHC	<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định cho trẻ em Việt Nam làm con nuôi nước ngoài - Trường hợp từ chối thực hiện, Bộ Tư pháp /UBND TP hoặc Sở Tư pháp trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do từ chối.
Lệ phí	<p>1. Lệ phí đăng ký nuôi con nuôi nước ngoài: 9.000.000đ /01 trường hợp (Chín triệu đồng)</p> <p>2. Những trường hợp được giảm, miễn lệ phí:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Đối tượng được giảm 50 % lệ phí đăng ký việc nuôi con nuôi: * Cô, cậu, dì, chú, bác nhận cháu ruột làm con nuôi; * Cha dượng, mẹ kế nhận con riêng của vợ hoặc chồng làm con nuôi; * Trường hợp nhận hai trẻ em trở lên là anh, chị em ruột làm con nuôi, thì từ trẻ em thứ hai trở đi được giảm 50% mức lệ phí đăng ký nuôi con nuôi nước ngoài. <p>2. Chi phí giải quyết nuôi con nuôi nước ngoài</p> <ul style="list-style-type: none"> + Đối tượng nộp: Người nước ngoài không thường trú tại Việt Nam nhận trẻ em Việt Nam được giới thiệu + Mức chi phí: 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng)/01 trường hợp + Đối tượng được miễn nộp chi phí: * Cô, cậu, dì, chú, bác nhận cháu ruột làm con nuôi; * Cha dượng, mẹ kế nhận con riêng của vợ hoặc chồng làm con nuôi; <p>- Người nhận trẻ em bị sút môi hở hàm ếch; trẻ em bị mù một hoặc cả hai mắt; trẻ em bị câm, điếc; trẻ em bị khoèo chân, tay; trẻ em không có ngón hoặc bàn chân, tay; trẻ em nhiễm HIV; trẻ em mắc các bệnh về tim; trẻ em bị thoát vị rốn, bẹn, bụng; trẻ em không có hậu môn hoặc bộ phận sinh dục; trẻ em bị các bệnh về máu; trẻ em mắc bệnh cần điều trị cả đời; trẻ em bị khuyết tật khác hoặc mắc bệnh hiểm nghèo khác mà cơ hội được nhận làm con nuôi bị hạn chế.</p>
Tên mẫu đơn, mẫu	- Đơn xin nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi (dùng cho

<p>tờ khai</p>	<p>trường hợp xin đích danh) - TP/CN-2014/CNNNg.04</p> <p>- Bản tóm tắt đặc điểm, sở thích, thói quen của trẻ em -TP/CN-2014/CNNNg. 05.</p> <p>Mẫu đính kèm hoặc tải về từ website: www.sotuphaphanoi.gov.vn</p>
<p>Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC</p>	<p>1. Việc thực hiện thủ tục đăng ký nuôi con nuôi nước ngoài phải đảm bảo nguyên tắc ; bảo đảm quyền , lợi ích hợp pháp của người được nhận làm con nuôi và người nhận con nuôi, tự nguyện, bình đẳng, không phân biệt nam nữ, không trái pháp luật và đạo đức xã hội.</p> <p>2. Chỉ cho trẻ em Việt Nam làm con nuôi nước ngoài khi không thể tìm được gia đình thay thế ở trong nước.</p> <p>3. Điều kiện đối với người xin nhận con nuôi:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phải có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật nước nơi người đó thường trú. - Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ - Hơn con nuôi từ 20 tuổi trở lên. - Có điều kiện về sức khỏe, kinh tế, chỗ ở đảm bảo việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con nuôi. - Có tư cách đạo đức tốt <p>Chú ý: Đối với trường hợp cha dượng nhận con riêng của vợ, mẹ kế nhận con riêng của chồng hoặc cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận cháu làm con nuôi thì không áp dụng điều kiện hơn con nuôi từ 20 tuổi trở lên và điều kiện về sức khỏe, kinh tế, chỗ ở.</p> <p>4. Những người không được nhận con nuôi</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đang bị hạn chế một số quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên. - Đang chấp hành quyết định xử phạt hành chính tại cơ sở giáo dục, cơ sở chữa bệnh. - Đang chấp hành hình phạt tù. - Chưa được xóa án tích về một trong các tội cố ý xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của người khác; ngược đãi hoặc hành hạ ông, bà, cha, mẹ, vợ, chồng, con, cháu, người có công nuôi dưỡng mình; dụ dỗ, ép buộc hoặc chứa chấp người chưa thành niên vi phạm pháp luật, mua bán, đánh tráo, chiếm đoạt trẻ em. <p>5. Điều kiện đối với người được nhận làm con nuôi</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trẻ em dưới 16 tuổi - Người từ đủ 16 đến dưới 18 nếu thuộc một trong các trường hợp sau: <p>+ Được cha dượng, mẹ kế nhận làm con nuôi</p>

	<p>+ Được cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận làm con nuôi</p> <p>6. Một người chỉ được làm con nuôi của một người độc thân hoặc cả hai người là vợ chồng</p> <p>7. Cha, mẹ đẻ chỉ được đồng ý cho con làm con nuôi sau khi con đã được sinh ra ít nhất 15 ngày</p> <p>8. Người xin nhận con nuôi phải có mặt trực tiếp tại Việt Nam trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận được thông báo của Sở Tư pháp về quyết định cho nhận con nuôi.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp vì lý do khách quan mà một bên vợ hoặc chồng không thể có mặt tại lễ giao nhận thì phải ủy quyền cho bên kia - Trường hợp có lý do chính đáng thì thời hạn giao nhận có thể kéo dài nhưng không quá 90 ngày. Quá thời gian này, việc nuôi con nuôi sẽ bị hủy <p>9. Lễ giao nhận con nuôi được tổ chức tại trụ sở Sở Tư pháp, có mặt của đại diện Sở Tư pháp, trẻ em được nhận làm con nuôi và cha mẹ nuôi, cha mẹ đẻ hoặc người giám hộ hoặc đại diện cơ sở nuôi dưỡng</p> <p>10. Phiếu lý lịch tư pháp, văn bản xác nhận tình trạng sức khỏe, bản điều tra tâm lý, gia đình, xác nhận thu nhập và tài sản của người xin nhận con nuôi có giá trị sử dụng nếu được cấp chưa quá 06 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ.</p> <p>11. Trường hợp người xin nhận con nuôi từ chối nhận trẻ em được giới thiệu làm con nuôi mà không có lý do chính đáng thì hồ sơ xin nhận con nuôi của người đó chấm dứt</p>
<p>Căn cứ pháp lý</p>	<ol style="list-style-type: none"> 1. Bộ luật Dân sự 2005 2. Luật nuôi con nuôi 2010 3. Nghị định số 19/2011/NĐ – CP ngày 21/3/2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật nuôi con nuôi. 4. Thông tư 24/2014/TT – BTP ngày 29/12/2014 về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 12/2011/TT-BTP ngày 27/6/2011 của Bộ Tư pháp về việc ban hành và hướng dẫn việc ghi chép, lưu trữ, sử dụng biểu mẫu nuôi con nuôi. 5. Thông tư 15/2014/TT-BTP ngày 20/5/2014 hướng dẫn tìm gia đình thay thế ở nước ngoài cho trẻ em khuyết tật, trẻ mắc bệnh hiểm nghèo, trẻ em từ 5 tuổi trở lên, hai trẻ em trở lên là anh chị em ruột cần tìm gia đình thay thế

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence-Freedom -Happiness

Ảnh 4 x 6 cm

(Chụp chưa quá 6 tháng)

Photograph 4x6

(Taken not over 6 months)

ĐƠN XIN NHẬN TRẺ EM VIỆT NAM

LÀM CON NUÔI

(Dùng cho trường hợp xin đích danh)

APPLICATION FOR VIETNAMESE CHILD ADOPTION

(Used on nominal request)

Kính gửi: Bộ Tư pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam

To: Ministry of Justice of Socialist Republic of Vietnam

Chúng tôi/tôi là/ We are/I am:

	Ông/Mr.	Bà/Mrs.
Họ và tên <i>Full name</i>		
Ngày, tháng, năm sinh <i>Date of birth</i>		
Nơi sinh/ <i>Place of birth</i>		
Quốc tịch/ <i>Nationality</i>		
Nghề nghiệp/ <i>Occupation</i>		
Nơi thường trú <i>Permanent residence</i>		
Số Hộ chiếu/Giấy CMND <i>Passport/National ID N^o</i>		
Nơi cấp/ <i>Place of issue</i>		
Ngày, tháng, năm cấp		

<i>Date of issue</i>		
Địa chỉ liên hệ <i>Address for correspondence</i>		
Điện thoại,/fax/ email <i>Tel/fax/email</i>		
Quan hệ với trẻ em được nhận làm con nuôi/ <i>Relationship with adoptee</i>		

Có nguyện vọng nhận trẻ em dưới đây làm con nuôi/Having wished to adopt a child with the following identification:

Họ và tên/*Full name*: Giới tính/*Sex*:

Ngày, tháng, năm sinh/*Date of birth*:

Nơi sinh/*Place of birth*:

Dân tộc/*Ethnic group*: Quốc tịch/*Nationality*:

Tình trạng sức khỏe/*Health status*:

Hiện đang sống tại/ *The child is living at*:

- Cơ sở nuôi dưỡng/*Institution*¹:

.....

- Gia đình/*Family*:

	Ông/Mr.	Bà/Mrs.
Họ và tên/ <i>Full name</i>		
Ngày, tháng, năm sinh <i>Date of birth</i>		
Nơi sinh/ <i>Place of birth</i>		
Dân tộc/ <i>Ethnic group</i>		
Số Giấy CMND/Hộ chiếu <i>National ID/Passport N^o</i>		

¹ Ghi rõ tên và địa chỉ cơ sở nuôi dưỡng/*Full name and address of Institution*.

Nơi cấp/ <i>Place of issue</i>		
Ngày, tháng, năm cấp <i>Date of issue</i>		
Địa chỉ liên hệ <i>Address for correspondence</i>		
Điện thoại./fax/ email <i>Tel/fax/email</i>		
Quan hệ với trẻ em được nhận làm con nuôi/ <i>Relationship with adoptee</i>		

Lý do nhận con nuôi/*Reasons for adoption:*

.....
.....
.....

Nếu được nhận trẻ em nói trên làm con nuôi, chúng tôi/tôi cam kết sẽ chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ em như con đẻ của mình và thực hiện mọi nghĩa vụ của cha mẹ đối với con theo quy định của pháp luật. Đồng thời, chúng tôi/tôi cam kết trong thời hạn ba năm, kể từ ngày giao nhận con nuôi, định kỳ 06 tháng một lần, gửi thông báo về tình hình phát triển của con nuôi (có kèm theo ảnh) cho Bộ Tư pháp Việt Nam và Cơ quan đại diện của Việt Nam tại nước nơi con nuôi thường trú.

If we/I adopt a child, we/I commit to take care of, to nourish and to educate the child as our/my natural child and realise all obligations of parents with the child according to applicable Laws. In addition, we/I commit every 6 months and within the period of three years since the day of handover our/my adopted child, to provide reports on the development of our/my adopted child (with the photographs) and send them to Ministry of Justice of Socialist Republic of Vietnam and Vietnamese Missions at the country where our/my adopted child residing.

Đề nghị Bộ Tư pháp Việt Nam xem xét, giải quyết.

We/I would like to petition the Ministry of Justice to examine and approve our/my adoption.

....., ngày.....tháng.....năm.....

Done at....., on.....

ÔNG /Mr.

BÀ/Mrs.

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Signature and full name)

(Signature and full name)

Thủ tục 4	Đăng ký nuôi con con nuôi có yếu tố nước ngoài (trường hợp nhận con nuôi không đích danh)
Trình tự thực hiện	<p>Bước 1: Người nhận con nuôi nộp hồ sơ cho Cục Con nuôi thông qua tổ chức con nuôi nước ngoài hoạt động tại Việt Nam, nếu không có tổ chức con nuôi nước ngoài thì nộp thông qua Cơ quan đại diện ngoại giao hoặc Cơ quan Lãnh sự tại Việt Nam.</p> <p>Bước 2. Cục Con nuôi kiểm tra, thẩm định hồ sơ, nếu cần thiết thì lấy ý kiến chuyên gia.</p> <p>Bước 3. Cục Con nuôi chuyển hồ sơ của người nhận con nuôi về Sở Tư pháp.</p> <p>Bước 4. Sở Tư pháp giới thiệu trẻ em và báo cáo UBND cấp tỉnh cho ý kiến.</p> <p>Bước 5. Sở Tư pháp chuyển cho Cục Con nuôi 01 bộ hồ sơ của trẻ em kèm theo văn bản đồng ý của UBND thành phố.</p> <p>Bước 6. Cục Con nuôi kiểm tra kết quả giới thiệu trẻ em. Nếu cần thiết thì Cục Con nuôi tham vấn ý kiến của các chuyên gia trong lĩnh vực tâm lý, y tế, gia đình, xã hội.</p> <p>Bước 7. Cục Con nuôi lập bản đánh giá việc trẻ em Việt Nam đủ điều kiện được cho làm con nuôi nước ngoài và thông báo cho cơ quan có thẩm quyền của nước nơi người nhận con nuôi thường trú.</p> <p>Bước 8. Người nhận con nuôi gửi giấy đồng ý và xác nhận của cơ quan có thẩm quyền về việc trẻ em sẽ được nhập cảnh và thường trú tại nước mà trẻ em được nhận làm con nuôi.</p> <p>Bước 9. Cục Con nuôi thông báo cho Sở Tư pháp ý kiến đồng</p>

	<p>ý của người xin nhận con nuôi.</p> <p>Bước 10. Sở Tư pháp trình UBND cấp tỉnh quyết định cho trẻ em làm con nuôi người nước ngoài.</p> <p>Bước 11. Sau khi có quyết định của UBND cấp tỉnh, Sở Tư pháp thông báo cho người xin nhận con nuôi đến Việt Nam để nhận con nuôi.</p> <p>Bước 12. Sở Tư pháp đăng ký việc nuôi con nuôi theo quy định của pháp luật về đăng ký hộ tịch và tổ chức lễ giao nhận con nuôi tại trụ sở Sở Tư pháp.</p> <p>Bước 13. Bộ Tư pháp chứng nhận việc nuôi con nuôi đã được giải quyết theo đúng quy định của Luật nuôi con nuôi và các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên (nếu có yêu cầu).</p>
<p>Cách thức thực hiện</p>	<p>- Trường hợp nhận con nuôi không đích danh, thì người nhận con nuôi thường trú tại nước là thành viên của điều ước quốc tế về hợp tác nuôi con nuôi với Việt Nam nộp hồ sơ cho Cục Con nuôi thông qua tổ chức con nuôi của nước đó được cấp phép hoạt động tại Việt Nam; nếu nước đó không có tổ chức con nuôi được cấp phép hoạt động tại Việt Nam, thì người nhận con nuôi nộp hồ sơ cho Cục Con nuôi thông qua Cơ quan đại diện Ngoại giao hoặc Cơ quan Lãnh sự của nước đó tại Việt Nam.</p> <p>- Đối với trường hợp người nước ngoài thường trú ở Việt Nam nhận con nuôi, hồ sơ của người nhận con nuôi và người được giới thiệu làm con nuôi được nộp tại Sở Tư pháp thành phố Hà Nội nếu như trẻ em được giới thiệu làm con nuôi thường trú tại Hà Nội.</p> <p>- Cơ quan tiếp nhận hồ sơ của người xin nhận con nuôi: Cục Con nuôi - Bộ Tư pháp Việt Nam. Địa chỉ: Số 58 - 60 đường Trần Phú, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.</p> <p>- Cơ quan tiếp nhận hồ sơ của trẻ em được cho làm con nuôi: Sở Tư pháp TP Hà Nội. Địa chỉ: Số 1B – Trần Phú – Hà Đông – Hà Nội)</p>
<p>Thành phần hồ sơ</p>	<p>I. Hồ sơ của người xin nhận con nuôi:</p> <p>1. Giấy tờ phải nộp</p> <p>1.1. Đơn xin nhận con nuôi (theo mẫu).</p> <p>1.2. Bản sao hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế.</p> <p>1.3. Văn bản cho phép được nhận con nuôi ở Việt Nam.</p> <p>1.4. Bản điều tra về tâm lý, gia đình.</p>

1.5. Văn bản xác nhận tình trạng sức khỏe.

1.6. Văn bản xác nhận thu nhập và tài sản.

1.7. Phiếu lý lịch tư pháp.

1.8. Văn bản xác nhận tình trạng hôn nhân.

Các giấy tờ, tài liệu quy định tại các điểm 1.2 đến 1.8 do cơ quan có thẩm quyền của nước nơi người nhận con nuôi thường trú lập, cấp hoặc xác nhận.

Chú ý: Các giấy tờ nêu trên do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp phải được dịch sang tiếng Việt Nam và hợp pháp hoá tại Cơ quan đại diện Ngoại giao hoặc Cơ quan Lãnh sự của Việt Nam ở nước ngoài, trừ trường hợp được miễn hợp pháp hóa lãnh sự theo Điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên hoặc theo nguyên tắc có đi có lại.

II. Hồ sơ của trẻ em được cho làm con nuôi:

1. Giấy khai sinh;

2. Giấy khám sức khỏe do cơ quan y tế cấp huyện trở lên cấp;

3. Hai ảnh toàn thân, nhìn thẳng chụp không quá 06 tháng;

4. Biên bản xác nhận do Ủy ban nhân dân hoặc Công an cấp xã nơi phát hiện trẻ bị bỏ rơi lập đối với trẻ em bị bỏ rơi;

Hoặc Giấy chứng tử của cha đẻ, mẹ đẻ hoặc quyết định của Tòa án tuyên bố cha đẻ, mẹ đẻ của trẻ em là đã chết đối với trẻ em mồ côi;

Hoặc quyết định của Tòa án tuyên bố cha đẻ, mẹ đẻ của người được giới thiệu làm con nuôi mất tích đối với người được giới thiệu làm con nuôi mà cha đẻ, mẹ đẻ mất tích;

Hoặc quyết định của Tòa án tuyên bố cha đẻ, mẹ đẻ của người được giới thiệu làm con nuôi mất năng lực hành vi dân sự đối với người được giới thiệu làm con nuôi mà cha đẻ, mẹ đẻ mất năng lực hành vi dân sự;

5. Quyết định tiếp nhận đối với trẻ em ở cơ sở nuôi dưỡng.

6. Văn bản về đặc điểm, sở thích, thói quen đáng lưu ý của trẻ em; (trường hợp cha dưỡng hoặc mẹ kế nhận con riêng của vợ hoặc chồng làm con nuôi thì không cần văn bản này).

7. Tài liệu chứng minh đã thực hiện việc tìm gia đình thay thế trong nước cho trẻ em nhưng không thành :

+ Văn bản của Sở Tư pháp kèm theo giấy tờ, tài liệu về việc đã thông báo tìm gia đình thay thế trong nước cho trẻ em;

+ Văn bản xác nhận của Cục Con nuôi về việc đã hết thời hạn

	<p>thông báo theo quy định, nhưng không có người trong nước nhận trẻ em làm con nuôi.</p> <p>Chú ý: Cha mẹ đẻ hoặc người giám hộ lập hồ sơ của người được giới thiệu làm con nuôi sống tại gia đình; cơ sở nuôi dưỡng lập hồ sơ của trẻ em được giới thiệu làm con nuôi sống tại cơ sở nuôi dưỡng.</p>
Số lượng	<ul style="list-style-type: none"> - Hồ sơ của người xin nhận con nuôi: 02 bộ (nộp tại Cục con nuôi – Bộ Tư pháp Việt Nam) - Hồ sơ của người được giới thiệu làm con nuôi: 03 bộ (nộp tại Sở Tư pháp Hà Nội – nếu trẻ em được giới thiệu làm con nuôi đang thường trú tại Hà Nội).
Thời hạn giải quyết	<p>1. Thời hạn Sở Tư pháp kiểm tra, xác minh hồ sơ và xác nhận trẻ đủ điều kiện làm con nuôi:</p> <ul style="list-style-type: none"> + 20 ngày (đối với trẻ em ở gia đình) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ + Trường hợp trẻ bị bỏ rơi, cần đề nghị Công an Thành phố xác minh thì thời hạn xác minh là 30 ngày kể từ ngày cơ quan Công an nhận được đề nghị của Sở Tư pháp. <p>2. Thời hạn Cục Con nuôi kiểm tra, thẩm định hồ sơ người xin nhận con nuôi : 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ</p> <p>3. Thời hạn Sở Tư pháp giới thiệu trẻ em và báo cáo UBND TP : 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ của người xin nhận con nuôi</p> <p>4. Thời hạn UBND TP cho ý kiến về việc với thiệu trẻ của Sở Tư pháp: 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ do Sở Tư pháp trình.</p> <p>5. Thời hạn Cục Con nuôi kiểm tra báo cáo kết quả giới thiệu trẻ em và thông báo cho người nhận con nuôi: 30 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả giới thiệu trẻ.</p> <p>6. Thời hạn Cục Con nuôi thông báo cho Sở Tư pháp ý kiến đồng ý của người xin nhận con nuôi, xác nhận trẻ được nhập cảnh và thường trú tại nước người xin nhận con nuôi: 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản xác nhận của cơ quan có thẩm quyền nước nơi người xin nhận thường trú đồng ý.</p> <p>7. Thời hạn UBND thành phố ra quyết định cho trẻ em làm con nuôi người nước ngoài: 15 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo của Sở Tư pháp về thông báo của Cục con nuôi – Bộ Tư pháp.</p>
Đối tượng thực hiện TTHC	<ol style="list-style-type: none"> 1. Người Việt Nam định cư ở nước ngoài, người nước ngoài thường trú ở nước cùng là thành viên của điều ước quốc tế về nuôi con nuôi với Việt Nam nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi. 2. Công dân Việt Nam thường trú ở trong nước nhận trẻ em nước ngoài làm con nuôi.

Cơ quan thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND TP Hà Nội (người được giới thiệu làm con nuôi thường trú tại Hà Nội); - Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục TTHC: Cục Con nuôi, Bộ Tư pháp; Sở Tư pháp Hà Nội. - Cơ quan phối hợp (nếu có): Công an TP Hà Nội.
Kết quả thực hiện TTHC	<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định cho trẻ em Việt Nam làm con nuôi nước ngoài. - Trường hợp từ chối thực hiện, Bộ Tư pháp/UBND TP hoặc Sở Tư pháp trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do từ chối.
Lệ phí	<p>1. Lệ phí đăng ký nuôi con nuôi nước ngoài : 9.000.000đ /01 trường hợp (Chín triệu đồng).</p> <p>2. Những trường hợp được giảm, miễn lệ phí:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Đối tượng được giảm 50 % lệ phí đăng ký việc nuôi con nuôi: * Cô, cậu, dì, chú, bác nhận cháu ruột làm con nuôi; * Cha dượng, mẹ kế nhận con riêng của vợ hoặc chồng làm con nuôi; * Trường hợp nhận hai trẻ em trở lên là anh, chị em ruột làm con nuôi, thì từ trẻ em thứ hai trở đi được giảm 50% mức lệ phí đăng ký nuôi con nuôi nước ngoài. <p>3. Chi phí giải quyết nuôi con nuôi nước ngoài</p> <ul style="list-style-type: none"> + Đối tượng nộp: Người nước ngoài không thường trú tại Việt Nam nhận trẻ em Việt Nam được giới thiệu + Mức chi phí: 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng)/01 trường hợp + Đối tượng được miễn nộp chi phí: * Cô, cậu, dì, chú, bác nhận cháu ruột làm con nuôi; * Cha dượng, mẹ kế nhận con riêng của vợ hoặc chồng làm con nuôi; - Người nhận trẻ em bị sút môi hở hàm ếch; trẻ em bị mù một hoặc cả hai mắt; trẻ em bị câm, điếc; trẻ em bị khoèo chân, tay; trẻ em không có ngón hoặc bàn chân, tay; trẻ em nhiễm HIV; trẻ em mắc các bệnh về tim; trẻ em bị thoát vị rốn, bẹn, bụng; trẻ em không có hậu môn hoặc bộ phận sinh dục; trẻ em bị các bệnh về máu; trẻ em mắc bệnh cần điều trị cả đời; trẻ em bị khuyết tật khác hoặc mắc bệnh hiểm nghèo khác mà cơ hội được nhận làm con nuôi bị hạn chế.
Tên mẫu đơn, mẫu	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn xin nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi (dùng cho

<p>tờ khai</p>	<p>trường hợp xin không đích danh) - TP/CN-2014/CNNNg.04.a</p> <p>- Bản tóm tắt đặc điểm, sở thích, thói quen của trẻ em - TP/CN-2014/CNNNg.05</p> <p>(Mẫu đính kèm hoặc tải về từ website: www.sotuphaphanoi.gov.vn)</p>
<p>Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC</p>	<p>1. Việc thực hiện thủ tục đăng ký nuôi con nuôi nước ngoài phải đảm bảo nguyên tắc; bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của người được nhận làm con nuôi và người nhận con nuôi, tự nguyện, bình đẳng, không phân biệt nam nữ, không trái pháp luật và đạo đức xã hội.</p> <p>2. Chỉ cho trẻ em Việt Nam làm con nuôi nước ngoài khi không thể tìm được gia đình thay thế ở trong nước.</p> <p>3. Điều kiện đối với người xin nhận con nuôi:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phải có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật nước nơi người đó thường trú - Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ - Hơn con nuôi từ 20 tuổi trở lên - Có điều kiện về sức khỏe, kinh tế, chỗ ở đảm bảo việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con nuôi - Có tư cách đạo đức tốt <p>Chú ý: Đối với trường hợp cha dượng nhận con riêng của vợ, mẹ kế nhận con riêng của chồng hoặc cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận cháu làm con nuôi thì không áp dụng điều kiện hơn con nuôi từ 20 tuổi trở lên và điều kiện về sức khỏe, kinh tế, chỗ ở.</p> <p>4. Những người không được nhận con nuôi</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đang bị hạn chế một số quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên - Đang chấp hành quyết định xử phạt hành chính tại cơ sở giáo dục, cơ sở chữa bệnh - Đang chấp hành hình phạt tù - Chưa được xóa án tích về một trong các tội cố ý xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của người khác; ngược đãi hoặc hành hạ ông, bà, cha, mẹ, vợ, chồng, con, cháu, người có công nuôi dưỡng mình; dụ dỗ, ép buộc hoặc chứa chấp người chưa thành niên vi phạm pháp luật, mua bán, đánh tráo, chiếm đoạt trẻ em. <p>5. Điều kiện đối với người được nhận làm con nuôi</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trẻ em dưới 16 tuổi - Người từ đủ 16 đến dưới 18 nếu thuộc một trong các trường hợp: <p>+ Được cha dượng, mẹ kế nhận con riêng của vợ hoặc chồng làm con nuôi</p>

	<p>+ Được cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận làm con nuôi</p> <p>6. Một người chỉ được làm con nuôi của một người độc thân hoặc cả hai người là vợ chồng</p> <p>7. Cha, mẹ đẻ chỉ được đồng ý cho con làm con nuôi sau khi con đã được sinh ra ít nhất 15 ngày</p> <p>8. Người xin nhận con nuôi phải có mặt trực tiếp tại Việt Nam trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận được thông báo của Sở Tư pháp về quyết định cho nhận con nuôi.</p> <p>- Trường hợp vì lý do khách quan mà một bên vợ hoặc chồng không thể có mặt tại lễ giao nhận thì phải ủy quyền cho bên kia</p> <p>- Trường hợp có lý do chính đáng thì thời hạn giao nhận có thể kéo dài nhưng không quá 90 ngày. Quá thời gian này, việc nuôi con nuôi sẽ bị hủy</p> <p>9. Lễ giao nhận con nuôi được tổ chức tại trụ sở Sở Tư pháp, có mặt của đại diện Sở Tư pháp, trẻ em được nhận làm con nuôi và cha mẹ nuôi, cha mẹ đẻ hoặc người giám hộ hoặc đại diện cơ sở nuôi dưỡng</p> <p>10. Người nhận con nuôi không được có bất kỳ sự tiếp xúc nào đối với cha, mẹ, người giám hộ hoặc cơ sở nuôi dưỡng của trẻ trước khi nhận được thông báo giới thiệu trẻ</p> <p>11. Trường hợp người xin nhận con nuôi từ chối nhận trẻ em được giới thiệu làm con nuôi mà không có lý do chính đáng thì hồ sơ xin nhận con nuôi của người đó chấm dứt.</p>
<p>Căn cứ pháp lý</p>	<ol style="list-style-type: none"> 1. Bộ luật Dân sự 2005 2. Luật nuôi con nuôi 2010 3. Nghị định số 19/2011/NĐ – CP ngày 21/3/2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật nuôi con nuôi. 4. Thông tư 24/2014/TT – BTP-ngày 29/12/2014 về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 12/2011/TT-BTP ngày 27/6/2011 của Bộ Tư pháp về việc ban hành và hướng dẫn việc ghi chép, lưu trữ, sử dụng biểu mẫu nuôi con nuôi. 5. Thông tư 15/2014/TT-BTP ngày 20/5/2014 hướng dẫn tìm gia đình thay thế ở nước ngoài cho trẻ em khuyết tật, trẻ mắc bệnh hiểm nghèo, trẻ em từ 5 tuổi trở lên, hai trẻ em trở lên là anh chị em ruột cần tìm gia đình thay thế

Kính gửi: Bộ Tư pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam

To: Ministry of Justice of Socialist Republic of Vietnam

Chúng tôi/tôi là/ We are/I am:

	Ông/Mr.	Bà/Mrs.
Họ và tên <i>Full name</i>		
Ngày, tháng, năm sinh <i>Date of birth</i>		
Nơi sinh/ <i>Place of birth</i>		
Quốc tịch/ <i>Nationality</i>		
Nghề nghiệp/ <i>Occupation</i>		
Nơi thường trú <i>Permanent residence</i>		
Số Hộ chiếu/Giấy CMND <i>Passport/National ID N^o</i>		
Nơi cấp/ <i>Place of issue</i>		
Ngày, tháng, năm cấp <i>Date of issue</i>		
Địa chỉ liên hệ <i>Address for correspondence</i>		
Điện thoại./fax/ email <i>Tel/fax/email</i>		

Có nguyện vọng nhận trẻ em có đặc điểm như sau làm con nuôi/*Having wished to adopt a child with the following characteristics:*

Độ tuổi/*Age*:

Giới tính/*Sex*:

Tình trạng sức khoẻ/*Health status:*

Những đặc điểm khác, nếu có/*Other characteristics, if any:*

Lý do xin nhận con nuôi/*Reasons for adoption:*

Chúng tôi/tôi ủy quyền cho Tổ chức con nuôi² thay mặt chúng tôi/tôi thực hiện các thủ tục giải quyết việc nuôi con nuôi ở Việt Nam.

We/I have appointed to act on our behalf in fulfilling all necessary adoption procedures in Vietnam.

Nếu được nhận trẻ em nói trên làm con nuôi, chúng tôi/tôi cam kết sẽ chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ em như con đẻ của mình và thực hiện mọi nghĩa vụ của cha mẹ đối với con theo quy định của pháp luật. Đồng thời, chúng tôi/tôi cam kết trong thời hạn ba năm, kể từ ngày giao nhận con nuôi, định kỳ 06 tháng một lần, gửi thông báo về tình hình phát triển của con nuôi (có kèm theo ảnh) cho Bộ Tư pháp Việt Nam và Cơ quan đại diện của Việt Nam tại nước nơi con nuôi thường trú.

If we/I adopt a child, we/I commit to take care of, to nourish and to educate the child as our/my natural child and realise all obligations of parents with the child according to applicable Laws. In addition, we/I commit every 6 months and within the period of three years since the day of handover our/my adopted child, to provide reports on the development of our/my adopted child(with the photographs) and send them to Ministry of Justice of Socialist Republic of Vietnam and Vietnamese Missions at the country where our/my adopted child residing.

Đề nghị Bộ Tư pháp Việt Nam xem xét, giải quyết.

We/I would like to petition the Ministry of Justice to examine and approve our/my ado

....., ngày..... tháng năm.....

Done at....., on.....

ÔNG /Mr.

BÀ/Mrs.

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Signature and full name)

(Signature and full name)

² Ghi tên Tổ chức con nuôi nhận hỗ trợ cho người xin nhận con nuôi/Full name of appointed Adoption Agency.

Thủ tục 5	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài
Trình tự thực hiện	<p>Bước 1: Công dân điền tờ khai đăng ký lại việc nuôi con nuôi, chuẩn bị hồ sơ và nộp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Sở Tư pháp Hà Nội.</p> <p>Bước 2: Cán bộ một cửa tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ .</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đầy đủ, đúng theo quy định thì tiếp nhận và ghi phiếu hẹn trả kết quả cho công dân - Trường hợp hồ sơ chưa đủ hoặc cần bổ sung thì phải hướng dẫn công dân bổ sung hồ sơ, hoàn thiện hồ sơ. - Trường hợp hồ sơ không thuộc thẩm quyền giải quyết của đơn vị mình thì hướng dẫn công dân tới cơ quan có thẩm quyền theo quy định <p>Bước 3 : Bộ phận một cửa vào sổ tiếp nhận , chuyển hồ sơ tới phòng Hành chính tư pháp chuyên môn để giải quyết theo quy định.</p> <p>Bước 4: Phòng Hành chính tư pháp tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ; Tiến hành giải quyết và chuyển kết quả đúng thời hạn quy định.</p> <p>Trường hợp trong quá trình giải quyết, có yêu cầu cần bổ sung hồ sơ hoặc tiến hành xác minh, phòng Hành chính tư pháp phải kịp thời thông tin tới bộ phận một cửa để thông báo hoặc hẹn lại thời gian giải quyết cho công dân biết .</p> <p>Bước 5: Bộ phận một cửa tiếp nhận kết quả, vào sổ và trả kết quả cho công dân theo quy định.</p>
Cách thức thực hiện	<p>Người có yêu cầu phải trực tiếp nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Sở Tư pháp Hà Nội .</p> <p>Không được ủy quyền cho người khác nộp thay</p> <p>Nơi tiếp nhận: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ hành chính - Sở Tư pháp Hà Nội</p> <p>Địa chỉ : Số 1B – Trần Phú – Hà Đông – Hà Nội</p> <p>ĐT: 0433546151 hoặc 0433546163</p>
Thành phần hồ sơ	<p>Giấy tờ phải nộp:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Tờ khai đăng ký lại việc nuôi con nuôi (theo mẫu) 2. Bản chính hoặc bản sao Quyết định công nhận việc nuôi con nuôi trước đây (nếu còn). 3. Trường hợp Sở Tư pháp thành phố Hà Nội không phải là nơi đăng ký việc nuôi con nuôi trước đây thì Tờ khai phải có cam kết của người yêu cầu đăng ký lại về tính trung thực của việc đăng ký nuôi con nuôi trước đó và có chữ ký của ít nhất hai người làm

	<p>chúng.</p> <p>4. Bản photo Hộ khẩu/Giấy xác nhận tạm trú ; CMND / Hộ chiếu của người yêu cầu</p> <p>Giấy tờ phải xuất trình</p> <p>1. Hộ khẩu/Giấy xác nhận tạm trú ;</p> <p>2. CMND / Hộ chiếu của người yêu cầu</p>
Số lượng	01 bộ
Thời hạn giải quyết	<p>- 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ và đủ điều kiện theo quy định</p> <p>(Không có quy định về thời gian Sở Tư pháp trình UBND cấp tỉnh ký Quyết định cho trẻ em làm con nuôi nước ngoài)</p>
Đối tượng thực hiện TTHC	<p>1. Cha mẹ nuôi hoặc con nuôi nước ngoài thường trú tại Hà Nội</p> <p>2. Cha mẹ nuôi hoặc con nuôi nước ngoài trước đây đăng ký việc nuôi con nuôi nước ngoài tại Sở Tư pháp Hà Nội</p>
Cơ quan thực hiện	<p>- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND TP Hà Nội</p> <p>- Cơ quan trực tiếp thực hiện : Phòng Hành chính tư pháp - Sở Tư pháp Hà Nội</p>
Kết quả thực hiện TTHC	<p>- Bản chính Quyết định cho trẻ em Việt Nam làm con nuôi nước ngoài (đăng lý lại)</p> <p>- Trường hợp từ chối thực hiện, UBND thành phố thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do từ chối cho Sở Tư pháp và công dân.</p>
Lệ phí	- Không
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	<p>- Tờ khai đăng ký lại việc nuôi con nuôi - TP/CN-2011/CN.04</p> <p>Mẫu đính kèm hoặc tải về từ website: www.sotuphaphanoi.gov.vn</p>
Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC	<p>1. Việc đăng ký lại nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài được thực hiện khi việc nuôi con nuôi trước đó đã được đăng ký tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam nhưng cả Sở đăng ký và bản chính Quyết định đều bị mất hoặc hư hỏng không còn sử dụng được.</p> <p>2. Khi thực hiện đăng ký lại, cả cha, mẹ nuôi và con nuôi đều còn sống vào thời điểm đăng ký lại</p>
Căn cứ pháp lý	<p>1. Luật nuôi con nuôi 2010</p> <p>2. Nghị định số 19/2011/NĐ – CP ngày 21/3/2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật nuôi con nuôi.</p> <p>3. Thông tư 24/2014/TT – BTP ngày 29/12/2014 Sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 12/2011/TT-BTP ngày 27/6/2011 của Bộ Tư pháp về việc ban hành và hướng dẫn việc ghi chép, lưu trữ, sử dụng biểu mẫu nuôi con nuôi</p>

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI ĐĂNG KÝ LẠI VIỆC NUÔI CON NUÔI

Kính gửi:³ Sở Tư pháp thành phố Hà Nội

Chúng tôi /tôi là:

	Ông	Bà
Họ và tên		
Ngày, tháng, năm sinh		
Nơi sinh		
Dân tộc		
Quốc tịch		
Nơi thường trú		
Số Giấy CMND/Hộ chiếu		
Nơi cấp		
Ngày, tháng, năm cấp		
Địa chỉ liên hệ		
Điện thoại/fax/email		

Đã nhận người có tên dưới đây làm con nuôi:

Họ và tên:Giới tính:

Ngày, tháng, năm sinh.....

Nơi sinh:

Dân tộc:.....Quốc tịch:

³ Trường hợp nuôi con nuôi trong nước, thì gửi UBND xã/ phường/thị trấn nơi có thẩm quyền đăng ký lại việc nuôi con nuôi. Trường hợp nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài, thì gửi Sở Tư pháp, nơi có thẩm quyền đăng ký lại việc nuôi con nuôi.

Nơi thường trú:

.....
.....

Phân khai về bên giao con nuôi trước đây⁴:

	Ông	Bà
Họ và tên		
Ngày, tháng, năm sinh		
Nơi sinh		
Dân tộc		
Quốc tịch		
Nơi thường trú/tạm trú		
Số Giấy CMND/Hộ chiếu		
Nơi cấp		
Ngày, tháng, năm cấp		
Địa chỉ liên hệ		
Điện thoại/fax/email		

Quan hệ với trẻ được nhận làm con nuôi⁵:

Tên cơ sở nuôi dưỡng:

Chức vụ của người đại diện cơ sở nuôi dưỡng:

.....

Việc nuôi con nuôi đã được đăng ký tại:

.....ngày.....tháng.....năm.....

Chúng tôi cam đoan lời khai trên đây là đúng sự thật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về cam đoan của mình.

⁴ Nếu có được các thông tin này.

⁵ Ghi rõ là cha, mẹ đẻ; người giám hộ hay cơ sở nuôi dưỡng. Nếu là cơ sở nuôi dưỡng thì ghi rõ tên cơ sở nuôi dưỡng, chức vụ của người đại diện cơ sở nuôi dưỡng.

⁴ Không cần có xác nhận của người làm chứng nếu đăng ký lại việc nuôi con nuôi tại UBND cấp xã/STP nơi đã đăng ký việc NCN trước đây.

Đề nghị..... đăng ký.

....., ngàytháng.....năm.....

Người khai

Xác nhận của Người làm chứng thứ nhất⁴

Tôi tên là.....sinh năm

Số CMND....., cư trú tại.....

Tôi xin làm chứng việc nuôi con nuôi nêu trên là đúng sự thật và xin chịu trách nhiệm về việc làm chứng của mình.

....., ngày.....tháng..... năm.....

(Ký, ghi rõ họ tên)

Xác nhận của Người làm chứng thứ hai

Tôi tên là.....sinh năm

Số CMND....., cư trú tại.....

Tôi xin làm chứng việc nuôi con nuôi nêu trên là đúng sự thật và xin chịu trách nhiệm về việc làm chứng của mình.

....., ngày.....tháng..... năm.....

(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ tục 6	Ghi chú việc nuôi con nuôi đã đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài
Trình tự thực hiện	<p>Bước 1: Công dân điền phiếu cung cấp thông tin ghi vào sổ đăng ký nuôi con nuôi việc nuôi con nuôi đã đăng ký trước cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài, chuẩn bị hồ sơ và nộp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả (Bộ phận một cửa) – Sở Tư pháp Hà Nội.</p> <p>Bước 2: Cán bộ một cửa tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ .</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp hồ sơ đầy đủ, đúng theo quy định thì tiếp nhận và ghi phiếu hẹn trả kết quả cho công dân- Trường hợp hồ sơ chưa đủ hoặc cần bổ sung thì phải hướng dẫn công dân bổ sung hồ sơ, hoàn thiện hồ sơ.- Trường hợp hồ sơ không thuộc thẩm quyền giải quyết của đơn vị mình thì hướng dẫn công dân tới cơ quan có thẩm quyền theo quy định

	<p>Bước 3 : Bộ phận một cửa vào sổ tiếp nhận , chuyển hồ sơ tới phòng Hành chính tư pháp để giải quyết theo quy định.</p> <p>Bước 4: Phòng Hành chính tư pháp tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ; Tiến hành giải quyết và chuyển kết quả đúng thời hạn quy định.</p> <p>Trường hợp trong quá trình giải quyết, có yêu cầu cần bổ sung hồ sơ hoặc tiến hành xác minh, phòng Hành chính tư pháp phải kịp thời thông tin tới bộ phận một cửa để thông báo hoặc hẹn lại thời gian giải quyết cho công dân biết .</p> <p>Bước 5: Bộ phận một cửa tiếp nhận kết quả, vào sổ và trả kết quả cho công dân theo quy định.</p>
Cách thức thực hiện	<p>Người có yêu cầu phải trực tiếp nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Sở Tư pháp.</p> <p>Không được ủy quyền cho người khác nộp thay</p> <p>Nơi tiếp nhận: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ hành chính - Sở Tư pháp Hà Nội.</p> <p>Địa chỉ : Số 1B – Trần Phú – Hà Đông – Hà Nội</p> <p>ĐT: 0433546151 hoặc 0433546163</p>
Thành phần hồ sơ	<p>Giấy tờ phải nộp:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Phiếu cung cấp thông tin ghi vào sổ việc nuôi con nuôi đã đăng ký trước cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài. 2. Bản sao chứng thực giấy tờ chứng nhận việc nuôi con nuôi do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp (phải được hợp pháp hóa lãnh sự, dịch sang tiếng Việt). 3. Bản photocopy các loại giấy tờ sau: hộ khẩu, chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu của người yêu cầu ghi chú việc nuôi con nuôi. <p>Giấy tờ phải xuất trình :</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. hộ khẩu, chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu của người yêu cầu ghi chú việc nuôi con nuôi. 2. Bản chính Giấy chứng nhận việc nuôi con nuôi đã đăng ký trước cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài.
Số lượng	01 bộ
Thời hạn giải quyết	<ul style="list-style-type: none"> - Giải quyết sau khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ và đủ điều kiện theo quy định pháp luật. - Trường hợp cần xác minh, thời hạn được kéo dài thêm không quá 05 ngày làm việc.
Đối tượng thực hiện	1. Công dân Việt Nam nhận trẻ em Việt Nam hoặc trẻ em nước ngoài làm con nuôi đã đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền của

TTHC	nước ngoài và được công nhận tại Việt Nam.
Cơ quan thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Tư pháp TP Hà Nội - Cơ quan trực tiếp thực hiện: phòng Hành chính tư pháp – Sở Tư pháp TP Hà Nội.
Kết quả thực hiện TTHC	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy xác nhận đã ghi chú việc nuôi con nuôi - Trường hợp từ chối thực hiện, Sở Tư pháp trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do từ chối.
Lệ phí	50.000đ/01 việc (Năm mươi nghìn đồng)
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	<ul style="list-style-type: none"> - Phiếu cung cấp thông tin ghi vào sổ việc nuôi con nuôi đã đăng ký trước cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài. Mẫu đính kèm hoặc tải về từ website: www.sotuphaphanoi.gov.vn
Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC	<ol style="list-style-type: none"> 1. Việc ghi chú nuôi con nuôi được thực hiện khi việc nuôi con nuôi đã đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài được công nhận tại Việt Nam và không vi phạm các quy định sau: <ul style="list-style-type: none"> - Lợi dụng việc nuôi con nuôi để trục lợi, bóc lột sức lao động, xâm hại tinh dục, bắt cóc, mua bán trẻ em - Giả mạo giấy tờ để giải quyết việc nuôi con nuôi - Phân biệt đối xử giữa con đẻ và con nuôi - Lợi dụng việc cho con nuôi để vi phạm pháp luật về dân số - Lợi dụng việc làm con nuôi của thương binh, người có công với cách mạng, người thuộc dân tộc thiểu số để hưởng chính sách, chế độ ưu đãi của nhà nước 2. Lợi dụng việc nuôi con nuôi để vi phạm pháp luật, phong tục tập quán, đạo đức, truyền thống văn hóa tốt đẹp của dân tộc
Căn cứ pháp lý	<ol style="list-style-type: none"> 1. Luật nuôi con nuôi 2010 2. Nghị định số 19/2011/NĐ – CP ngày 21/3/2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật nuôi con nuôi. 3. Thông tư 24/2014/TT – BTP ngày 29/12/2014 Sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 12/2011/TT-BTP ngày 27/6/2011 của Bộ Tư pháp về việc ban hành và hướng dẫn việc ghi chép, lưu trữ, sử dụng biểu mẫu nuôi con nuôi 4. Quyết định số 12/2009/QĐ – UBND ngày 09/01/2009 của UBND TP Hà Nội về việc thu lệ phí hộ tịch trên địa bàn Hà Nội.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**PHIẾU CUNG CẤP THÔNG TIN GHI VÀO SỔ VIỆC NUÔI CON NUÔI
ĐÃ ĐĂNG KÝ TRƯỚC CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN CỦA NƯỚC
NGOÀI**

Kính gửi: Sở Tư pháp thành phố Hà Nội

Tôi tên là: Giới tính:

Ngày, tháng năm sinh:

Dân tộc: Quốc tịch:

Nơi thường trú, tạm trú:

Giấy CMND/ Giấy tờ hợp lệ thay thế:

Số: Cấp tại:, ngày.....tháng.....năm

**Đề nghị Sở Tư pháp ghi vào sổ đăng ký nuôi con nuôi việc nuôi con nuôi
củavào sổ đăng ký hộ tịch.**

Căn cứ xin ghi chú:

Số:, ngày.....tháng.....năm

Tên cơ quan cấp hoặc ra quyết định:

Nước:

Hà Nội, ngày.....tháng.....năm.....

Người đề nghị

Thủ tục 7	Đăng ký nhận nuôi con nuôi đối với người nước ngoài thường trú tại Việt Nam
Trình tự thực hiện	<p>Bước 1. Người nhận con nuôi nộp hồ sơ của mình và của người được nhận làm con nuôi tại Sở Tư pháp nơi người được giới thiệu làm con nuôi thường trú;</p> <p>Bước 2. Sở Tư pháp kiểm tra hồ sơ, lấy ý kiến của những người có liên quan;</p> <p>Bước 3. Sở Tư pháp trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định;</p> <p>Bước 4. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định cho người nước ngoài thường trú ở Việt Nam nhận con nuôi;</p> <p>Bước 5. Sở Tư pháp đăng ký việc nuôi con nuôi theo quy định của pháp luật về đăng ký hộ tịch</p>
Cách thức thực hiện	<p>Người có yêu cầu phải trực tiếp nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Sở Tư pháp.</p> <p>Không được ủy quyền cho người khác nộp thay</p> <p>Nơi tiếp nhận: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ hành chính - Sở Tư pháp Hà Nội</p> <p>Địa chỉ : Số 1B – Trần Phú – Hà Đông – Hà Nội</p> <p>ĐT: 0433546151 hoặc 0433546163</p>
Thành phần hồ sơ	<p>Hồ sơ của người nhận con nuôi:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Đơn xin nhận con nuôi (theo mẫu) 2. Bản sao Hộ chiếu, CMND hoặc giấy tờ có giá trị thay thế (kèm bản chính để đối chiếu) 3. Phiếu lý lịch tư pháp (Bản chính, được cấp chưa quá 06 tháng) 4. Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân (Bản sao kèm bản chính để đối chiếu nếu là Giấy chứng nhận kết hôn hoặc bản gốc nếu là giấy xác nhận tình trạng độc thân). 5. Giấy khám sức khỏe do cơ quan y tế cấp huyện trở lên cấp (Bản chính, được cấp chưa quá 06 tháng) 6. Văn bản xác nhận hoàn cảnh gia đình, tình trạng chỗ ở, điều kiện kinh tế (UBND cấp xã nơi người nhận thường trú cấp - (Bản chính, được cấp chưa quá 06 tháng) <p>Chú ý:</p> <p>+ Đối với người xin nhận con nuôi là cha dượng nhận con riêng của vợ, mẹ kế nhận con riêng của chồng hoặc cô, dì, chú, bác, cậu nhận cháu thì không cần Giấy khám sức khỏe và các văn bản xác nhận tình trạng kinh tế, chỗ ở, hoàn cảnh gia đình)</p>

	<p>+ Các giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp thì phải được dịch sang tiếng Việt Nam và hợp pháp hoá tại Cơ quan đại diện Ngoại giao hoặc Cơ quan Lãnh sự của Việt Nam ở nước ngoài, trừ trường hợp được miễn hợp pháp hóa lãnh sự theo Điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên hoặc theo nguyên tắc có đi có lại.</p> <p>Hồ sơ của người được nhận làm con nuôi</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Giấy khai sinh; 2. Giấy khám sức khỏe do cơ quan y tế cấp huyện trở lên cấp; 3. Hai ảnh toàn thân, nhìn thẳng chụp không quá 06 tháng; 4. Biên bản xác nhận do Ủy ban nhân dân hoặc Công an cấp xã nơi phát hiện trẻ bị bỏ rơi lập đối với trẻ em bị bỏ rơi; <p>Hoặc Giấy chứng tử của cha đẻ, mẹ đẻ hoặc quyết định của Tòa án tuyên bố cha đẻ, mẹ đẻ của trẻ em là đã chết đối với trẻ em mồ côi;</p> <p>Hoặc quyết định của Tòa án tuyên bố cha đẻ, mẹ đẻ của người được giới thiệu làm con nuôi mất tích đối với người được giới thiệu làm con nuôi mà cha đẻ, mẹ đẻ mất tích;</p> <p>Hoặc quyết định của Tòa án tuyên bố cha đẻ, mẹ đẻ của người được giới thiệu làm con nuôi mất năng lực hành vi dân sự đối với người được giới thiệu làm con nuôi mà cha đẻ, mẹ đẻ mất năng lực hành vi dân sự;</p> <ol style="list-style-type: none"> 5. Quyết định tiếp nhận đối với trẻ em ở cơ sở nuôi dưỡng.
Số lượng	01 bộ
Thời hạn giải quyết	<ol style="list-style-type: none"> 1. Thời hạn kiểm tra và lấy ý kiến của Sở Tư pháp : 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ 2. Thời hạn UBND Thành phố xem xét, quyết định cho người nước ngoài thường trú tại Việt Nam nhận con nuôi : 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ do Sở Tư pháp trình
Đối tượng thực hiện	1. Người nước ngoài thường trú tại Việt Nam xin nhận trẻ em Việt Nam hiện đang thường trú tại Hà Nội làm con nuôi .
Cơ quan thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan có thẩm quyền quyết định : UBND TP Hà Nội - Cơ quan trực tiếp tiếp nhận và thực hiện : Sở Tư pháp Hà Nội (phòng Hộ tịch có yếu tố nước ngoài) - Cơ quan phối hợp (nếu có): Công an thành phố/ UBND cấp xã trên địa bàn
Kết quả thực hiện TTHC	<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định cho người nước ngoài thường trú tại Việt Nam nhận con nuôi Việt Nam - Trường hợp từ chối, UBND TP có văn bản trả lời và nêu rõ

	lý do.
Lệ phí	<ul style="list-style-type: none"> - 400.000đ /01 trường hợp (Bốn trăm nghìn đồng) - Miễn lệ phí đăng ký nuôi con nuôi trong nước đối với trường hợp cha dượng hoặc mẹ kế nhận con riêng của vợ hoặc chồng làm con nuôi; cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận cháu làm con nuôi; nhận trẻ em khuyết tật, trẻ em mắc bệnh hiểm nghèo và việc nuôi con nuôi ở vùng sâu, vùng xa;
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn xin nhận con nuôi (Mẫu TP/CN-2014/CN.02); - Tờ khai hoàn cảnh gia đình của người nhận con nuôi (mẫu sử dụng cho người nhận con nuôi tại Ủy ban nhân dân cấp xã và Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài) - TP/CN-201/CN.06 <p>(mẫu đính kèm hoặc tải về từ website: www.sotuphaphanoi.gov.vn)</p>
Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC	<p>1. Việc thực hiện thủ tục đăng ký nuôi con nuôi nước ngoài phải đảm bảo nguyên tắc ; bảo đảm quyền , lợi ích hợp pháp của người được nhận làm con nuôi và người nhận con nuôi, tự nguyện, bình đẳng, không phân biệt nam nữ, không trái pháp luật và đạo đức xã hội.</p> <p>2. Chỉ cho trẻ em Việt Nam làm con nuôi nước ngoài khi không thể tìm được gia đình thay thế ở trong nước.</p> <p>3. Điều kiện đối với người xin nhận con nuôi:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phải có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật nước nơi người đó thường trú - Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ - Hơn con nuôi từ 20 tuổi trở lên - Có điều kiện về sức khỏe, kinh tế, chỗ ở đảm bảo việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con nuôi - Có tư cách đạo đức tốt <p>Chú ý: Đối với trường hợp cha dượng nhận con riêng của vợ, mẹ kế nhận con riêng của chồng hoặc cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận cháu làm con nuôi thì không áp dụng điều kiện hơn con nuôi từ 20 tuổi trở lên và điều kiện về sức khỏe, kinh tế, chỗ ở.</p> <p>4. Những người không được nhận con nuôi</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đang bị hạn chế một số quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên - Đang chấp hành quyết định xử phạt hành chính tại cơ sở giáo dục, cơ sở chữa bệnh - Đang chấp hành hình phạt tù - Chưa được xóa án tích về một trong các tội cố ý xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của người khác; ngược đãi hoặc hành hạ ông, bà, cha, mẹ, vợ, chồng, con, cháu, người có công nuôi dưỡng mình; dụ dỗ, ép buộc hoặc chứa chấp

	<p>người chưa thành niên vi phạm pháp luật, mua bán, đánh tráo, chiếm đoạt trẻ em.</p> <p>5. Điều kiện đối với người được nhận làm con nuôi</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trẻ em dưới 16 tuổi - Người từ đủ 16 đến dưới 18 nếu thuộc một trong các trường hợp sau: <ul style="list-style-type: none"> + Được cha dượng, mẹ kế nhận làm con nuôi + Được cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận làm con nuôi <p>6. Một người chỉ được làm con nuôi của một người độc thân hoặc cả hai người là vợ chồng</p> <p>7. Cha, mẹ đẻ chỉ được đồng ý cho con làm con nuôi sau khi con đã được sinh ra ít nhất 15 ngày</p> <p>8. Lễ giao nhận con nuôi được tổ chức tại trụ sở Sở Tư pháp, có mặt của đại diện Sở Tư pháp, trẻ em được nhận làm con nuôi và cha mẹ nuôi, cha mẹ đẻ hoặc người giám hộ hoặc đại diện cơ sở nuôi dưỡng</p> <p>9. Trường hợp người xin nhận con nuôi không đến nhận con nuôi không có lý do chính đáng thì UBND cấp tỉnh hủy quyết định cho người nước ngoài thường trú tại Việt Nam nhận con nuôi.</p>
<p>Căn cứ pháp lý</p>	<ol style="list-style-type: none"> 1. Luật nuôi con nuôi 2010 2. Nghị định số 19/2011/NĐ – CP ngày 21/3/2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật nuôi con nuôi. 3. Thông tư 24/2014/TT – BTP ngày 29/12/2014 Sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 12/2011/TT-BTP ngày 27/6/2011 của Bộ Tư pháp về việc ban hành và hướng dẫn việc ghi chép, lưu trữ, sử dụng biểu mẫu nuôi con nuôi

Ảnh 4 x 6cm
(chụp chưa
quá 6 tháng)

Mẫu TP/CN-2011/CN.02

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN XIN NHẬN CON NUÔI

Kính gửi: ⁶ Sở Tư pháp thành phố Hà Nội

Chúng tôi/tôi là:

	Ông	Bà
Họ và tên		
Ngày, tháng, năm sinh		
Nơi sinh		
Dân tộc		
Quốc tịch		
Nghề nghiệp		
Nơi thường trú		
Số Giấy CMND/Hộ chiếu		
Nơi cấp		
Ngày, tháng, năm cấp		
Địa chỉ liên hệ		
Điện thoại/fax/email		

Có nguyện vọng nhận trẻ em dưới đây làm con nuôi:

Họ và tên: Giới tính:

Ngày, tháng, năm sinh:

Nơi sinh:

Dân tộc: Quốc tịch:

Nơi thường trú:

.....

Tình trạng sức khỏe:

.....

⁶ Trường hợp người nhận con nuôi thường trú tại Việt Nam, thì gửi UBND xã/ phường/thị trấn nơi có thẩm quyền đăng ký việc nuôi con nuôi. Trường hợp người nhận con nuôi tạm trú ở nước ngoài, thì gửi Cơ quan đại diện Việt Nam, nơi có thẩm quyền đăng ký việc nuôi con nuôi.

Họ và tên cha:
Ngày, tháng, năm sinh:
Dân tộc:..... Quốc tịch:
Nơi thường trú:

Họ và tên mẹ:
Ngày, tháng, năm sinh:
Dân tộc:..... Quốc tịch:
Nơi thường trú:

Họ và tên, nơi thường trú của cá nhân/tổ chức đang nuôi dưỡng/giám hộ trẻ em⁷:

Quan hệ giữa người xin nhận con nuôi và trẻ em được nhận làm con nuôi:

Lý do xin nhận con nuôi:

Nếu được nhận trẻ em làm con nuôi, chúng tôi/tôi cam kết sẽ chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ em như con đẻ của mình và thực hiện mọi nghĩa vụ của cha mẹ đối với con theo quy định của pháp luật. Chúng tôi/tôi cam kết trong thời hạn ba năm, kể từ ngày giao nhận con nuôi, định kỳ 06 tháng một lần, gửi thông báo về tình trạng phát triển mọi mặt của con nuôi (có kèm theo ảnh) cho.....⁸ nơi chúng tôi/tôi thường trú.

Đề nghị⁹
xem xét, giải quyết.

....., ngày tháng năm.....

ÔNG
(Ký, ghi rõ họ tên)

BÀ
(Ký, ghi rõ họ tên)

⁷ Không cần khai phần này nếu trẻ em đang sống cùng cha, mẹ đẻ. Trường hợp trẻ em đang sống tại cơ sở nuôi dưỡng thì ghi tên, địa chỉ của cơ sở nuôi dưỡng. Trường hợp trẻ em đang sống cùng người giám hộ/người nuôi dưỡng, thì ghi họ tên, địa chỉ của người đang giám hộ/ nuôi dưỡng trẻ em.

⁸ Ghi tên UBND xã/phường/thị trấn hoặc Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài.

⁹ Như kính gửi.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**TỜ KHAI HOÀN CẢNH GIA ĐÌNH CỦA NGƯỜI NHẬN CON NUÔI
PHẦN TỰ KHAI CỦA NGƯỜI NHẬN CON NUÔI**

1. Ông:

Họ và tên: Ngày sinh:

Nơi sinh:

Số Giấy CMND: Nơi cấp: Ngày cấp

Nghề nghiệp:

Nơi thường trú:

Tình trạng hôn nhân¹⁰:

.....

2. Bà:

Họ và tên: Ngày sinh:

Nơi sinh:

Số Giấy CMND: Nơi cấp: Ngày cấp

Nghề nghiệp:

Nơi thường trú:

Tình trạng hôn nhân¹¹:

.....

3. Hoàn cảnh gia đình¹²:

.....

4. Hoàn cảnh kinh tế:

- Nhà ở:

.....

- Mức thu nhập:

.....

- Các tài sản khác:

¹⁰ Khai rõ đây là lần kết hôn thứ mấy của người nhận con nuôi, tình trạng con cái.

¹¹ Khai như chủ thích 1.

¹² Khai rõ hiện nay người nhận con nuôi đang sống cùng với ai; thái độ của những người trong gia đình về việc nhận con nuôi.

....., ngày..... tháng..... năm.....

Ông

Bà

Ý kiến của Tổ trưởng tổ dân phố/Trưởng thôn về người nhận con nuôi:

.....
.....
.....
.....
.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

Tổ trưởng dân phố/Trưởng thôn

(Ký, ghi rõ họ tên)

Xác minh của công chức tư pháp - hộ tịch¹³:

.....
.....
.....
.....
.....
.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

Xác nhận của UBND xã/phường/thị trấn

Người xác minh

(Ký, ghi rõ họ tên)

....., ngày..... tháng..... năm.....

TM. UBND XÃ/PHƯỜNG/THỊ TRẤN

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

¹³ Ý kiến của cán bộ xác minh về các nội dung mà người nhận con nuôi tự khai ở trên. Đánh giá người nhận con nuôi đủ hay không đủ điều kiện để nhận con nuôi.

Thủ tục 8	Đăng ký nhu cầu nhận con nuôi
Trình tự thực hiện	<p>Bước 1: Công dân có nguyện vọng đăng ký nhu cầu tại Sở Tư pháp</p> <p>Bước 2: Sở Tư pháp tiếp nhận đăng ký của công dân</p> <p>Bước 3: Khi có trẻ em để giới thiệu làm con nuôi thì Sở Tư pháp thông báo cho công dân và giới thiệu tới UBND cấp xã nơi trẻ em thường trú để xem xét giải quyết.</p>
Cách thức thực hiện	<p>Người có yêu cầu phải trực tiếp nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Sở Tư pháp .</p> <p>Không được ủy quyền cho người khác nộp thay</p> <p>Nơi tiếp nhận: Sở Tư pháp Hà Nội</p> <p>Địa chỉ : Số 1B – Trần Phú – Hà Đông – Hà Nội</p> <p>ĐT: 0433546151 hoặc 0433546152</p>
Thành phần hồ sơ	Chưa có quy định cụ thể
Số lượng	Chưa quy định cụ thể
Thời hạn giải quyết	Khi có trẻ em giới thiệu, Sở Tư pháp có trách nhiệm thông báo và giới thiệu công dân liên hệ với UBND cấp xã nơi trẻ em thường trú.
Đối tượng thực hiện TTHC	Công dân Việt Nam có nguyện vọng và đủ điều kiện nhận con nuôi
Cơ quan thực hiện	Sở Tư pháp Hà Nội (Phòng Hành chính tư pháp)
Kết quả thực hiện TTHC	Giấy giới thiệu
Lệ phí	Không
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	Không
Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC	<ol style="list-style-type: none"> 1. Công dân Việt Nam đáp ứng đủ yêu cầu đối với người xin nhận con nuôi theo quy định tại Điều 14 Luật nuôi con nuôi 2010. 2. Công dân Việt Nam chưa tìm được trẻ em để nhận làm con nuôi.
Căn cứ	1. Luật Nuôi con nuôi 2010

pháp lý	<p>2. Nghị định số 19/2011/NĐ – CP ngày 21/3/2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật nuôi con nuôi.</p> <p>3. Thông tư 24/2014/TT – BTP ngày 29/12/2014 Sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 12/2011/TT-BTP ngày 27/6/2011 của Bộ Tư pháp về việc ban hành và hướng dẫn việc ghi chép, lưu trữ, sử dụng biểu mẫu nuôi con nuôi</p>
----------------	--

Thủ tục 9	Đăng ký hoạt động của Trung tâm tư vấn, hỗ trợ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài
Trình tự thực hiện	<p>Bước 1: Trung tâm tư vấn, hỗ trợ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài(trung tâm) chuẩn bị hồ sơ và nộp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ hành chính (bộ phận một cửa) – Sở Tư pháp TP Hà Nội</p> <p>Bước 2:Cán bộ một cửa tiếp nhận, kiểm tra giấy tờ trong hồ sơ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận và ghi phiếu hẹn trả kết quả. - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc không hợp lệ thì phải hướng dẫn bổ sung hồ sơ,hoàn thiện hồ sơ bằng văn bản trong đó ghi đầy đủ, rõ ràng loại giấy tờ cần bổ sung, hoàn thiện. - Trường hợp hồ sơ không thuộc thẩm quyền giải quyết của đơn vị mình thì hướng dẫn tới cơ quan có thẩm quyền theo quy định <p>Bước 3: Bộ phận một cửa vào sổ tiếp nhận, chuyển hồ sơ tới phòng Bổ trợ Tư pháp để giải quyết theo quy định.</p> <p>Bước 4: Phòng Bổ trợ Tư pháp tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ; Tiến hành giải quyết và chuyển kết quả đúng thời hạn quy định ra Bộ phận một cửa.</p> <p>Trường hợp trong quá trình giải quyết, nếu có phát sinh yêu cầu cần bổ sung hồ sơ hoặc tiến hành xác minh, phòng Bổ trợ Tư pháp phải kịp thời thông tin tới bộ phận một cửa để thông báo hoặc hẹn lại thời gian giải quyết cho trung tâm biết .</p> <p>Bước 5: Bộ phận một cửa tiếp nhận kết quả, vào sổ và trả kết quả theo phiếu hẹn</p>
Cách thức thực hiện	<p>Cách 1: Người đại diện hợp pháp theo pháp luật của trung tâm nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả (Bộ phận một cửa) - Sở Tư pháp TP Hà Nội</p> <p>Cách 2: Trung tâm có thể gửi hồ sơ qua đường bưu điện (thời hạn giải quyết tính từ ngày nhận được hồ sơ theo dấu bưu điện)</p>

	<p>Nơi tiếp nhận: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ hành chính - Sở Tư pháp TP Hà Nội</p> <p>Địa chỉ : Số 1B – Trần Phú – Hà Đông – Hà Nội</p> <p>ĐT: 0433546151 hoặc 0433546163</p>
Thành phần hồ sơ	<p>a) Tờ khai đăng ký hoạt động theo mẫu quy định;</p> <p>b) Bản sao Quyết định thành lập Trung tâm;</p> <p>c) Giấy tờ chứng minh địa điểm đặt trụ sở của Trung tâm;</p> <p>d) Phiếu lý lịch tư pháp của người dự kiến đứng đầu Trung tâm được cấp chưa quá 03 tháng, tính đến ngày nhận hồ sơ;</p> <p>đ) Bản sao quy chế hoạt động quy định tại Khoản 1 Điều 53 của Nghị định này.</p>
Số lượng	01 bộ
Thời hạn giải quyết	- 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ .
Đối tượng thực hiện TTHC	Trung tâm tư vấn, hỗ trợ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài được Hội liên hiệp phụ nữ (Trung ương Hội liên hiệp phụ nữ hoặc Hội liên hiệp phụ nữ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương) thành lập theo quy định pháp luật, đặt trụ sở hoạt động tại Thành phố Hà Nội.
Cơ quan thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan có thẩm quyền quyết định : Sở Tư pháp TP Hà Nội - Cơ quan trực tiếp thực hiện : phòng Bổ trợ Tư pháp – Sở Tư pháp Hà Nội
Kết quả thực hiện TTHC	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm - Trường hợp từ chối việc cấp Giấy đăng ký hoạt động, Sở Tư pháp thông báo bằng văn bản cho Hội liên hiệp phụ nữ đã thành lập trung tâm trong đó nêu rõ lý do từ chối.
Lệ phí	- Không
Tên mẫu tờ khai	<ul style="list-style-type: none"> - Tờ khai đăng ký hoạt động hỗ trợ kết hôn (Mẫu TP/HTN Ng-2010-KH.3) - Công dân có thể tự viết thông tin hoặc tham khảo mẫu đính kèm hoặc tải về từ website: www.sotuphaphanoi.gov.vn
Yêu cầu, điều kiện	<ol style="list-style-type: none"> 1. Có quy chế hoạt động bảo đảm nguyên tắc quy định tại Điều 52 của Nghị định này được Hội Liên hiệp phụ nữ phê duyệt; 2. Có địa điểm, trang thiết bị, nhân lực cần thiết bảo đảm hoạt động của Trung tâm;

	3. Người dự kiến đứng đầu Trung tâm là người không có tiền án.
Căn cứ pháp lý	Nghị định 126/2014/NĐ – CP ngày 31/12/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hôn nhân và gia đình

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG TƯ VẤN, HỖ TRỢ KẾT HÔN

Kính gửi: Sở Tư pháp thành phố Hà Nội

Trung tâm tư vấn, hỗ trợ kết hôn:.....

Được thành lập theo Quyết định

số:.....ngày.....tháng.....năm....của.....

Địa chỉ trụ sở:.....

Họ và tên người đứng đầu Trung tâm:.....

Số Giấy CMND/Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế:.....

Nội dung hoạt động của Trung tâm:.....

.....

Đề nghị Sở Tư pháp thành phố Hà Nội cấp Giấy đăng ký hoạt động cho Trung tâm chúng tôi.

Chúng tôi cam kết chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật trong lĩnh vực hỗ trợ kết hôn có yếu tố nước ngoài và các quy định khác có liên quan của pháp luật.

Làm tại....., ngày.....tháng.....năm.....

NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU TRUNG TÂM

(Ký và ghi rõ họ tên)

.....

Các giấy tờ kèm theo:

- 1) Quyết định thành lập Trung tâm (bản sao);
- 2) Phiếu lý lịch tư pháp của người đứng đầu Trung tâm;
- 3) Giấy tờ chứng minh về địa điểm đặt trụ sở của Trung tâm;

Thủ tục 10	Cấp lại giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm tư vấn, hỗ trợ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài
Trình tự thực hiện	<p>Bước 1: Trung tâm tư vấn, hỗ trợ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài(trung tâm) chuẩn bị hồ sơ và nộp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ hành chính (bộ phận một cửa) – Sở Tư pháp TP Hà Nội</p> <p>Bước 2:Cán bộ một cửa tiếp nhận, kiểm tra giấy tờ trong hồ sơ .</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận và ghi phiếu hẹn trả kết quả. - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc không hợp lệ thì phải hướng dẫn bổ sung hồ sơ,hoàn thiện hồ sơ bằng văn bản trong đó ghi đầy đủ, rõ ràng loại giấy tờ cần bổ sung, hoàn thiện. - Trường hợp hồ sơ không thuộc thẩm quyền giải quyết của đơn vị mình thì hướng dẫn tới cơ quan có thẩm quyền theo quy định <p>Bước 3: Bộ phận một cửa vào sổ tiếp nhận, chuyển hồ sơ tới phòng Bổ trợ Tư pháp để giải quyết theo quy định.</p> <p>Bước 4: phòng Bổ trợ Tư pháp tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ; Tiến hành giải quyết và chuyển kết quả đúng thời hạn quy định ra bộ phận một cửa.</p> <p>Trường hợp trong quá trình giải quyết, nếu có phát sinh yêu cầu cần bổ sung hồ sơ hoặc tiến hành xác minh, phòng Bổ trợ Tư pháp phải kịp thời thông tin tới bộ phận một cửa để thông báo hoặc hẹn lại thời gian giải quyết cho trung tâm biết .</p> <p>Bước 5: Bộ phận một cửa tiếp nhận kết quả, vào sổ và trả kết quả theo phiếu hẹn</p>
Cách thức thực hiện	<p>Cách 1: Người đại diện hợp pháp theo pháp luật của trung tâm nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả (Bộ phận một cửa) - Sở Tư pháp TP Hà Nội</p> <p>Cách 2: Trung tâm có thể gửi hồ sơ qua đường bưu điện (thời hạn giải quyết tính từ ngày nhận được hồ sơ theo dấu bưu điện)</p> <p>Nơi tiếp nhận: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ hành chính - Sở Tư pháp TP Hà Nội</p> <p>Địa chỉ : Số 1B – Trần Phú – Hà Đông – Hà Nội</p> <p>ĐT: 0433546151 hoặc 0433546163</p>
Thành phần hồ sơ	<ol style="list-style-type: none"> 1. Đơn đề nghị cấp lại Đăng ký hoạt động của Trung tâm (trong đó nêu rõ lý do việc đề nghị cấp lại) 2. Bản sao chứng thực Quyết định thành lập Trung tâm ;

	3. Bản sao Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm (nếu còn);
Số lượng	01 bộ
Thời hạn giải quyết	- 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ .
Đối tượng thực hiện TTHC	Trung tâm tư vấn, hỗ trợ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài được Hội liên hiệp phụ nữ (Trung ương Hội liên hiệp phụ nữ hoặc Hội liên hiệp phụ nữ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương) thành lập theo quy định pháp luật, đặt trụ sở hoạt động tại Thành phố Hà Nội.
Cơ quan thực hiện	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định : Sở Tư pháp TP Hà Nội - Cơ quan trực tiếp thực hiện : phòng Bổ trợ Tư pháp – Sở Tư pháp Hà Nội
Kết quả thực hiện TTHC	- Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm - Trường hợp từ chối việc cấp lại Giấy đăng ký hoạt động, Sở Tư pháp thông báo bằng văn bản cho Hội liên hiệp phụ nữ đã thành lập trung tâm trong đó nêu rõ lý do từ chối.
Lệ phí	- Không
mẫu đơn,	- Không
Yêu cầu, điều kiện	Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm được cấp lại khi bị mất hoặc hư hỏng không sử dụng được.
Căn cứ pháp lý	1. Nghị định 126/2014/NĐ – CP ngày 31/12/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hôn nhân và gia đình

Thủ tục 11	Thay đổi tên gọi, địa điểm đặt trụ sở của Trung tâm tư vấn, hỗ trợ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài
Trình tự thực hiện	<p>Bước 1: Trung tâm tư vấn, hỗ trợ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài(trung tâm) chuẩn bị hồ sơ và nộp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ hành chính (bộ phận một cửa) – Sở Tư pháp TP Hà Nội</p> <p>Bước 2:Cán bộ một cửa tiếp nhận, kiểm tra giấy tờ trong hồ sơ .</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận và ghi phiếu hẹn trả kết quả. - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc không hợp lệ thì phải hướng dẫn bổ sung hồ sơ,hoàn thiện hồ sơ bằng văn bản trong đó ghi đầy đủ, rõ ràng loại giấy tờ cần bổ sung, hoàn thiện. - Trường hợp hồ sơ không thuộc thẩm quyền giải quyết của đơn vị mình thì hướng dẫn tới cơ quan có thẩm quyền theo quy định <p>Bước 3: Bộ phận một cửa vào sổ tiếp nhận, chuyển hồ sơ tới phòng Bộ trợ Tư pháp để giải quyết theo quy định.</p> <p>Bước 4: Phòng Bộ trợ Tư pháp tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ; Tiến hành giải quyết và chuyển kết quả đúng thời hạn quy định ra bộ phận một cửa.</p> <p>Trường hợp trong quá trình giải quyết, nếu có phát sinh yêu cầu cần bổ sung hồ sơ hoặc tiến hành xác minh, phòng Bộ trợ Tư pháp phải kịp thời thông tin tới bộ phận một cửa để thông báo hoặc hẹn lại thời gian giải quyết cho trung tâm biết .</p> <p>Bước 5: Bộ phận một cửa tiếp nhận kết quả, vào sổ và trả kết quả theo phiếu hẹn</p>
Cách thức thực hiện	<p>Cách 1: Người đại diện hợp pháp theo pháp luật của trung tâm nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả (Bộ phận một cửa) - Sở Tư pháp TP Hà Nội</p> <p>Cách 2: Trung tâm có thể gửi hồ sơ qua đường bưu điện (Thời gian giải quyết tính từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ theo dấu bưu điện)</p> <p>Nơi tiếp nhận: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ hành chính - Sở Tư pháp TP Hà Nội</p> <p>Địa chỉ : Số 1B – Trần Phú – Hà Đông – Hà Nội</p> <p>ĐT: 0433546151 hoặc 0433546163</p>
Thành phần hồ sơ	Trung tâm muốn thay đổi về tên gọi, địa điểm đặt trụ sở thì phải có văn bản đề nghị ghi chú thay đổi, kèm theo giấy đăng ký

	hoạt động gửi Sở Tư pháp, nơi đăng ký hoạt động.
Số lượng	01 bộ
Thời hạn giải quyết	- Không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị ghi chú thay đổi .
Đối tượng thực hiện	Trung tâm tư vấn, hỗ trợ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài đã được cấp đăng ký hoạt động tại Sở Tư pháp TP Hà Nội
Cơ quan thực hiện	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định : Sở Tư pháp TP Hà Nội - Cơ quan trực tiếp thực hiện : phòng Bổ trợ Tư pháp – Sở Tư pháp Hà Nội
Kết quả thực hiện TTHC	- Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm đã được ghi chú nội dung thay đổi - Trường hợp từ chối việc ghi chú nội dung thay đổi trong Giấy đăng ký hoạt động, Sở Tư pháp thông báo bằng văn bản cho Trung tâm và trong đó nêu rõ lý do từ chối.
Lệ phí	- Không
Mẫu đơn	- Không
Điều kiện	
Căn cứ pháp lý	- Nghị định 126/2014/NĐ – CP ngày 31/12/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hôn nhân và gia đình

Thủ tục 12	Thay đổi người đứng đầu, nội dung hoạt động của Trung tâm tư vấn, hỗ trợ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài
Trình tự thực hiện	<p>Bước 1: Hội liên hiệp phụ nữ - nơi ra quyết định thành lập Trung tâm chuẩn bị hồ sơ và nộp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ hành chính (bộ phận một cửa) – Sở Tư pháp TP Hà Nội</p> <p>Bước 2: Cán bộ một cửa tiếp nhận, kiểm tra giấy tờ trong hồ sơ .</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận và ghi phiếu hẹn trả kết quả. - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc không hợp lệ thì phải hướng dẫn bổ sung hồ sơ, hoàn thiện hồ sơ bằng văn bản trong đó ghi đầy đủ, rõ ràng loại giấy tờ cần bổ sung, hoàn thiện. - Trường hợp hồ sơ không thuộc thẩm quyền giải quyết của đơn vị mình thì hướng dẫn tới cơ quan có thẩm quyền theo quy định <p>Bước 3: Bộ phận một cửa vào sổ tiếp nhận, chuyển hồ sơ tới phòng Bổ trợ Tư pháp để giải quyết theo quy định.</p> <p>Bước 4: Phòng Bổ trợ Tư pháp tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ; Tiến hành giải quyết và chuyển kết quả đúng thời hạn quy định ra bộ phận một cửa.</p> <p>Trường hợp trong quá trình giải quyết, nếu có phát sinh yêu cầu cần bổ sung hồ sơ hoặc tiến hành xác minh, phòng Bổ trợ Tư pháp phải kịp thời thông tin tới bộ phận một cửa để thông báo hoặc hẹn lại thời gian giải quyết cho trung tâm biết .</p> <p>Bước 5: Bộ phận một cửa tiếp nhận kết quả, vào sổ và trả kết quả theo phiếu hẹn</p>
Cách thức thực hiện	<p>Cách 1: Người đại diện hợp pháp theo pháp luật của Hội liên hiệp phụ nữ - nơi ra quyết định thành lập Trung tâm nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả (Bộ phận một cửa) - Sở Tư pháp TP Hà Nội</p> <p>Cách 2: Hội liên hiệp phụ nữ có thể gửi hồ sơ qua đường bưu điện (Thời gian giải quyết tính từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ theo dấu bưu điện)</p> <p>Nơi tiếp nhận: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ hành chính - Sở Tư pháp TP Hà Nội</p> <p>Địa chỉ : Số 1B – Trần Phú – Hà Đông – Hà Nội</p> <p>ĐT: 0433546151 hoặc 0433546163</p>
Thành phần hồ sơ	- Văn bản gửi Sở Tư pháp, nơi đăng ký hoạt động của Trung tâm, trong đó nêu rõ mục đích, nội dung, lý do thay đổi.

	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm. - Nếu thay đổi người đứng đầu Trung tâm thì còn phải có Phiếu lý lịch tư pháp của người dự kiến thay thế được cấp chưa quá 03 tháng tính đến ngày nhận hồ sơ.
Số lượng	01 bộ
Thời hạn giải quyết	- Không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện TTHC	Hội liên hiệp phụ nữ - nơi đã ra quyết định thành lập Trung tâm tư vấn, hỗ trợ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài đã được cấp đăng ký hoạt động tại Sở Tư pháp TP Hà Nội
Cơ quan thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan có thẩm quyền quyết định : Sở Tư pháp TP Hà Nội - Cơ quan trực tiếp thực hiện : phòng Hỗ trợ Tư pháp – Sở Tư pháp Hà Nội
Kết quả thực hiện TTHC	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm đã được ghi nội dung thay đổi - Trường hợp từ chối cho thay đổi, Sở Tư pháp thông báo bằng văn bản cho Hội liên hiệp phụ nữ và trong đó nêu rõ lý do từ chối.
Lệ phí	Không
mẫu đơn	Không
Yêu cầu, điều kiện	Không
Căn cứ pháp lý	Nghị định 126/2014/NĐ – CP ngày 31/12/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hôn nhân và gia đình

II. LĨNH VỰC QUỐC TỊCH

Thủ tục 13	Nhập quốc tịch Việt Nam
Trình tự thực hiện	<p>Bước 1: Người xin nhập quốc tịch Việt Nam viết đơn hoặc điền đơn xin nhập quốc tịch, chuẩn bị hồ sơ và nộp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Sở Tư pháp Hà Nội</p> <p>Bước 2: Cán bộ tiếp nhận kiểm tra hồ sơ:</p> <p>+ Nếu hồ sơ đầy đủ và hoàn toàn hợp lệ, cán bộ tiếp nhận và ghi phiếu hẹn trả kết quả.</p> <p>+ Nếu hồ sơ chưa đầy đủ thì cán bộ phải hướng dẫn công dân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.</p> <p>Bước 3: Cán bộ tiếp nhận vào sổ và chuyển Phòng Hành chính Tư pháp.</p> <p>Bước 4: Phòng Hành chính Tư pháp tiếp nhận hồ sơ, hoàn thiện các bước theo quy định và chuyển Công an TP, UBND TP/Bộ Tư pháp.</p> <p>Trong quá trình thực hiện, nếu phát hiện hồ sơ cần bổ sung hoặc cần tiến hành xác minh, Phòng Hành chính Tư pháp thông tin kịp thời tới bộ phận một cửa để thông báo cho công dân biết.</p> <p>Bước 5: Sau khi có quyết định của Chủ tịch nước cho nhập quốc tịch Việt Nam, Bộ Tư pháp gửi kết quả (Quyết định của Chủ tịch nước cho người được nhập quốc tịch Việt Nam) đồng thời gửi 01 bản cho UBND cấp tỉnh.</p>
Cách thức thực hiện	<p>Người xin nhập quốc tịch Việt Nam nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Sở Tư pháp.</p> <p>Nơi tiếp nhận: Sở Tư pháp Hà Nội</p> <p>Địa chỉ : Số 1B – Trần Phú – Hà Đông – Hà Nội</p> <p>ĐT: 0433546151 hoặc 0433546163</p>
Thành phần hồ sơ	<ol style="list-style-type: none"> Đơn xin nhập quốc tịch Việt Nam Bản khai lý lịch Bản sao Giấy khai sinh, Hộ chiếu hoặc giấy tờ khác có giá trị thay thế chứng minh có quốc tịch nước ngoài Phiếu lý lịch tư pháp do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp đối với thời gian người xin nhập quốc tịch Việt Nam cư trú ở Việt Nam, Phiếu lý lịch tư pháp do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp đối với thời gian người xin nhập quốc tịch Việt Nam cư trú ở nước ngoài. Phiếu lý lịch tư pháp phải là phiếu được cấp không quá 90 ngày tính đến ngày nộp hồ sơ. Giấy tờ chứng minh trình độ Tiếng Việt của người xin nhập quốc tịch Việt Nam là một trong các giấy tờ: Bản sao bằng tốt nghiệp

sau đại học, đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, trung học phổ thông hoặc trung học cơ sở của Việt Nam; bản sao văn bằng hoặc chứng chỉ chứng nhận trình độ tiếng Việt do cơ sở đào tạo tiếng Việt của Việt Nam cấp.

Trong trường hợp người xin nhập quốc tịch Việt Nam khai báo biết tiếng Việt đủ để hoà nhập vào cộng đồng Việt Nam nhưng không có giấy tờ chứng minh trình độ tiếng Việt, thì Sở Tư pháp tổ chức phỏng vấn trực tiếp để kiểm tra trình độ tiếng Việt.

6. Giấy tờ chứng minh về chỗ ở, thời gian thường trú ở Việt Nam được quy định: Bản sao Thẻ thường trú.

7. Giấy tờ chứng minh bảo đảm cuộc sống ở Việt Nam của người xin nhập quốc tịch Việt Nam gồm một trong số các giấy tờ như: Giấy tờ chứng minh quyền sở hữu tài sản; giấy xác nhận mức lương hoặc thu nhập do cơ quan, tổ chức nơi người đó làm việc cấp; giấy xác nhận của cơ quan thuế về thu nhập chịu thuế; giấy tờ chứng minh được sự bảo lãnh của tổ chức cá nhân tại Việt Nam; giấy xác nhận của UBND xã, phường, thị trấn nơi thường trú của người xin nhập quốc tịch Việt Nam về khả năng bảo đảm cuộc sống tại Việt Nam của người đó.

2. Thành phần hồ sơ của một số trường hợp đặc biệt:

2.1. Người xin nhập quốc tịch Việt Nam có con chưa thành niên cùng nhập quốc tịch Việt Nam thì nộp bản sao Giấy khai sinh của người con. Trường hợp chỉ cha hoặc mẹ nhập quốc tịch Việt Nam mà người con chưa thành niên nhập quốc tịch Việt Nam cùng thì còn phải nộp văn bản thỏa thuận của cha mẹ về việc nhập quốc tịch Việt Nam cho con.

2.2. Người xin nhập quốc tịch Việt Nam được miễn một số điều kiện nhập quốc tịch Việt Nam thì phải nộp giấy tờ tương ứng chứng minh điều kiện được miễn, cụ thể là:

- Người có vợ hoặc chồng là công dân Việt Nam thì nộp bản sao giấy chứng nhận kết hôn chứng minh quan hệ hôn nhân.

- Người là cha đẻ, mẹ đẻ hoặc con đẻ của công dân Việt Nam thì nộp bản sao giấy khai sinh hoặc giấy tờ hợp lệ khác chứng minh quan hệ cha con, mẹ con.

- Người có công lao đặc biệt đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam thì nộp bản sao Huân chương, Huy chương, giấy chứng nhận danh hiệu cao quý khác hoặc giấy xác nhận của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam.

- Người mà việc nhập quốc tịch Việt Nam của họ có lợi cho Nhà nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thì nộp giấy chứng nhận của cơ quan tổ chức nơi người đó làm việc, được cơ quan

	quản lý nhà nước cấp bộ hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xác nhận về việc nhập quốc tịch Việt Nam của họ sẽ đóng góp cho sự phát triển của một trong các lĩnh vực khoa học, kinh tế, văn hóa, xã hội, nghệ thuật, thể thao.
Số lượng	- 03 bộ (Lưu tại Văn phòng Chủ tịch Nước; Bộ Tư pháp và Sở Tư pháp)
Thời hạn giải quyết	<p>145 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ và đủ điều kiện theo quy định pháp luật (thời gian làm việc thực tế tại các cơ quan).</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Thời hạn Sở Tư pháp gửi văn bản đề nghị xác minh nhân thân người xin nhập quốc tịch: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. 2. Thời hạn cơ quan công an xác minh và trả lời kết quả xác minh: 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị. 3. Thời hạn Sở Tư pháp hoàn tất hồ sơ, trình Chủ tịch UBND TP: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được kết quả xác minh. 4. Thời hạn UBND TP xem xét, kết luận và đề xuất ý kiến gửi Bộ Tư pháp: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ của Sở Tư pháp. 5. Thời hạn Bộ Tư pháp xem xét, kiểm tra và thông báo cho người xin nhập làm thủ tục xin thôi quốc tịch nước ngoài (trừ trường hợp người xin nhập xin giữ quốc tịch nước ngoài hoặc người không có quốc tịch): 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề xuất của UBND TP. 6. Thời hạn Bộ Tư pháp báo cáo Thủ tướng Chính phủ trình Chủ tịch nước xem xét, quyết định: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được giấy cho thôi quốc tịch nước ngoài. 7. Thời hạn Chủ tịch nước xem xét, quyết định: 30 ngày làm việc kể từ ngày Thủ tướng Chính phủ đề nghị. 8. Thời hạn Bộ Tư pháp gửi quyết định: Sau khi có quyết định của Chủ tịch nước cho nhập quốc tịch Việt Nam, trong thời hạn 10 ngày Bộ Tư pháp sẽ gửi quyết định nhập quốc tịch Việt Nam cho công dân, đồng thời gửi 01 bản cho UBND cấp tỉnh.
Đối tượng thực hiện TTHC	<ul style="list-style-type: none"> - Công dân nước ngoài đang thường trú tại Hà Nội và được Công an thành phố Hà Nội cấp thẻ thường trú (đã thường trú ở Việt Nam từ 05 năm trở lên, kể từ ngày người đó được cấp thẻ thường trú). - Người không quốc tịch đang thường trú tại Hà Nội và

	được Công an thành phố Hà Nội cấp thẻ thường trú.
Cơ quan thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch nước. - Cơ quan kiểm tra, phối hợp: Bộ Tư pháp; Thủ tướng Chính phủ; UBND Thành phố; Công an thành phố; UBND cấp xã trên địa bàn. - Cơ quan tiếp nhận hồ sơ, thực hiện: Sở Tư pháp Hà Nội (phòng Hành chính Tư pháp).
Kết quả thực hiện TTHC	<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định cho nhập quốc tịch Việt Nam của Chủ tịch nước. - Trường hợp Bộ Tư pháp thấy không đủ điều kiện để trình Chủ tịch nước giải quyết cho nhập quốc tịch hoặc không được Chủ tịch nước đồng ý cho nhập quốc tịch Việt Nam thì thông báo bằng văn bản cho UBND Thành phố để thông báo cho người nộp hồ sơ biết.
Lệ phí	<ul style="list-style-type: none"> - 3.000.000đ /01 trường hợp (Ba triệu đồng) - Những trường hợp được miễn lệ phí: <ul style="list-style-type: none"> + Người có công lao đặc biệt đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc Việt Nam: Người tham gia, hoạt động cách mạng trước tổng khởi nghĩa 19/8/1945; người hoạt động cách mạng xin nhập quốc tịch Việt nam và các trường hợp khác mà việc nhập có lợi cho nhà nước Việt Nam. + Người có hoàn cảnh kinh tế khó khăn theo quy định về chuẩn nghèo của Thủ tướng Chính phủ và các văn bản hướng dẫn thi hành. + Người xin nhập quốc tịch là người Lào di cư sang Việt Nam đã được cấp phép cư trú ổn định trước 01/01/2009 (theo quyết định số 206/QĐ – TTg). + Người xin nhập quốc tịch là người Campuchia lánh nạn diệt chủng năm 1978 đến 1983 mà không có giấy tờ chứng minh quốc tịch gốc và đã từng đăng ký tại các trại tị nạn ở Việt Nam do Cao ủy Liên Hợp Quốc về người tị nạn bảo trợ.
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn xin nhập quốc tịch Việt Nam (TP/QT – 2010 – ĐXNQT.1) - Tờ khai lý lịch (TP/QT – 2010 – TKLL) <p>Mẫu đính kèm hoặc tải về từ website: www.sotuphaphanoi.gov.vn</p>
Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC	<p>1. Điều kiện nhập quốc tịch Việt Nam:</p> <p>Công dân nước ngoài, người không quốc tịch đang thường trú tại thành phố Hà Nội và được Công an thành phố Hà Nội cấp thẻ thường trú mà có đơn xin nhập quốc tịch Việt Nam thì có thể được nhập quốc tịch Việt Nam, nếu có đủ các điều kiện sau đây:</p>

1.1. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của pháp luật Việt Nam.

1.2. Tuân thủ Hiến pháp và pháp luật Việt Nam; tôn trọng truyền thống, phong tục, tập quán của dân tộc Việt Nam.

1.3. Biết tiếng Việt đủ để hòa nhập vào cộng đồng Việt Nam.

1.4. Đã thường trú ở Việt Nam từ 5 năm trở lên tính đến thời điểm xin nhập quốc tịch Việt Nam. (đã thường trú ở Việt Nam từ 05 năm trở lên, kể từ ngày người đó được cấp thẻ thường trú)

1.5. Có khả năng bảo đảm cuộc sống tại Việt Nam.

1.6. Người xin nhập quốc tịch Việt Nam phải thôi quốc tịch nước ngoài.

1.7. Người xin nhập quốc tịch Việt Nam phải có tên gọi Việt Nam. Tên gọi này do người xin nhập quốc tịch Việt Nam lựa chọn và được ghi rõ trong Quyết định cho nhập quốc tịch Việt Nam.

1.8. Người xin nhập quốc tịch Việt Nam không được nhập quốc tịch Việt Nam, nếu việc đó làm phương hại đến lợi ích quốc gia của Việt Nam.

2. Các trường hợp miễn điều kiện nêu tại điểm 1.3, 1.4 và 1.5: mục 1.4 phải ghi rõ : vẫn phải có thẻ Thường trú nhưng thời gian 5 năm thì được miễn (Xem quy định tại Nghị định 78/2009 điều 7)

2.1. Là vợ, chồng, cha đẻ, mẹ đẻ hoặc con đẻ của công dân Việt Nam.

2.2. Có công lao đặc biệt đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam.

2.3. Có lợi cho Nhà nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

3. Các trường hợp miễn điều kiện nêu tại điểm 1.6:

3.1. Là vợ, chồng, cha đẻ, mẹ đẻ hoặc con đẻ của công dân Việt Nam.

3.2. Có công lao đặc biệt đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam.

3.3. Có lợi cho Nhà nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Điều kiện trên được miễn trong trường hợp đặc biệt nếu được Chủ tịch nước cho phép phải ghi rõ đây là phần Chú ý:

1. Phiếu lý lịch tư pháp sử dụng trong hồ sơ xin nhập quốc

	<p>tịch phải là phiếu được cấp không quá 90 ngày tính đến ngày nộp hồ sơ.</p> <p>2. Giấy tờ có trong hồ sơ xin nhập quốc tịch Việt Nam do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp phải được hợp pháp hóa lãnh sự, nếu bằng tiếng nước ngoài phải được dịch sang tiếng Việt và chứng thực theo quy định của pháp luật Việt Nam.</p>
<p>Căn cứ pháp lý</p>	<p>1. Luật Quốc tịch Việt Nam 2008</p> <p>2. Nghị định 78/2009/NĐ-CP Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quốc tịch Việt Nam</p> <p>3. Thông tư 146/2009/TT-BTC Hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng lệ phí giải quyết các việc liên quan đến quốc tịch</p> <p>4. Thông tư 08/2010/TT-BTP Hướng dẫn mẫu giấy tờ về quốc tịch và mẫu sổ tiếp nhận các việc về quốc tịch</p> <p>5. Thông tư liên tịch 05/2010/TTLT/BTP-BNG-BCA Hướng dẫn thi hành Nghị định số 78/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quốc tịch Việt Nam.</p> <p>6. Thông tư số 05/2013/TTLT-BTP-BNG-BCA ngày 31/01/2013 sửa đổi, bổ sung điều 13 Thông tư liên tịch 05/2010/TTLT/BTP-BNG-BCA Hướng dẫn thi hành Nghị định số 78/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quốc tịch Việt Nam.</p> <p>7. Luật số 56/2014/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quốc tịch Việt Nam.</p>

Ảnh 4 x 6
(Chụp chưa
quá 6 tháng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Mẫu TP/QT-2010-
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc ĐXNQT.1

ĐƠN XIN NHẬP QUỐC TỊCH VIỆT NAM

Kính gửi: Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Họ và tên (1):.....

Giới tính: Nam: Nữ:

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Nơi sinh (2):

Nơi đăng ký khai sinh (3):

Quốc tịch hiện nay (4):.....

Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế (5):

Số:.....

Cấp ngày, tháng, năm:....., Cơ quan cấp:

.....

Ngày, tháng, năm nhập cảnh vào Việt Nam (nếu có):.....

Địa chỉ cư trú trước khi nhập cảnh vào Việt Nam (nếu có):.....

.....

Địa chỉ thường trú tại Việt Nam:

.....

Thẻ thường trú số:, cấp ngày, tháng, năm:.....

Cơ quan cấp:....., cấp lần thứ:.....

Nghề nghiệp:.....

Nơi làm việc:.....

.....

Sau khi tìm hiểu các quy định của pháp luật Việt Nam về quốc tịch, tôi tự nguyện làm Đơn này kính xin Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam cho phép tôi được nhập quốc tịch Việt Nam.

Mục đích xin nhập quốc tịch Việt Nam:

.....

.....

Việc xin nhập quốc tịch Việt Nam của tôi thuộc diện được miễn một số điều kiện (6):

.....
.....

Tôi xin lấy tên gọi Việt Nam là :

Nếu được nhập quốc tịch Việt Nam, tôi xin thể trung thành với Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của công dân Việt Nam theo quy định của Hiến pháp và pháp luật Việt Nam.

Tôi cũng xin nhập quốc tịch Việt Nam cho con chưa thành niên sinh sống cùng tôi có tên dưới đây (nếu có):

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi sinh	Nơi đăng ký khai sinh	Tên gọi Việt Nam

Về quốc tịch hiện nay (7):

<p>Tôi xin cam kết sẽ làm thủ tục thôi quốc tịch hiện nay của mình và của con chưa thành niên nêu trên (nếu có):</p>	<p>Tôi tự xét thấy mình và con chưa thành niên nêu trên (nếu có) thuộc trường hợp đặc biệt:</p>
	<p>Tôi xin đề nghị Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam xem xét, cho phép được nhập quốc tịch Việt Nam mà vẫn giữ quốc tịch hiện nay. Tôi xin cam kết việc giữ quốc tịch hiện nay không làm cản trở đến việc hưởng quyền và thực hiện nghĩa vụ của công dân Việt Nam đối với Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.</p> <p>Lý do xin giữ quốc tịch hiện nay:</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>

Tôi xin cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật và xin chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam về lời khai của mình.

Giấy tờ kèm theo:, ngày.. ... tháng năm.....

-

Người làm đơn

-

(Ký và ghi rõ họ tên)

-

Chú thích:

- (1) *Viết chữ in hoa theo Hộ chiếu/giấy tờ hợp lệ thay thế;*
- (2) *Ghi địa danh hành chính hoặc tên cơ sở y tế;*
- (3) *Ghi tên cơ quan đăng ký khai sinh;*
- (4) *Trường hợp có từ hai quốc tịch trở lên thì ghi rõ từng quốc tịch;*
- (5) *Ghi rõ loại giấy tờ gì;*
- (6) *Nêu rõ trường hợp được miễn theo quy định nào của Luật Quốc tịch Việt Nam;*
- (7) *Đánh dấu 'X' vào 1 trong 2 lựa chọn.*

Ảnh 4x6
(Chụp chưa
quá 6 tháng
)

CỘNG HOÀ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI LÝ LỊCH

Họ và tên (1):.....

Giới tính : Nam: Nữ:

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Nơi sinh (2):

Nơi đăng ký khai sinh (3):

Quốc tịch hiện nay (4):.....

Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế (5):

Số:.....

Cấp ngày, tháng, năm:....., Cơ quan cấp:

.....

Địa chỉ cư trú hiện nay:

.....

.....

Nghề nghiệp:.....

Nơi làm việc :

.....
.....
.....
.....
.....

TÓM TẮT VỀ BẢN THÂN

(Từ trước tới nay, sinh sống, làm gì, ở đâu?)

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

TÓM TẮT VỀ GIA ĐÌNH

Họ và tên cha :

Ngày, tháng, năm sinh :

Quốc tịch:

Địa chỉ cư trú:

Họ và tên mẹ :

Ngày, tháng, năm sinh :

Quốc tịch:.....

Địa chỉ cư trú :

Họ và tên vợ /chồng :

Ngày, tháng, năm sinh :

Nơi sinh:.....

Quốc tịch :

Địa chỉ cư trú :

Họ và tên con thứ nhất:

Ngày, tháng, năm sinh :

Nơi sinh:.....

Quốc tịch:

Địa chỉ cư trú:

Họ và tên con thứ hai:

Ngày, tháng, năm sinh :

Nơi sinh:.....

Quốc tịch:

Địa chỉ cư trú:

Tôi xin cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật và xin chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam về lời khai của mình.

....., ngày.....tháng.....năm.....

Người khai

(Ký và ghi rõ họ tên)

Chú thích:

(1) *Viết chữ in hoa theo Hộ chiếu/giấy tờ hợp lệ thay thế;*

(2) *Ghi địa danh hành chính hoặc tên cơ sở y tế;*

(3) *Ghi tên cơ quan đăng ký khai sinh;*

(4) *Trường hợp có từ hai quốc tịch trở lên thì ghi rõ từng quốc tịch;*

(5) *Ghi rõ loại giấy tờ gì.*

Thủ tục 14	Trở lại quốc tịch Việt Nam
Trình tự thực hiện	<p>Bước 1: Công dân viết đơn hoặc điền đơn xin trở lại quốc tịch Việt Nam, chuẩn bị hồ sơ và nộp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả.</p> <p>Bước 2: Cán bộ tiếp nhận kiểm tra hồ sơ:</p> <p>+ Nếu hồ sơ đầy đủ và hoàn toàn hợp lệ, cán bộ tiếp nhận và ghi phiếu hẹn trả kết quả.</p> <p>+ Nếu hồ sơ chưa đầy đủ thì cán bộ phải hướng dẫn công dân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.</p> <p>Bước 3: Cán bộ tiếp vào sổ và chuyển Phòng Hành chính Tư pháp.</p> <p>Bước 4: Phòng Hành chính Tư pháp tiếp nhận hồ sơ, hoàn thiện các bước theo quy định và chuyển Công an thành phố, UBND TP/Bộ Tư pháp.</p> <p>Trong quá trình thực hiện, nếu phát hiện hồ sơ cần bổ sung hoặc cần tiến hành xác minh, Phòng Hành chính Tư pháp thông tin kịp thời tới bộ phận một cửa để thông báo cho công dân biết.</p> <p>Bước 5: Sau khi có quyết định của Chủ tịch nước cho trở lại quốc tịch Việt Nam, Bộ Tư pháp gửi kết quả (Quyết định của Chủ tịch nước cho người được trở lại quốc tịch Việt Nam) đồng thời gửi 01 bản cho UBND cấp tỉnh.</p>
Cách thức thực hiện	<p>Người xin trở lại quốc tịch Việt Nam nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Sở Tư pháp Hà Nội.</p> <p>Không được ủy quyền cho người khác nộp thay.</p> <p>Nơi tiếp nhận: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ hành chính - Sở Tư pháp Hà Nội.</p> <p>Địa chỉ : Số 1B – Trần Phú – Hà Đông – Hà Nội</p> <p>ĐT: 0433546151 hoặc 0433546163</p>
Thành phần hồ sơ	<p>1. Thành phần hồ sơ chung:</p> <p>1.1. Đơn xin trở lại quốc tịch Việt Nam.</p> <p>1.2. Bản khai lý lịch.</p> <p>1.3. Bản sao Giấy khai sinh, Hộ chiếu hoặc giấy tờ khác có giá trị thay thế (giấy tờ có giá trị chứng minh quốc tịch nước ngoài).</p> <p>1.4. Phiếu lý lịch tư pháp do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp đối với thời gian người xin trở lại quốc tịch Việt Nam cư trú ở Việt Nam, Phiếu lý lịch tư pháp do cơ quan có thẩm</p>

quyền của nước ngoài cấp đối với thời gian người xin trở lại quốc tịch Việt Nam cư trú ở nước ngoài. Phiếu lý lịch tư pháp phải là phiếu được cấp không quá 90 ngày tính đến ngày nộp hồ sơ.

1.5. Giấy tờ chứng minh người xin trở lại quốc tịch Việt Nam đã từng có quốc tịch Việt Nam là một trong các giấy tờ: Bản sao Giấy khai sinh; bản sao quyết định cho thôi quốc tịch Việt Nam hoặc giấy xác nhận mất quốc tịch Việt Nam; giấy tờ khác có ghi quốc tịch Việt Nam hoặc có giá trị chứng minh quốc tịch Việt Nam trước đây của người đó.

1.6. Giấy tờ chứng minh đủ điều kiện trở lại quốc tịch Việt Nam là một trong các giấy tờ:

- Bản sao giấy chứng nhận kết hôn đối với người có vợ hoặc chồng là công dân Việt Nam;

- Bản sao Giấy khai sinh hoặc giấy tờ hợp lệ khác chứng minh quan hệ cha con, mẹ con đối với người có cha đẻ, mẹ đẻ hoặc con đẻ là công dân Việt Nam;

- bản sao Huân chương, Huy chương, giấy chứng nhận danh hiệu cao quý khác hoặc giấy xác nhận của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam đối với người có công lao đặc biệt đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam; sửa lại phần này cho chính xác theo quy định tại điều 6 khoản 1 Nghị định 78/2009

- Giấy chứng nhận của cơ quan, tổ chức nơi người đó làm việc, được cơ quan quản lý nhà nước cấp bộ hoặc UBND cấp tỉnh xác nhận về việc trở lại quốc tịch Việt Nam của người đó sẽ đóng góp cho sự phát triển cho một trong các lĩnh vực khoa học, kinh tế, văn hóa, xã hội, nghệ thuật, thể thao.

Thiếu: - Giấy tờ xin hồi hương về Việt Nam; Giấy chứng nhận thực hiện đầu tư vào Việt Nam

1.7. Trong trường hợp có con chưa thành niên xin trở lại quốc tịch Việt Nam cùng cha, mẹ thì phải nộp bản sao Giấy khai sinh của người con chưa thành niên cùng trở lại quốc tịch Việt Nam theo cha mẹ hoặc giấy tờ khác chứng minh quan hệ cha con, mẹ con.

Nếu chỉ có cha hoặc mẹ trở lại quốc tịch Việt Nam mà con chưa thành niên trở lại quốc tịch Việt Nam theo cha hoặc mẹ thì còn phải nộp văn bản thỏa thuận của cha mẹ về việc trở lại quốc tịch Việt Nam cho con.

Số lượng

03 bộ (Lưu tại Văn phòng Chủ tịch Nước; Bộ Tư pháp và Sở Tư pháp).

<p>Thời hạn giải quyết</p>	<p>110 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ và đủ điều kiện theo quy định pháp luật (thời gian làm việc thực tế tại các cơ quan).</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Thời hạn Sở Tư pháp gửi văn bản đề nghị cơ quan Công an xác minh nhân thân người xin trở lại quốc tịch Việt Nam: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. 2. Thời hạn cơ quan công an xác minh và trả lời kết quả xác minh: 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được công văn của Sở Tư pháp. 3. Thời hạn hoàn tất hồ sơ chuyên UBND TP : 05 ngày kể từ ngày nhận được kết quả xác minh. 4. Thời hạn Chủ tịch UBND TP xem xét, kết luận và đề xuất ý kiến gửi Bộ Tư pháp: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Tư pháp. 5. Thời hạn Bộ Tư pháp kiểm tra hồ sơ, thông báo việc làm thủ tục xin thôi quốc tịch nước ngoài đối với người đủ điều kiện: 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề xuất của UBND TP. 6. Thời hạn Bộ Tư pháp báo cáo Thủ tướng Chính phủ trình Chủ tịch nước xem xét, quyết định: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được giấy xác nhận thôi quốc tịch nước ngoài của người xin trở lại quốc tịch Việt Nam. 7. Thời hạn Chủ tịch nước xem xét, quyết định việc cho trở lại quốc tịch Việt Nam: 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của Thủ tướng Chính phủ. 8. Thời hạn thông báo quyết định: Sau khi có quyết định của Chủ tịch nước cho trở lại quốc tịch Việt Nam, trong thời hạn 10 ngày Bộ Tư pháp sẽ gửi quyết định trở lại quốc tịch Việt Nam cho công dân, đồng thời gửi 01 bản cho UBND cấp tỉnh. <p>Chú ý: Các thời hạn trên không tính đến thời gian cho những trường hợp đặc biệt khác theo quy định pháp luật.</p>
<p>Đối tượng thực hiện TTHC</p>	<ol style="list-style-type: none"> 1. Người đã mất quốc tịch Việt Nam (do được thôi quốc tịch Việt Nam; do bị tước quốc tịch Việt Nam; trẻ em bị bỏ rơi trên lãnh thổ Việt Nam đã có quốc tịch Việt Nam và không còn quốc tịch Việt Nam khi tìm thấy cha, mẹ có quốc tịch nước ngoài; hoặc theo các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên) thì có thể được trở lại quốc tịch Việt Nam nếu thuộc một trong số trường hợp dưới đây: <ol style="list-style-type: none"> 1.1. Xin hồi hương về Việt Nam. 1.2. Có vợ, chồng, cha đẻ, mẹ đẻ hoặc con đẻ là công dân Việt Nam. 1.3. Có công lao đặc biệt đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc Việt Nam.

	<p>1.4. Có lợi cho Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (Người có công lao đặc biệt đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam; Người mà việc trở lại quốc tịch Việt Nam của họ có lợi cho nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam).</p> <p>1.5. Thực hiện đầu tư tại Việt Nam (phải có dự án đầu tư đã được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp giấy tờ chứng nhận việc đầu tư đó).</p> <p>1.6. Đã thôi quốc tịch Việt Nam để nhập quốc tịch nước ngoài, nhưng không được nhập quốc tịch nước ngoài.</p> <p>1.7 Trường hợp người bị tước quốc tịch Việt Nam xin trở lại quốc tịch Việt Nam thì phải sau ít nhất 5 năm kể từ ngày bị tước quốc tịch mới được xem xét cho trở lại quốc tịch Việt Nam</p> <p>2. Người xin trở lại quốc tịch Việt Nam cư trú tại Hà Nội thì nộp hồ sơ tại Sở Tư pháp Hà Nội (trường hợp cư trú ở nước ngoài thì nộp hồ sơ tại cơ quan đại diện Việt Nam tại nước đó).</p>
<p>Cơ quan thực hiện</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch nước - Cơ quan kiểm tra, phối hợp: Bộ Tư pháp; Thủ tướng Chính phủ; UBND Thành phố; Công an thành phố; UBND cấp xã trên địa bàn. - Cơ quan tiếp nhận hồ sơ, thực hiện: Sở Tư pháp Hà Nội .
<p>Kết quả thực hiện TTHC</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định cho trở lại quốc tịch Việt Nam. - Trường hợp Bộ Tư pháp thấy không đủ điều kiện để trình Chủ tịch nước giải quyết cho trở lại quốc tịch hoặc không được Chủ tịch nước đồng ý cho trở lại quốc tịch Việt Nam thì thông báo bằng văn bản cho UBND Thành phố để thông báo cho người nộp hồ sơ biết.
<p>Lệ phí</p>	<ul style="list-style-type: none"> - 2.500.000đ/01 trường hợp (hai triệu năm trăm nghìn đồng) - Những trường hợp được miễn lệ phí: + Người có công lao đặc biệt đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc Việt Nam: Người tham gia, hoạt động cách mạng trước tổng khởi nghĩa 19/8/1945; người hoạt động cách mạng xin nhập quốc tịch Việt nam và các trường hợp khác mà việc nhập có lợi cho nhà nước Việt Nam. + Người có hoàn cảnh kinh tế khó khăn theo quy định về chuẩn nghèo của Thủ tướng Chính phủ và các văn bản hướng dẫn thi hành.
<p>Tên mẫu đơn, mẫu</p>	<ol style="list-style-type: none"> 1. Mẫu TP/QT-2010- ĐXTLQT - Mẫu Đơn xin Trở lại QTVT 2. Mẫu TP/QT-2010-TKLL - Mẫu Tờ khai lý lịch -Nhập

tờ khai	<p>QTVN</p> <p>Mẫu đính kèm hoặc tải về từ website: www.sotuphaphanoi.gov.vn</p>
Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTH	<ol style="list-style-type: none"> 1. Người xin trở lại quốc tịch Việt Nam không được trở lại quốc tịch Việt Nam, nếu việc đó làm phương hại đến lợi ích quốc gia của Việt Nam. 2. Người xin trở lại quốc tịch Việt Nam phải lấy lại tên gọi Việt Nam trước đây, tên gọi này phải được ghi rõ trong quyết định cho trở lại quốc tịch Việt Nam. 3. Người xin trở lại quốc tịch Việt Nam thì phải thôi quốc tịch nước ngoài, trừ những người sau đây, trong trường hợp đặc biệt, nếu được chủ tịch nước cho phép: <ol style="list-style-type: none"> 3.1. Là vợ, chồng, cha đẻ, mẹ đẻ hoặc con đẻ của công dân Việt Nam. 3.2. Có công lao đặc biệt đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam. 3.3. Có lợi cho Nhà nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. 4. Đối với trường hợp người bị tước quốc tịch Việt Nam thì phải sau ít nhất 5 năm, kể từ ngày bị tước quốc tịch Việt Nam thì mới được xem xét cho trở lại quốc tịch Việt Nam. 5. Giấy tờ có trong hồ sơ xin nhập quốc tịch Việt Nam do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp phải được hợp pháp hóa lãnh sự, nếu bằng tiếng nước ngoài phải được dịch sang tiếng Việt và chứng thực theo quy định của pháp luật Việt Nam. 6. Phiếu lý lịch tư pháp sử dụng trong hồ sơ xin nhập quốc tịch phải là phiếu được cấp không quá 90 ngày tính đến ngày nộp hồ sơ.
Căn cứ pháp lý	<ol style="list-style-type: none"> 1. Luật Quốc tịch Việt Nam 2008 2. Nghị định 78/2009/NĐ-CP Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quốc tịch Việt Nam 3. Thông tư 146/2009/TT-BTC Hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng lệ phí giải quyết các việc liên quan đến quốc tịch 4. Thông tư 08/2010/TT-BTP Hướng dẫn mẫu giấy tờ về quốc tịch và mẫu sổ tiếp nhận các việc về quốc tịch 5. Thông tư liên tịch 05/2010/TTLT/BTP-BNG-BCA Hướng dẫn thi hành Nghị định số 78/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 9

năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quốc tịch Việt Nam

6. Thông tư số 05/2013/TTLT-BTP-BNG-BCA ngày 31/01/2013 sửa đổi, bổ sung điều 13 Thông tư liên tịch 05/2010/TTLT/BTP-BNG-BCA Hướng dẫn thi hành Nghị định số 78/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quốc tịch Việt Nam.

7. Luật số 56/2014/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quốc tịch Việt Nam.

Ảnh 4 x 6

(Chụp chưa
quá 6 tháng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Mẫu TP/QT-2010-
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc ĐXTLQT

ĐƠN XIN TRỞ LẠI QUỐC TỊCH VIỆT NAM

Kính gửi: Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Họ và tên (1):.....

Giới tính: Nam: Nữ:

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Nơi sinh (2):

Nơi đăng ký khai sinh (3):

Quốc tịch hiện nay (4):.....

Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế (5):

Số:.....

Cấp ngày, tháng, năm:....., Cơ quan cấp:

Ngày, tháng, năm xuất cảnh khỏi Việt Nam (nếu có):.....

Địa chỉ cư trú trước khi xuất cảnh (nếu có):.....

.....

Địa chỉ nơi cư trú:

.....

.....

Nghề nghiệp:.....

Nơi làm việc:.....

.....
Trước đây tôi đã có quốc tịch Việt Nam, nhưng đã mất quốc tịch Việt Nam từ ngày tháng năm

Lý do mất quốc tịch Việt Nam (6):.....

.....
Sau khi tìm hiểu các quy định của pháp luật Việt Nam về quốc tịch, tôi làm đơn này kính xin Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam cho phép tôi được trở lại quốc tịch Việt Nam.

Mục đích xin trở lại quốc tịch Việt Nam:

.....
.....
Việc xin trở lại quốc tịch Việt Nam của tôi thuộc diện được miễn một số điều kiện (7):

.....
Tôi xin lấy lại tên gọi Việt Nam trước đây là :

Nếu được trở lại quốc tịch Việt Nam, tôi xin thể trung thành với Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của công dân Việt Nam theo quy định của Hiến pháp và pháp luật Việt Nam.

Tôi cũng xin cho con chưa thành niên có tên dưới đây được trở lại (hoặc nhập) quốc tịch Việt Nam (nếu có):

ST T	Họ và tên	Ngày , tháng , năm sinh	Giới tính	Địa chỉ cư trú hiện nay	Nơi sinh	Nơi đăng ký khai sinh	Tên gọi Việt Nam	Ghi chú (8)

Về quốc tịch hiện nay (9):

Tôi xin cam kết sẽ làm thủ tục thôi quốc tịch hiện nay của mình và của con chưa thành niên nêu trên <input type="checkbox"/>	Tôi tự xét thấy mình và con chưa thành niên nêu trên (nếu có) thuộc trường hợp đặc biệt: <input type="checkbox"/>
--	---

<i>(nếu có):</i>	
	<p>Tôi xin đề nghị Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam xem xét, cho phép được trở lại quốc tịch Việt Nam mà vẫn giữ quốc tịch hiện nay. Tôi xin cam kết việc giữ quốc tịch hiện nay không làm cản trở đến việc hưởng quyền và thực hiện nghĩa vụ của công dân Việt Nam đối với Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.</p> <p>Lý do xin giữ quốc tịch hiện nay:</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>

Tôi xin cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật và xin chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam về lời khai của mình.

Giấy tờ kèm theo:, ngày .. tháng năm.....

.....

Người làm đơn
(Ký và ghi rõ họ tên)

Chú thích:

- (1) *Viết chữ in hoa theo Hộ chiếu/giấy tờ hợp lệ thay thế;*
- (2) *Ghi địa danh hành chính hoặc tên cơ sở y tế;*
- (3) *Ghi tên cơ quan đăng ký khai sinh;*
- (4) *Trường hợp có từ hai quốc tịch trở lên thì ghi rõ từng quốc tịch;*
- (5) *Ghi rõ loại giấy tờ gì;*
- (6) *Ghi rõ mất quốc tịch Việt Nam trong trường hợp nào;*
- (7) *Nêu rõ trường hợp được miễn theo quy định nào của Luật Quốc tịch Việt Nam.*
- (8) *Ghi rõ trở lại hay nhập quốc tịch Việt Nam;*
- (9) *Đánh dấu 'X' vào 1 trong 2 lựa chọn.*

Ảnh 4x6
(Chụp chưa quá 6 tháng)

CỘNG HOÀ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
TỜ KHAI LÝ LỊCH

Họ và tên (1):.....

Giới tính : Nam: Nữ:

Ngày, tháng, năm sinh:.....
Nơi sinh (2):
Nơi đăng ký khai sinh (3):
Quốc tịch hiện nay (4):.....
Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế (5):
Số:.....
Cấp ngày, tháng, năm:....., Cơ quan cấp:
.....
Địa chỉ cư trú hiện nay:
.....
.....
Nghề nghiệp:.....
Nơi làm việc :

TÓM TẮT VỀ BẢN THÂN

(Từ trước tới nay, sinh sống, làm gì, ở đâu?)

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

TÓM TẮT VỀ GIA ĐÌNH

Họ và tên cha :
Ngày, tháng, năm sinh :
Quốc tịch:
Địa chỉ cư trú:
Họ và tên mẹ :
Ngày, tháng, năm sinh :
Quốc tịch:
Địa chỉ cư trú :

Họ và tên vợ /chồng :

Ngày, tháng, năm sinh :

Nơi sinh:.....

Quốc tịch :

Địa chỉ cư trú :

Họ và tên con thứ nhất:

Ngày, tháng, năm sinh :

Nơi sinh:.....

Quốc tịch:

Địa chỉ cư trú:

Họ và tên con thứ hai:

Ngày, tháng, năm sinh :

Nơi sinh:.....

Quốc tịch:

Địa chỉ cư trú:

Tôi xin cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật và xin chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam về lời khai của mình.

..., ngày.....tháng.....năm.....

Người khai
(Ký và ghi rõ họ tên)

Chú thích:

- (1)Viết chữ in hoa theo Hộ chiếu/giấy tờ hợp lệ thay thế;
- (2)Ghi địa danh hành chính hoặc tên cơ sở y tế;
- (3)Ghi tên cơ quan đăng ký khai sinh;
- (4)Trường hợp có từ hai quốc tịch trở lên thì ghi rõ từng quốc tịch;
- (5)Ghi rõ loại giấy tờ gì.

Thủ tục 15	Xin thôi quốc tịch Việt Nam
Trình tự thực hiện	<p>Bước 1: Công dân viết đơn hoặc điền đơn xin thôi quốc tịch Việt Nam, chuẩn bị hồ sơ và nộp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả.</p> <p>Bước 2: Cán bộ tiếp nhận kiểm tra hồ sơ:</p> <p>+ Nếu hồ sơ đầy đủ và hoàn toàn hợp lệ, cán bộ tiếp nhận và ghi phiếu hẹn trả kết quả.</p> <p>+ Nếu hồ sơ chưa đầy đủ thì cán bộ phải hướng dẫn công dân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.</p> <p>Bước 3: Cán bộ tiếp vào sổ và chuyển Phòng Hành chính Tư pháp.</p> <p>Bước 4: Phòng Hành chính Tư pháp tiếp nhận hồ sơ, hoàn thiện các bước theo quy định và chuyển Công an TP, UBND TP / Bộ Tư pháp.</p> <p>Trong quá trình thực hiện, nếu phát hiện hồ sơ cần bổ sung hoặc cần tiến hành xác minh, Phòng Hành chính Tư pháp thông tin kịp thời tới bộ phận một cửa để thông báo cho công dân biết.</p> <p>Bước 5: Sau khi có quyết định của Chủ tịch nước cho thôi quốc tịch Việt Nam, Bộ Tư pháp gửi kết quả (Quyết định của Chủ tịch nước cho người được thôi quốc tịch Việt Nam) đồng thời gửi 01 bản cho UBND cấp tỉnh.</p>
Cách thức thực hiện	<p>Người xin thôi quốc tịch Việt Nam nộp hồ sơ trực tiếp tại Sở Tư pháp.</p> <p>Trường hợp người xin thôi quốc tịch Việt Nam có người giám hộ theo quy định pháp luật thì người giám hộ làm hồ sơ và nộp trực tiếp tại Sở Tư pháp nơi người được giám hộ cư trú.</p> <p>Không cho phép ủy quyền cho người khác nộp thay.</p> <p>Nơi tiếp nhận: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ hành chính - Sở Tư pháp Hà Nội.</p> <p>Địa chỉ : Số 1B – Trần Phú – Hà Đông – Hà Nội</p> <p>ĐT: 0433546151 hoặc 0433546163</p>
Thành phần hồ sơ	<p>1. Thành phần hồ sơ chung:</p> <p>1.1. Đơn xin thôi quốc tịch Việt Nam</p> <p>1.2. Bản khai lý lịch</p> <p>1.3. Bản sao Hộ chiếu Việt Nam; Giấy chứng minh nhân dân.</p> <p>Trong trường hợp không có Hộ chiếu Việt Nam, giấy chứng</p>

minh nhân dân thì nộp một trong các giấy tờ sau: bản sao Giấy khai sinh (trong trường hợp Giấy khai sinh không thể hiện rõ quốc tịch Việt Nam thì phải kèm theo giấy tờ chứng minh quốc tịch Việt Nam của cha mẹ); Quyết định cho nhập, trở lại quốc tịch Việt Nam; Quyết định công nhận việc nuôi đối với trẻ em là người nước ngoài; Quyết định cho người nước ngoài nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi.

1.4. Phiếu lý lịch tư pháp do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp. Phiếu lý lịch tư pháp phải là phiếu được cấp không quá 90 ngày tính đến ngày nộp hồ sơ.

1.5. Giấy tờ xác nhận về việc người đó đang làm thủ tục nhập quốc tịch nước ngoài là giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài xác nhận hoặc bảo đảm người đó được nhập quốc tịch nước ngoài, trừ trường hợp pháp luật nước đó không quy định về việc cấp giấy này. Trường hợp người xin thôi quốc tịch Việt Nam đã có quốc tịch nước ngoài thì nộp bản sao Hộ chiếu hoặc giấy tờ tùy thân khác do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp để chứng minh người đó có quốc tịch nước ngoài.

1.6. Giấy xác nhận không nợ thuế do Cục thuế nơi người xin thôi quốc tịch Việt Nam cư trú cấp. (Cục Thuế Hà Nội).

1.7. Đối với người trước đây là cán bộ, công chức, viên chức, hoặc phục vụ trong lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam đã nghỉ hưu, thôi việc, bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, cách chức hoặc giải ngũ, phục viên chưa quá 5 năm thì còn phải nộp giấy của cơ quan, tổ chức, đơn vị đã ra quyết định cho nghỉ hưu, thôi việc, miễn nhiệm, bãi nhiệm, cách chức hoặc giải ngũ, phục viên xác nhận việc ~~thôi quốc tịch~~ Việt Nam của người đó không phương hại đến lợi ích quốc gia của Việt Nam hoặc không ảnh hưởng đến việc bảo vệ bí mật quốc gia hoặc không trái với quy định của ngành đó.

2. Thành phần hồ sơ trong một số trường hợp đặc biệt:

2.1. Trường hợp công dân Việt Nam không thường trú ở trong nước thì không phải nộp các giấy tờ nêu tại 1.4, 1.6 và 1.7.

2.2. Trường hợp nộp hồ sơ ở trong nước, người xin thôi quốc tịch Việt Nam xuất trình giấy tờ chứng minh nơi cư trú để xác định thẩm quyền.

Số lượng	03 bộ (Lưu tại Văn phòng Chủ tịch Nước; Bộ Tư pháp và Sở Tư pháp)
Thời hạn giải quyết	125 ngày làm việc (thời gian thực tế giải quyết hồ sơ tại các cơ quan có thẩm quyền). 1. Thời hạn Sở Tư pháp đăng thông báo và gửi văn bản đề

	<p>ngộ Công an TP xác minh: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ. (chú ý: Thông báo về việc Thôi quốc tịch Việt Nam phải được đăng trên một tờ báo viết hoặc báo điện tử ở địa phương trong 3 số liên tiếp và gửi đăng trên trang thông tin điện tử của Bộ Tư pháp. Thông báo trên trang thông tin điện tử phải được lưu giữ trên đó trong thời gian ít nhất là 30 ngày kể từ ngày đăng thông báo)</p> <p>2. Thời hạn Công an TP xác minh và trả lời kết quả: 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được công văn đề nghị của Sở Tư pháp.</p> <p>Lưu ý: đối với những trường hợp được miễn xác minh về nhân thân thì thời gian sẽ giảm 25 ngày .</p> <p>3. Thời hạn Sở Tư pháp hoàn tất hồ sơ trình UBND TP: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được trả lời của Công an TP.</p> <p>4. Thời hạn UBND TP xem xét, kết luận và đề xuất ý kiến gửi Bộ Tư pháp: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị của Sở Tư pháp.</p> <p>5. Thời hạn Bộ Tư pháp kiểm tra, báo cáo Thủ tướng Chính phủ trình Chủ tịch nước xem xét, quyết định: 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của UBND TP.</p> <p>6. Thời hạn Chủ tịch nước xem xét, quyết định: 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của Thủ tướng Chính phủ.</p> <p>7. Thời hạn thông báo quyết định: Sau khi có quyết định của Chủ tịch nước cho thôi quốc tịch Việt Nam, trong thời hạn 10 ngày Bộ Tư pháp sẽ gửi quyết định thôi quốc tịch Việt Nam cho công dân, đồng thời gửi 01 bản cho UBND cấp tỉnh.</p> <p>Chú ý: Thời gian trên không tính thời gian cho những trường hợp đặc biệt theo quy định pháp luật.</p>
Đối tượng thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> - Công dân Việt Nam có đơn xin thôi quốc tịch Việt Nam để nhập quốc tịch nước ngoài hiện đang cư trú tại Hà Nội.
Cơ quan thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch nước. - Cơ quan kiểm tra, phối hợp: Bộ Tư pháp; Thủ tướng Chính phủ; UBND Thành phố; Công an thành phố; UBND cấp xã trên địa bàn. - Cơ quan tiếp nhận hồ sơ, thực hiện: Sở Tư pháp Hà Nội.
Kết quả thực hiện TTHC	<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định cho thôi quốc tịch Việt Nam. - Trường hợp Bộ Tư pháp thấy không đủ điều kiện để trình Chủ tịch nước giải quyết cho thôi quốc tịch hoặc không được Chủ tịch nước đồng ý cho thôi quốc tịch Việt Nam thì thông báo bằng văn bản cho UBND Thành phố để thông báo cho người nộp hồ sơ biết.
Lệ phí	<ul style="list-style-type: none"> - 2.500.000đ/01 trường hợp (hai triệu năm trăm nghìn

	đồng)
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	<p>1. Mẫu TP/QT-2010- ĐXTQT.1 - Mẫu Đơn xin thôi QTVT</p> <p>2. Mẫu TP/QT-2010- ĐXTQT.2 - Mẫu Đơn xin thôi QTVT (dùng cho trường hợp người giám hộ làm đơn xin cho người được giám hộ)</p> <p>3. Mẫu TP/QT-2010-TKLL - Mẫu Tờ khai lý lịch -Nhập QTVN</p> <p>Mẫu đính kèm hoặc tải về từ website: www.sotuphaphanoi.gov.vn</p>
Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC	<p>1. Những trường hợp chưa được thôi quốc tịch Việt Nam:</p> <p>1.1. Đang nợ thuế đối với Nhà nước hoặc đang có nghĩa vụ tài sản đối với cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân ở Việt Nam mà cơ quan thuế hoặc cơ quan, tổ chức, cá nhân là chủ nợ có văn bản yêu cầu chưa cho người đó thôi quốc tịch Việt Nam.</p> <p>1.2. Đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự.</p> <p>1.3. Đang chấp hành bản án, quyết định của tòa án Việt Nam.</p> <p>1.4. Đang bị tạm giam để chờ thi hành án.</p> <p>1.5. Đang chấp hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở giáo dục, cơ sở chữa bệnh, trường giáo dưỡng.</p> <p>2. Những trường hợp không được thôi quốc tịch Việt Nam:</p> <p>2.1. Việc thôi quốc tịch Việt Nam làm phương hại đến lợi ích quốc gia của Việt Nam.</p> <p>2.2. Cán bộ, công chức và những người đang phục vụ trong lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam không được thôi quốc tịch Việt Nam.</p> <p>3. Giấy tờ có trong hồ sơ xin thôi quốc tịch Việt Nam do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp phải được hợp pháp hóa lãnh sự, nếu bằng tiếng nước ngoài phải được dịch sang tiếng Việt và chứng thực theo quy định của pháp luật Việt Nam.</p> <p>4. Phiếu lý lịch tư pháp sử dụng trong hồ sơ xin thôi quốc tịch phải là phiếu được cấp không quá 90 ngày tính đến ngày nộp hồ sơ.</p>
Căn cứ pháp lý	<p>1. Luật Quốc tịch Việt Nam 2008</p> <p>2. Nghị định 78/2009/NĐ-CP Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quốc tịch Việt Nam</p> <p>3. Thông tư 146/2009/TT-BTC Hướng dẫn chế độ thu, nộp</p>

	<p>và quản lý sử dụng lệ phí giải quyết các việc liên quan đến quốc tịch</p> <p>4. Thông tư 08/2010/TT-BTP Hướng dẫn mẫu giấy tờ về quốc tịch và mẫu sổ tiếp nhận các việc về quốc tịch</p> <p>5. Thông tư liên tịch 05/2010/TTLT/BTP-BNG-BCA Hướng dẫn thi hành Nghị định số 78/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quốc tịch Việt Nam</p> <p>6. Thông tư số 05/2013/TTLT-BTP-BNG-BCA ngày 31/01/2013 sửa đổi, bổ sung điều 13 Thông tư liên tịch 05/2010/TTLT/BTP-BNG-BCA Hướng dẫn thi hành Nghị định số 78/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quốc tịch Việt Nam.</p>
--	--

Ảnh 4 x 6
(Chụp chưa
quá 6 tháng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Mẫu TP/QT-2010-
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc ĐXTQT.1

ĐƠN XIN THÔI QUỐC TỊCH VIỆT NAM

Kính gửi: Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Họ và tên (1):.....

Giới tính: Nam: Nữ:

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Nơi sinh (2):

Nơi đăng ký khai sinh (3):

Quốc tịch hiện nay (4):.....

Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế (5):

Số:.....

Cấp ngày, tháng, năm:....., Cơ quan cấp:

Ngày, tháng, năm xuất cảnh khỏi Việt Nam (nếu có):.....

Địa chỉ cư trú tại Việt Nam trước khi xuất cảnh (nếu có):.....

.....

Địa chỉ cư trú hiện nay:

.....
Nghề nghiệp:.....

Nơi làm việc:.....

Sau khi tìm hiểu các quy định của pháp luật Việt Nam về quốc tịch, tôi tự nguyện làm Đơn này kính xin Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam cho phép tôi được thôi quốc tịch Việt Nam.

Lý do xin thôi quốc tịch Việt Nam:

.....
Tôi cũng xin cho con chưa thành niên sinh sống cùng tôi có tên dưới đây được thôi quốc tịch Việt Nam (nếu có):

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi sinh	Nơi đăng ký khai sinh	Ngày, tháng, năm xuất cảnh

Tôi xin cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật và xin chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam về lời khai của mình.

Giấy tờ kèm theo:, ngày.. ... tháng năm.....

-

Người làm đơn

-

(Ký và ghi rõ họ tên)

Chú thích:

- (1) *Viết chữ in hoa theo Hộ chiếu/giấy tờ hợp lệ thay thế;*
- (2) *Ghi địa danh hành chính hoặc tên cơ sở y tế;*
- (3) *Ghi tên cơ quan đăng ký khai sinh;*
- (4) *Trường hợp có từ hai quốc tịch trở lên thì ghi rõ từng quốc tịch;*
- (5) *Ghi rõ loại giấy tờ gì;*

Ảnh 4 x 6
(Của người
chưa thành
niên chụp
chưa quá 6

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Mẫu TP/QT-
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc 2010- ĐXTQT.2

tháng)

ĐƠN XIN THÔI QUỐC TỊCH VIỆT NAM

(Dùng cho người giám hộ làm Đơn xin cho người được giám hộ)

Kính gửi: Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Họ và tên người giám hộ làm Đơn (1):.....

Giới tính: Nam: Nữ:

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Nơi sinh (2):

Quốc tịch hiện nay (3):.....

Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế (4):

Số:.....Cấp ngày, tháng, năm:....., Cơ quan cấp:

Địa chỉ cư trú hiện nay:

Quan hệ giữa người giám hộ làm Đơn và người được giám hộ:

.....

Sau khi tìm hiểu các quy định của pháp luật Việt Nam về quốc tịch, tôi tự nguyện làm Đơn này kính xin Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam cho phép người được giám hộ có tên sau đây được thôi quốc tịch Việt Nam:

Họ và tên người xin thôi quốc tịch Việt Nam :.....

Giới tính: Nam: Nữ:

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Nơi sinh:

Nơi đăng ký khai sinh (5):

Quốc tịch hiện nay:.....

Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế: Số:.....

Cấp ngày, tháng, năm:....., Cơ quan cấp:

.....

Ngày, tháng, năm xuất cảnh khỏi Việt Nam (nếu có):.....

Địa chỉ cư trú tại Việt Nam trước khi xuất cảnh (nếu có):.....

.....

Địa chỉ cư trú hiện nay:

Lý do xin thôi quốc tịch Việt Nam:

.....
Tôi xin cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật và xin chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam về lời khai của mình.

Giấy tờ kèm theo:, ngày.. ... tháng năm.....

-
-

Người làm đơn
(Ký và ghi rõ họ tên)

Chú thích:

- (1) *Viết chữ in hoa theo Hộ chiếu/giấy tờ hợp lệ thay thế;*
- (2) *Ghi địa danh hành chính hoặc tên cơ sở y tế;*
- (3) *Trường hợp có từ hai quốc tịch trở lên thì ghi rõ từng quốc tịch;*
- (4) *Ghi rõ loại giấy tờ gì;*
- (5) *Ghi tên cơ quan đăng ký khai sinh.*

Ảnh 4x6
(Chụp chưa
quá 6 tháng
)

CỘNG HOÀ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
TỜ KHAI LÝ LỊCH

Họ và tên (1):.....

Giới tính : Nam: Nữ:

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Nơi sinh (2):

Nơi đăng ký khai sinh (3):

Quốc tịch hiện nay (4):.....

Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế (5): Số:.....

Cấp ngày, tháng, năm:....., Cơ quan cấp:

.....

Địa chỉ cư trú hiện nay:

.....
.....
Nghề nghiệp:.....
Nơi làm việc :

TÓM TẮT VỀ BẢN THÂN
(Từ trước tới nay, sinh sống, làm gì, ở đâu?)

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

TÓM TẮT VỀ GIA ĐÌNH

Họ và tên cha :

Ngày, tháng, năm sinh :

Quốc tịch:

Địa chỉ cư trú:

Họ và tên mẹ :

Ngày, tháng, năm sinh :.....

Quốc tịch:.....

Địa chỉ cư trú :

Họ và tên vợ /chồng :

Ngày, tháng, năm sinh :

Nơi sinh:.....

Quốc tịch :

Địa chỉ cư trú :

Họ và tên con thứ nhất:

Ngày, tháng, năm sinh :

Nơi sinh:.....

Quốc tịch:

Địa chỉ cư trú:

Họ và tên con thứ hai:

Ngày, tháng, năm sinh :.....

Nơi sinh:.....

Quốc tịch:

Địa chỉ cư trú:

Tôi xin cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật và xin chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam về lời khai của mình.

....., ngày.....tháng.....năm.....

Người khai

(Ký và ghi rõ họ tên)

Chú thích:

(1)Viết chữ in hoa theo Hộ chiếu/giấy tờ hợp lệ thay thế;

(2)Ghi địa danh hành chính hoặc tên cơ sở y tế;

(3)Ghi tên cơ quan đăng ký khai sinh;

(4)Trường hợp có từ hai quốc tịch trở lên thì ghi rõ từng quốc tịch

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG BÁO CÓ QUỐC TỊCH NƯỚC NGOÀI

Kính gửi (1) Sở Tư pháp thành phố Hà Nội

Họ và tên

(2).....

Giới tính: Nam: Nữ:

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Nơi sinh (3):

Nơi đăng ký khai sinh (4):.....

Hộ chiếu Việt Nam/giấy tờ hợp lệ thay thế (5):.....
số:.....

Cấp ngày, tháng, năm:..... **cơ quan cấp:**.....

Địa chỉ cư trú hiện nay:.....

Tôi có quốc tịch (6): **từ ngày, tháng, năm:**.....

Hộ chiếu nước ngoài/giấy tờ hợp lệ thay thế:.....
số:.....

Cấp ngày, tháng, năm:..... **cơ quan cấp:**.....

Cách thức có quốc tịch nước ngoài (7):.....

Tôi là công dân Việt Nam xin thông báo việc có quốc tịch nước ngoài như trên và xin cam kết việc đồng thời có quốc tịch nước ngoài của tôi không làm cản trở đến việc hưởng quyền và thực hiện nghĩa vụ của công dân Việt Nam đối với Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Tôi cũng xin thông báo việc có quốc tịch nước ngoài của con chưa thành niên hoặc người được giám hộ hiện đang sinh sống cùng tôi có tên sau đây:

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi sinh	Nơi đăng ký khai sinh	Có quốc tịch nước nào, cách thức có quốc tịch nước

						ngoài

Tôi xin cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật và xin chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam về lời khai của mình.

....., ngày tháng năm.....

Giấy tờ kèm theo:

Người thông báo

(ký và ghi rõ họ tên)

-
-
-
-

Chú thích:

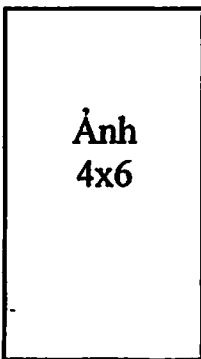
- (1) Nếu ở trong nước thì gửi cho Sở Tư pháp của tỉnh/TP nơi cư trú; ở nước ngoài thì gửi cho Cơ quan đại diện Việt Nam tại nước cư trú;
- (2) Viết chữ in hoa theo Hộ chiếu Việt Nam/giấy tờ hợp lệ thay thế;
- (3) Ghi địa danh hành chính hoặc tên cơ sở y tế;
- (4) Ghi tên cơ quan đăng ký khai sinh;
- (5) Ghi rõ loại giấy tờ gì;
- (6) Ghi rõ quốc tịch nước nào;
- (7) Ghi rõ việc có quốc tịch nước ngoài do được nhập, từ khi sinh ra hoặc lý do khác

Thủ tục 16	Cấp giấy Xác nhận có quốc tịch Việt Nam
Trình tự thực hiện	<p>Bước 1: Công dân điền đơn xin xác nhận có quốc tịch Việt Nam, chuẩn bị hồ sơ và nộp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính hoặc gửi qua đường bưu điện.</p> <p>Bước 2: Cán bộ tiếp nhận kiểm tra hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Nếu hồ sơ đầy đủ và hoàn toàn hợp lệ, cán bộ tiếp nhận và ghi phiếu hẹn trả kết quả + Nếu hồ sơ chưa đầy đủ thì cán bộ phải hướng dẫn công dân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. <p>Bước 3: Cán bộ tiếp nhận chuyển hồ sơ để giải quyết theo quy định. Trả kết quả đúng thời hạn quy định.</p>
Cách thức thực hiện	<p>Người xin xác nhận có quốc tịch Việt Nam nộp hồ sơ trực tiếp tại Sở Tư pháp hoặc qua đường bưu điện.</p> <p>Trường hợp người xin xác nhận có quốc tịch Việt Nam là người chưa thành niên, người mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự thì thông qua cha mẹ hoặc người giám hộ nộp hồ sơ trực tiếp tại Sở Tư pháp nơi người được giám hộ cư trú.</p> <p>Nơi tiếp nhận: Sở Tư pháp Hà Nội</p> <p>Địa chỉ : Số 1B – Trần Phú – Hà Đông – Hà Nội</p> <p>ĐT: 0433546151 hoặc 0433546163</p>
Thành phần hồ sơ	<ol style="list-style-type: none"> 1. Tờ khai xác nhận có quốc tịch Việt Nam; 2. Bản sao CMND, hộ chiếu hoặc giấy tờ hợp lệ thay thế; 3. Giấy tờ chứng minh quốc tịch Việt Nam, là một trong các giấy tờ quy định tại Điều 11 Luật Quốc tịch Việt Nam gồm: <ul style="list-style-type: none"> - Giấy khai sinh; trường hợp Giấy khai sinh không thể hiện rõ quốc tịch Việt Nam thì phải kèm theo giấy tờ chứng minh quốc tịch Việt Nam của cha mẹ; - Giấy chứng minh nhân dân; - Hộ chiếu Việt Nam; - Quyết định cho nhập quốc tịch Việt Nam, Quyết định cho trở lại quốc tịch Việt Nam, Quyết định công nhận việc nuôi con nuôi đối với trẻ em là người nước ngoài, Quyết định cho người nước ngoài nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi. 4. Xác nhận nơi cư trú do cơ quan công an xã, phường, thị trấn có thẩm quyền cấp hoặc trường hợp có Hộ khẩu, Thẻ thường trú thì cung cấp bản chụp có chứng thực hoặc bản chụp kèm bản chính để đối chiếu;

	<p>5. Tờ khai lý lịch và các giấy tờ quy định tại khoản 1 Điều 10 Thông tư liên tịch số 05/2010/TTLT/BTP-BNG-BCA trong trường hợp không có giấy tờ chứng minh quốc tịch nêu trên;</p> <p>6. 03 ảnh 3x4.</p> <p>(Bản sao có chứng thực sao y bản chính hoặc bản chụp kèm bản chính để kiểm tra, đối chiếu).</p>
Số lượng	01 bộ
Thời hạn giải quyết	<p>15 ngày làm việc (thời gian thực tế giải quyết hồ sơ tại các cơ quan có thẩm quyền):</p> <p>1. Thời hạn Sở Tư pháp gửi đề nghị Bộ Tư pháp tra cứu danh sách những trường hợp được thôi quốc tịch và bị tước quốc tịch: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</p> <p>2. Thời hạn Bộ Tư pháp tra cứu và trả lời: 10 ngày kể từ ngày nhận được công văn đề nghị của Sở Tư pháp.</p>
Đối tượng thực hiện	- Công dân đang cư trú tại thành phố Hà Nội có yêu cầu xác nhận có quốc tịch Việt Nam.
Cơ quan thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Tư pháp Hà Nội - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Tư pháp Hà Nội. - Cơ quan phối hợp: Bộ Tư pháp.
Kết quả thực hiện TTHC	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản trả lời xác nhận có quốc tịch Việt Nam. - Trường hợp không đủ cơ sở để xác nhận người có yêu cầu có quốc tịch Việt Nam, Sở Tư pháp trả lời bằng văn bản cho công dân.
Lệ phí	không
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	1. Tờ khai xác nhận có quốc tịch Việt Nam (Mẫu kèm theo), hoặc tải về từ website: www.sotuphaphanoi.gov.vn
Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC	<ul style="list-style-type: none"> - Trong trường hợp là người chưa thành niên, người mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự thì thông qua cha mẹ hoặc người giám hộ nộp hồ sơ. - Trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu điện thì phải trực tiếp đến nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính-Sở Tư pháp.
Căn cứ pháp lý	<p>1. Luật Quốc tịch Việt Nam 2008</p> <p>2. Nghị định 78/2009/NĐ-CP Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quốc tịch Việt Nam</p> <p>3. Thông tư 08/2010/TT-BTP Hướng dẫn mẫu giấy tờ về quốc tịch và mẫu sổ tiếp nhận các việc về quốc tịch</p>

	<p>4. Thông tư liên tịch 05/2010/TTLT/BTP-BNG-BCA Hướng dẫn thi hành Nghị định số 78/2009/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quốc tịch</p> <p>5. Thông tư liên tịch số 05/2013/TTLT/BTP-BNG-BCA ngày 31 tháng 01 năm 2013 Sửa đổi, bổ sung điều 13 Thông tư liên tịch số 05/2010/TTLT/BTP-BNG-BCA ngày 01 tháng 3 năm 2010 của Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao và Bộ Công an hướng dẫn thi hành Nghị định số 78/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quốc tịch Việt Nam</p>
--	---

TP/QT-2013-TKXNCQTVN



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

TỜ KHAI XÁC NHẬN CÓ QUỐC TỊCH VIỆT NAM

Kính gửi:.... (tên cơ quan tiếp nhận, giải quyết hồ sơ)

Họ và tên người yêu cầu: Giới tính:

Ngày, tháng, năm sinh:

Nơi sinh:

Địa chỉ cư trú:

Nơi thường trú tại Việt Nam trước khi xuất cảnh (nếu có):

.....

Quốc tịch nước ngoài (nếu có):

Giấy chứng minh nhân dân/Hộ chiếu/Giấy tờ có giá trị thay thế:

số, cấp ngày tháng năm tại.....

Giấy tờ chứng minh hiện nay đang có quốc tịch Việt Nam kèm theo:

1)

2)

3)

4)

5)

Đề nghị Quý Cơ quan cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam.

Tôi cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật và xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về lời khai của mình./.

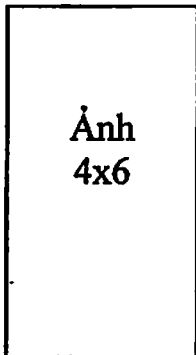
NGƯỜI KHAI
(ký, ghi rõ họ, tên)

Thủ tục 17	Cấp giáp xác nhận là người gốc Việt Nam
Trình tự thực hiện	<p>Bước 1: Công dân điền tờ khai xin xác nhận là người gốc Việt Nam, chuẩn bị hồ sơ và nộp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Sở Tư pháp Hà Nội hoặc gửi qua đường bưu điện.</p> <p>Bước 2: Cán bộ tiếp nhận kiểm tra hồ sơ:</p> <p>+ Nếu hồ sơ đầy đủ và hoàn toàn hợp lệ, cán bộ tiếp nhận và ghi phiếu hẹn trả kết quả.</p> <p>+ Nếu hồ sơ chưa đầy đủ thì cán bộ phải hướng dẫn công dân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.</p> <p>Bước 3: Cán bộ tiếp nhận chuyển hồ sơ để giải quyết theo quy định. Trả kết quả đúng thời hạn quy định.</p>
Cách thức thực hiện	<p>Người xin xác nhận là người gốc Việt Nam nộp hồ sơ trực tiếp tại Sở Tư pháp hoặc qua đường bưu điện.</p> <p>Trường hợp người xin xác nhận là người gốc Việt Nam là người chưa thành niên, người mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự thì thông qua cha mẹ hoặc người giám hộ nộp hồ sơ trực tiếp tại Sở Tư pháp nơi người được giám hộ cư trú.</p> <p>Nơi tiếp nhận: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ hành chính - Sở Tư pháp Hà Nội.</p> <p>Địa chỉ : Số 1B – Trần Phú – Hà Đông – Hà Nội</p> <p>ĐT: 0433546151 hoặc 0433546163</p>
Thành phần hồ sơ	<ul style="list-style-type: none"> - Tờ khai xác nhận là người gốc Việt Nam (<i>theo mẫu TP/QT-2013-TKXNLNGVN</i>); - Bản sao giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế; - Bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực giấy tờ chứng minh là người đã từng có quốc tịch Việt Nam mà khi sinh ra quốc tịch Việt Nam mà khi sinh ra quốc tịch Việt Nam được xác định theo nguyên tắc huyết thống hoặc có cha hoặc mẹ, ông nội hoặc bà nội, ông ngoại hoặc bà ngoại đã từng có quốc tịch Việt Nam theo huyết thống; - Giấy tờ khác có liên quan làm căn cứ để tham khảo bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> + Giấy tờ về nhân thân, hộ tịch, quốc tịch được nêu tại khoản 2 Điều 9 Thông tư liên tịch số 05/2010/TTLT/BTP-BNG-BCA gồm: Các giấy tờ về nhân thân, hộ tịch, quốc tịch do các chế độ cũ cấp trước ngày 30 tháng 4 năm 1975; + Giấy bảo lãnh của Hội đoàn người Việt Nam ở nước mà

	<p>người yêu cầu đang cư trú, trong đó xác nhận người đó có gốc Việt Nam;</p> <p>+ Giấy bảo lãnh của người có quốc tịch Việt Nam, trong đó xác nhận người yêu cầu có gốc Việt Nam;</p> <p>+ Giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp trong đó ghi quốc tịch Việt Nam hoặc quốc tịch gốc Việt Nam (bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực).</p> <p>- 03 ảnh 3x4.</p> <p>(Nộp Bản sao có chứng thực sao y bản chính hoặc bản chụp kèm bản chính để kiểm tra, đối chiếu).</p>
Số lượng	01 bộ
Thời hạn giải quyết	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
Đối tượng thực hiện	Công dân đang cư trú tại thành phố Hà Nội có yêu cầu xác nhận là người gốc Việt Nam.
Cơ quan thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Tư pháp Hà Nội - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Tư pháp Hà Nội. - Cơ quan phối hợp : Bộ Tư pháp.
Kết quả thực hiện TTHC	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản trả lời xác nhận là người gốc Việt Nam. - Trường hợp không đủ cơ sở để xác nhận người có yêu cầu là người gốc Việt Nam , Sở Tư pháp trả lời bằng văn bản cho công dân.
Lệ phí	không
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	1. Tờ khai xác nhận có gốc Việt Nam (mẫu tại Thông tư liên tịch số 05/2013/TTLT/BTP-BNG-BCA ngày 31 tháng 01 năm 2013)
Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC	<ul style="list-style-type: none"> - Trong trường hợp là người chưa thành niên, người mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự thì thông qua cha mẹ hoặc người giám hộ nộp hồ sơ. - Trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu điện thì phải trực tiếp đến nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính-Sở Tư pháp.
Căn cứ pháp lý	<ol style="list-style-type: none"> 1. Luật Quốc tịch Việt Nam 2008 2. Nghị định 78/2009/NĐ-CP Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quốc tịch Việt Nam 3. Thông tư 08/2010/TT-BTP Hướng dẫn mẫu giấy tờ về

	<p>quốc tịch và mẫu số tiếp nhận các việc về quốc tịch</p> <p>4. Thông tư liên tịch 05/2010/TTLT/BTP-BNG-BCA Hướng dẫn thi hành Nghị định số 78/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quốc tịch Việt Nam;</p> <p>5. Thông tư liên tịch số 05/2013/TTLT/BTP-BNG-BCA ngày 31 tháng 01 năm 2013 Sửa đổi, bổ sung điều 13 Thông tư liên tịch số 05/2010/TTLT/BTP-BNG-BCA ngày 01 tháng 3 năm 2010 của Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao và Bộ Công an hướng dẫn thi hành Nghị định số 78/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quốc tịch Việt Nam</p>
--	---

TP/QT-2013-TKXNLNGVN



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

TỜ KHAI XÁC NHẬN LÀ NGƯỜI GỐC VIỆT NAM

Kính gửi:.... (tên cơ quan tiếp nhận, giải quyết hồ sơ)

Họ và tên người yêu cầu: Giới tính:

Ngày, tháng, năm sinh:

Nơi sinh:

Địa chỉ cư trú:

Nơi thường trú tại Việt Nam trước khi xuất cảnh (nếu có):

.....

Quốc tịch nước ngoài (nếu có):

Giấy chứng minh nhân dân/Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế:

số, cấp ngày tháng năm

tại

Giấy tờ để chứng minh là người đã từng có quốc tịch Việt Nam theo huyết thống, giấy tờ chứng minh là con, cháu của người mà khi sinh ra có quốc tịch Việt Nam theo huyết thống:

1)

2)

3)

4)

Đề nghị Quý Cơ quan cấp Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam.

Tôi cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật và xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về lời khai của mình./.

NGƯỜI KHAI
(ký, ghi rõ họ, tên)

Thủ tục 18	Thông báo việc có quốc tịch nước ngoài
Trình tự thực hiện	<p>Bước 1: Công dân điền thông tin vào thông báo việc có quốc tịch nước ngoài, chuẩn bị giấy tờ và nộp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ hành chính – Sở Tư pháp Hà Nội</p> <p>Bước 2: Cán bộ tiếp nhận kiểm tra hồ sơ.</p> <p>Nếu hồ sơ đầy đủ, đúng quy định thì tiếp nhận và chuyển giải quyết theo quy định.</p> <p>Nếu hồ sơ còn thiếu, chưa đầy đủ thì hướng dẫn công dân hoàn chỉnh hồ sơ.</p> <p>Bước 3: Cán bộ tiếp nhận chuyển hồ sơ để giải quyết theo quy định. Trả kết quả đúng thời hạn quy định.</p>
Cách thức thực hiện	<p>Cách 1: Nộp trực tiếp tại Sở Tư pháp Hà Nội</p> <p>Cách 2: Thông qua cha, mẹ hoặc người giám hộ (đối với những trường hợp người chưa thành niên, người mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân) và nộp hồ sơ trực tiếp tại Sở Tư pháp Hà Nội.</p> <p>Cách 3: Gửi thông báo qua đường bưu điện. (Giấy tờ trong trường hợp này phải được chứng thực theo đúng quy định pháp luật.</p> <p>Nơi tiếp nhận: Sở Tư pháp Hà Nội Địa chỉ : Số 1B – Trần Phú – Hà Đông – Hà Nội Điện thoại: 0433546151/0433546157</p>
Thành phần hồ sơ	<ol style="list-style-type: none"> 1. Thông báo có quốc tịch nước ngoài (theo mẫu). 2. Bản sao giấy tờ chứng minh có quốc tịch nước ngoài. 3. Bản sao CMND/ hộ khẩu (bản sao chứng thực hoặc bản photocopy kèm bản chính để đối chiếu).
Số lượng	01 bộ
Thời hạn giải quyết	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện TTHC	<ol style="list-style-type: none"> 1. Công dân Việt Nam kể từ ngày 01/7/2009 vì lý do nào đó mà có quốc tịch nước ngoài và chưa mất quốc tịch Việt Nam hiện đang cư trú tại Hà Nội. 2. Trường hợp : <ul style="list-style-type: none"> + Công dân Việt Nam đồng thời có quốc tịch nước ngoài hiện cư trú tại Hà Nội và trước đây đã đăng ký khai sinh tại Sở Tư pháp Hà Nội thì Sở Tư pháp Hà Nội đồng thời thực hiện việc ghi chú khai sinh. + Công dân Việt Nam đồng thời có quốc tịch nước ngoài

	hiện cư trú tại Hà Nội và trước đây không đăng ký khai sinh tại Sở Tư pháp Hà Nội thì Sở Tư pháp Hà Nội thông báo tới cơ quan đăng ký khai sinh trước đây của công dân thực hiện việc ghi chú khai sinh.
Cơ quan thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Tư pháp Hà Nội. - Cơ quan trực tiếp thực hiện: phòng Hộ tịch có yếu tố nước ngoài – Sở Tư pháp TP Hà Nội.
Kết quả thực hiện TTHC	<ul style="list-style-type: none"> - Danh sách công dân Việt Nam đã thông báo có quốc tịch nước ngoài; ghi vào sổ quốc tịch. - Ghi chú có quốc tịch nước ngoài trong sổ đăng ký khai sinh của công dân. - Trường hợp từ chối thực hiện, Sở Tư pháp trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do từ chối.
Lệ phí	Không
mẫu tờ khai	1. Thông báo có quốc tịch nước ngoài
Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC	<ol style="list-style-type: none"> 1. Công dân Việt Nam có quốc tịch nước ngoài và chưa mất quốc tịch Việt Nam từ ngày 01/7/2009. 2. Trong thời hạn 02 năm kể từ ngày có quốc tịch nước ngoài, công dân Việt Nam đồng thời có quốc tịch nước ngoài phải thông báo cho cơ quan đại diện Việt Nam hoặc Sở Tư pháp biết việc họ có quốc tịch nước ngoài. 3. Trường hợp hồ sơ được gửi qua đường bưu điện thì các giấy tờ trong hồ sơ phải được chứng thực theo đúng quy định pháp luật. 4. Giấy tờ có trong hồ sơ do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp phải được hợp pháp hóa lãnh sự, nếu bằng tiếng nước ngoài phải được dịch sang tiếng Việt và chứng thực theo quy định của pháp luật Việt Nam.
Căn cứ pháp lý	<ol style="list-style-type: none"> 1. Luật Quốc tịch Việt Nam 2008 2. Nghị định 78/2009/NĐ-CP Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quốc tịch Việt Nam 3. Thông tư 08/2010/TT-BTP Hướng dẫn mẫu giấy tờ về quốc tịch và mẫu sổ tiếp nhận các việc về quốc tịch 4. Thông tư liên tịch 05/2010/TTLT/BTP-BNG-BCA Hướng dẫn thi hành Nghị định số 78/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quốc tịch Việt Nam

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG BÁO CÓ QUỐC TỊCH NƯỚC NGOÀI

Kính gửi (1) Sở Tư pháp thành phố Hà Nội

Họ và tên (2).....

Giới tính: Nam: Nữ:

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Nơi sinh (3):

Nơi đăng ký khai sinh (4):.....

Hộ chiếu Việt Nam/giấy tờ hợp lệ thay thế (5):.....
số:.....

Cấp ngày, tháng, năm:..... cơ quan cấp:.....

Địa chỉ cư trú hiện nay:.....
.....

Tôi có quốc tịch (6): từ ngày, tháng,
năm:.....

Hộ chiếu nước ngoài/giấy tờ hợp lệ thay thế:.....
số:.....

Cấp ngày, tháng, năm:..... cơ quan cấp:.....

Cách thức có quốc tịch nước ngoài (7):.....
.....

Tôi là công dân Việt Nam xin thông báo việc có quốc tịch nước ngoài như trên và xin cam kết việc đồng thời có quốc tịch nước ngoài của tôi không làm cản trở đến việc hưởng quyền và thực hiện nghĩa vụ của công dân Việt Nam đối với Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Tôi cũng xin thông báo việc có quốc tịch nước ngoài của con chưa thành niên hoặc người được giám hộ hiện đang sinh sống cùng tôi có tên sau đây:

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi sinh	Nơi đăng ký khai sinh	Có quốc tịch nước nào, cách thức có quốc tịch nước ngoài

Tôi xin cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật và xin chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam về lời khai của mình.

....., ngày tháng năm.....

Giấy tờ kèm theo:

Người thông báo

(ký và ghi rõ họ tên)

-
-
-
-

Chú thích:

- (1) Nếu ở trong nước thì gửi cho Sở Tư pháp của tỉnh/TP nơi cư trú; ở nước ngoài thì gửi cho Cơ quan đại diện Việt Nam tại nước cư trú;
- (2) Viết chữ in hoa theo Hộ chiếu Việt Nam/giấy tờ hợp lệ thay thế;
- (3) Ghi địa danh hành chính hoặc tên cơ sở y tế;
- (4) Ghi tên cơ quan đăng ký khai sinh;
- (5) Ghi rõ loại giấy tờ gì;
- (6) Ghi rõ quốc tịch nước nào;
- (7) Ghi rõ việc có quốc tịch nước ngoài do được nhập, từ khi sinh ra hoặc lý do khác

III. LĨNH VỰC QUẢN LÝ HÀNH NGHỀ CÔNG CHỨNG

Thủ tục 01	Bổ nhiệm công chứng viên
<p>Trình tự thực hiện</p>	<p>Bước 1: Người đề nghị bổ nhiệm công chứng viên chuẩn bị hồ sơ và nộp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ hành chính - Sở Tư pháp.</p> <p>Bước 2: Cán bộ một cửa tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Nếu hồ sơ đầy đủ, đúng quy định thì tiếp nhận và viết phiếu hẹn trả kết quả. + Nếu hồ sơ còn thiếu, chưa đúng quy định thì hướng dẫn công dân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo đúng quy định. + Nếu hồ sơ không thuộc thẩm quyền đơn vị mình thì hướng dẫn công dân tới cơ quan có thẩm quyền theo quy định. <p>Bước 3: Cán bộ một cửa vào sổ và chuyển hồ sơ tới Phòng quản lý các hoạt động hỗ trợ tư pháp (BTTP) để giải quyết theo quy định.</p> <p>Bước 4: Phòng BTTP tiếp nhận, kiểm tra và giải quyết hồ sơ theo quy định.</p> <ul style="list-style-type: none"> + Trường hợp hồ sơ đúng và đủ theo quy định, Sở Tư pháp có văn bản đề nghị kèm theo hồ sơ đề nghị bổ nhiệm công chứng viên gửi Bộ trưởng Bộ Tư pháp trong thời hạn quy định; + Trường hợp trong quá trình giải quyết phát sinh vấn đề cần phải xác minh thì thông tin tới Bộ phận một cửa để thông báo cho công dân hoặc hẹn lại thời gian trả kết quả. <p>Bước 5: Sau khi có kết quả, Phòng BTTP chuyển Bộ phận một cửa trả kết quả cho công dân theo giấy hẹn.</p>
<p>Cách thức thực hiện</p>	<p>Cách 1: Người có yêu cầu trực tiếp nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ hành chính - Sở Tư pháp Hà Nội.</p> <p>Cách 2: Người có yêu cầu có thể gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính.</p> <p>Chú ý: Giấy tờ trong hồ sơ phải được chứng thực theo đúng quy định pháp luật.</p> <p>Nơi tiếp nhận: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ hành chính (Bộ phận một cửa) - Sở Tư pháp Hà Nội.</p> <p>Địa chỉ: số 1B Trần Phú, Hà Đông, Hà Nội</p> <p>Điện thoại: 0433.546.151 hoặc 0433.546163</p>
<p>Thành phần hồ sơ</p>	<ol style="list-style-type: none"> 1. Đơn đề nghị bổ nhiệm công chứng viên theo mẫu TP-CC-03 ban hành kèm theo Thông tư số 06/2015/TT-BTP ngày 15/6/2015; 2. Phiếu lý lịch tư pháp;

	<p>3. Bản sao bằng cử nhân luật hoặc thạc sỹ, tiến sỹ luật;</p> <p>4. Giấy tờ chứng minh về thời gian công tác pháp luật;</p> <p>5. Bản sao giấy chứng nhận tốt nghiệp khóa đào tạo nghề công chứng. Đối với người được miễn đào tạo nghề công chứng thì phải có bản sao giấy chứng nhận hoàn thành khóa bồi dưỡng nghề công chứng và giấy tờ chứng minh là người được miễn đào tạo nghề công chứng quy định tại khoản 1 Điều 10 của Luật công chứng;</p> <p>6. Bản sao giấy chứng nhận kết quả kiểm tra tập sự hành nghề công chứng;</p> <p>7. Giấy chứng nhận sức khỏe do cơ quan y tế có thẩm quyền từ cấp huyện trở lên cấp trong đó xác nhận rõ về việc người được cấp giấy chứng nhận có đủ sức khỏe để học tập và công tác.</p>
Số lượng	01 bộ
Thời hạn giải quyết	<p>- Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị bổ nhiệm, Sở Tư pháp có văn bản đề nghị Bộ trưởng Bộ Tư pháp bổ nhiệm công chứng viên kèm theo hồ sơ đề nghị bổ nhiệm; trường hợp từ chối đề nghị thì phải thông báo bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do cho người nộp hồ sơ;</p> <p>- Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được văn bản và hồ sơ đề nghị bổ nhiệm của Sở Tư pháp, Bộ trưởng Bộ Tư pháp xem xét, quyết định bổ nhiệm công chứng viên; trường hợp từ chối bổ nhiệm phải thông báo bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do, gửi cho Sở Tư pháp và người đề nghị bổ nhiệm.</p>
Đối tượng thực hiện TTHC	- Cá nhân
Cơ quan thực hiện	<p>- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Bộ Tư pháp</p> <p>- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Tư pháp (Phòng BTTP).</p>
Kết quả thực hiện TTHC	Quyết định bổ nhiệm công chứng viên hoặc văn bản từ chối đề nghị, văn bản từ chối bổ nhiệm.
Lệ phí	Không
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	<p>- Đơn đề nghị bổ nhiệm công chứng viên (mẫu TP-CC-03);</p> <p>Tải về từ website: www.sotuphaphanoi.gov.vn</p>
Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC	Người đề nghị bổ nhiệm công chứng viên phải đáp ứng đủ tiêu chuẩn quy định tại Điều 8 Luật công chứng.

Căn cứ pháp lý	<p>1. Luật Công chứng năm 2014;</p> <p>2. Thông tư số 06/2015/TT-BTP ngày 15/6/2015 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật công chứng.</p>
-----------------------	---

TP-CC-03
(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2015/TT-BTP)

ảnh
3x4

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ BỎ NHIỆM CÔNG CHỨNG VIÊN

Kính gửi: Bộ trưởng Bộ Tư pháp.

Tên tôi là: Nam, nữ: Sinh ngày:/...../.....

Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu/Căn cước công dân số:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

.....

Chỗ ở hiện nay:

.....

Điện thoại: Email (nếu có):

Đã được cấp Giấy chứng nhận kết quả kiểm tra tập sự hành nghề công chứng số: ngày/...../.....

Dự kiến hành nghề tại.....(1)

Tôi làm Đơn này đề nghị được bỏ nhiệm công chứng viên. Tôi cam đoan tuân thủ các nguyên tắc hành nghề công chứng, thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ, trách nhiệm của công chứng viên theo quy định của pháp luật.

Hà Nội, ngày.....tháng.....năm.....

Người đề nghị

(ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú :

(1) Ghi rõ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi dự kiến hành nghề.

Thủ tục 02	Bổ nhiệm lại Công chứng viên
Trình tự thực hiện	<p>Bước 1: Người có yêu cầu điền đơn đề nghị bổ nhiệm lại công chứng viên, chuẩn bị hồ sơ và nộp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ hành chính (bộ phận một cửa) - Sở Tư pháp Hà Nội.</p> <p>Bước 2: Cán bộ một cửa kiểm tra hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Nếu hồ sơ đầy đủ, đúng quy định thì tiếp nhận và viết phiếu hẹn trả kết quả. + Nếu hồ sơ còn thiếu, chưa đúng quy định thì hướng dẫn công dân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo đúng quy định. + Nếu hồ sơ không thuộc thẩm quyền đơn vị mình thì hướng dẫn công dân tới cơ quan có thẩm quyền theo quy định. <p>Bước 3: Cán bộ một cửa vào sổ và chuyển hồ sơ tới Phòng quản lý các hoạt động hỗ trợ tư pháp (BTTP) để giải quyết theo quy định.</p> <p>Bước 4: Phòng BTTP tiếp nhận, kiểm tra và giải quyết hồ sơ theo quy định.</p> <ul style="list-style-type: none"> + Trường hợp hồ sơ đúng và đủ theo quy định, Sở Tư pháp có văn bản đề nghị kèm theo hồ sơ đề nghị bổ nhiệm lại công chứng viên gửi Bộ trưởng Bộ Tư pháp trong thời hạn quy định; + Trường hợp trong quá trình giải quyết phát sinh vấn đề cần phải xác minh thì thông tin tới Bộ phận một cửa để thông báo cho công dân hoặc hẹn lại thời gian trả kết quả. <p>Bước 5: Sau khi có kết quả, Phòng BTTP chuyển Bộ phận một cửa trả kết quả cho công dân theo giấy hẹn.</p>
Cách thức thực hiện	<p>Cách 1: Người có yêu cầu trực tiếp nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ hành chính - Sở Tư pháp Hà Nội.</p> <p>Cách 2: Người có yêu cầu có thể gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính.</p> <p>Chú ý: Giấy tờ trong hồ sơ phải được chứng thực theo đúng quy định pháp luật.</p> <p>Nơi tiếp nhận: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ hành chính (Bộ phận một cửa) - Sở Tư pháp Hà Nội.</p> <p>Địa chỉ: số 1B Trần Phú, Hà Đông, Hà Nội</p> <p>Điện thoại: 0433.546.151 hoặc 0433.546163</p>
Thành phần hồ sơ	<ol style="list-style-type: none"> 1. Đơn đề nghị bổ nhiệm lại công chứng viên theo mẫu TP-CC-05 ban hành kèm theo Thông tư số 06/2015/TT-BTP; 2. Phiếu lý lịch tư pháp;

	<p>3. Bản sao quyết định miễn nhiệm công chứng viên;</p> <p>4. Giấy chứng nhận sức khỏe do cơ quan y tế có thẩm quyền từ cấp huyện trở lên cấp trong đó xác nhận rõ về việc người được cấp giấy chứng nhận có đủ sức khỏe để học tập và công tác;</p> <p>5. Bản sao các giấy tờ chứng minh lý do miễn nhiệm không còn, trừ trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 16 Luật công chứng.</p>
Số lượng	01 bộ
Thời hạn giải quyết	<p>- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị bổ nhiệm lại, Sở Tư pháp có văn bản đề nghị Bộ trưởng Bộ Tư pháp bổ nhiệm lại công chứng viên kèm theo hồ sơ đề nghị bổ nhiệm; trường hợp từ chối đề nghị thì phải thông báo bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do cho người nộp hồ sơ.</p> <p>- Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản và hồ sơ đề nghị bổ nhiệm của Sở Tư pháp, Bộ trưởng Bộ Tư pháp xem xét, quyết định bổ nhiệm lại công chứng viên; trường hợp từ chối bổ nhiệm phải thông báo bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do, gửi cho Sở Tư pháp và người đề nghị bổ nhiệm.</p>
Đối tượng thực hiện	- Cá nhân
Cơ quan thực hiện	<p>- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Bộ Tư pháp</p> <p>- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Tư pháp Hà Nội (Phòng BTTP).</p>
Kết quả thực hiện TTHC	Quyết định bổ nhiệm lại công chứng viên hoặc văn bản từ chối đề nghị, văn bản từ chối bổ nhiệm lại.
Lệ phí	Không
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	<p>- Đơn đề nghị bổ nhiệm lại công chứng viên (mẫu TP-CC-05);</p> <p>Tải về từ website: www.sotuphaphanoi.gov.vn</p>
Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC	<p>- Người được miễn nhiệm công chứng viên theo quy định tại khoản 1 Điều 15 của Luật công chứng được xem xét bổ nhiệm lại công chứng viên khi có đề nghị bổ nhiệm lại;</p> <p>- Người bị miễn nhiệm công chứng viên theo quy định tại khoản 2 Điều 15 của Luật công chứng được xem xét bổ nhiệm lại công chứng viên khi đáp ứng đủ tiêu chuẩn công chứng viên quy định tại Điều 8 của Luật công chứng và lý do miễn nhiệm không còn, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 16 của Luật công chứng;</p>

	- Người bị miễn nhiệm công chứng viên do bị kết tội bằng bản án đã có hiệu lực pháp luật của Toà án về tội phạm do cố ý, bị xử phạt vi phạm hành chính đến lần thứ hai trong hoạt động hành nghề công chứng mà còn tiếp tục vi phạm, bị xử lý kỷ luật bằng hình thức từ cảnh cáo trở lên đến lần thứ hai mà còn tiếp tục vi phạm hoặc bị kỷ luật buộc thôi việc thì không được bổ nhiệm lại công chứng viên.
Căn cứ pháp lý	1. Luật Công chứng năm 2014; 2. Thông tư số 06/2015/TT-BTP ngày 15/06/2015 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Công chứng.

ảnh
3x4

TP-CC-05
(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2015/TT-BTP)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ BỔ NHIỆM LẠI CÔNG CHỨNG VIÊN

Kính gửi: Bộ trưởng Bộ Tư pháp.

Tên tôi là: Nam, nữ: Sinh ngày:/...../.....

Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu/Căn cước công dân số:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

.....
Chỗ ở hiện nay:

.....
Điện thoại: Email (nếu có):

Đã được bổ nhiệm công chứng viên theo Quyết định số:
ngày/...../..... của; miễn nhiệm công chứng viên theo
Quyết định số: ngày/...../..... của.....

Tôi làm Đơn này đề nghị được bổ nhiệm lại công chứng viên. Tôi cam đoan tuân thủ các nguyên tắc hành nghề công chứng, thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ, trách nhiệm của công chứng viên theo quy định của pháp luật.

Hà Nội, ngày.....tháng.....năm.....

Người đề nghị
(ký và ghi rõ họ tên)

Thủ tục 03	Đăng ký hành nghề và cấp thẻ Công chứng viên
Trình tự thực hiện	<p>Bước 1: Tổ chức hành nghề công chứng chuẩn bị hồ sơ và nộp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ hành chính (bộ phận một cửa) - Sở Tư pháp Hà Nội.</p> <p>Bước 2: Cán bộ một cửa kiểm tra hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Nếu hồ sơ đầy đủ, đúng quy định thì tiếp nhận và viết phiếu hẹn trả kết quả. + Nếu hồ sơ còn thiếu, chưa đúng quy định thì hướng dẫn tổ chức bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo đúng quy định. + Trường hợp hồ sơ không thuộc thẩm quyền giải quyết đơn vị mình thì hướng dẫn tổ chức tới cơ quan có thẩm quyền theo quy định. <p>Bước 3: Cán bộ một cửa vào sổ và chuyển hồ sơ tới Phòng quản lý các hoạt động hỗ trợ tư pháp (BTTP) để giải quyết theo quy định.</p> <p>Bước 4: Phòng BTTP tiếp nhận, kiểm tra và giải quyết hồ sơ theo quy định.</p> <p>Trường hợp trong quá trình giải quyết phát sinh vấn đề cần phải xác minh thì thông tin tới Bộ phận một cửa để thông báo cho tổ chức hoặc hẹn lại thời gian trả kết quả.</p> <p>Bước 5: Sau khi có kết quả, Phòng BTTP chuyển Bộ phận một cửa trả kết quả cho tổ chức theo giấy hẹn.</p>
Cách thức thực hiện	<p>Cách 1: Tổ chức hành nghề công chứng trực tiếp nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ hành chính (Bộ phận một cửa) - Sở Tư pháp Hà Nội.</p> <p>Cách 2: Trường hợp tổ chức hành nghề công chứng có thể gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính, kèm lệ phí theo quy định.</p> <p>Chú ý: Giấy tờ trong hồ sơ phải được chứng thực theo đúng quy định pháp luật.</p> <p>Nơi tiếp nhận: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ hành chính (Bộ phận một cửa) - Sở Tư pháp Hà Nội.</p> <p>Địa chỉ: số 1B Trần Phú, Hà Đông, Hà Nội</p> <p>Điện thoại: 0433.546.151 hoặc 0433.546163</p>
Thành phần hồ sơ	<ol style="list-style-type: none"> 1. Giấy đề nghị đăng ký hành nghề và cấp Thẻ cho công chứng viên theo mẫu TP-CC-06 ban hành kèm theo Thông tư số 06/2015/TT-BTP; 2. Quyết định bổ nhiệm của công chứng viên được đề nghị đăng ký hành nghề và cấp Thẻ công chứng viên; 3. 01 ảnh chân dung cỡ 2cm x 3cm của mỗi công chứng viên được

	<p>đề nghị đăng ký hành nghề và cấp Thẻ (ảnh chụp không quá 06 tháng trước ngày nộp ảnh);</p> <p>4. Thẻ Hội viên hoặc giấy tờ khác chứng minh công chứng viên đã là Hội viên của Hội công chứng viên thành phố Hà Nội;</p> <p>5. Giấy tờ chứng minh nơi cư trú của công chứng viên tại Hà Nội;</p> <p>6. Giấy tờ chứng minh đã chấm dứt hành nghề đối với người đang hành nghề luật sư, đấu giá, thừa phát lại hoặc công việc thường xuyên khác.</p>
Số lượng	01 bộ
Thời hạn giải quyết	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
Đối tượng thực hiện TTHC	Tổ chức hành nghề công chứng.
Cơ quan thực hiện	<p>- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Tư pháp Hà Nội.</p> <p>- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Phòng BTTP.</p>
Kết quả thực hiện TTHC	Người được đăng ký hành nghề được ghi tên vào Danh sách công chứng viên hành nghề tại Hà Nội và được cấp Thẻ công chứng viên hoặc văn bản thông báo việc bị từ chối đăng ký hành nghề.
Lệ phí	200.000 đồng/thẻ công chứng viên.
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	<p>- Giấy đề nghị đăng ký hành nghề và cấp thẻ công chứng viên (mẫu TP-CC-06);</p> <p>Tải về từ website: www.sotuphaphanoi.gov.vn</p>
Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC	Không
Căn cứ pháp lý	<p>1. Luật Công chứng năm 2014;</p> <p>2. Thông tư số 06/2015/TT-BTP ngày 15/06/2015 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Công chứng;</p> <p>3. Thông tư số 54/2015/TT-BTC ngày 21/4/2015 của Bộ Tài chính quy định thu phí sát hạch bổ nhiệm công chứng viên; lệ phí cấp thẻ công chứng viên, cấp giấy đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng.</p>

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ HÀNH NGHỀ
VÀ CẤP THẺ CÔNG CHỨNG VIÊN

Kính gửi: Sở Tư pháp thành phố Hà Nội.

Tên tổ chức hành nghề công chứng:.....

Địa chỉ trụ sở:

Đề nghị Sở Tư pháp đăng ký hành nghề và cấp Thẻ công chứng viên cho các công chứng viên sau đây:

STT	Họ và tên	Nơi cư trú
1		
2		
3		
4		
...		

Hà Nội, ngày.....tháng.....năm.....

Trương Văn phòng công chứng
(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Thủ tục 04	Cấp lại thẻ Công chứng viên
Trình tự thực hiện	<p>Bước 1: Công chứng viên có yêu cầu chuẩn bị hồ sơ và nộp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ hành chính (bộ phận một cửa) - Sở Tư pháp Hà Nội.</p> <p>Bước 2: Cán bộ một cửa kiểm tra hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Nếu hồ sơ đầy đủ, đúng quy định thì tiếp nhận và viết phiếu hẹn trả kết quả. + Nếu hồ sơ còn thiếu, chưa đúng quy định thì hướng dẫn công dân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo đúng quy định. + Nếu hồ sơ không thuộc thẩm quyền đơn vị mình thì hướng dẫn công dân tới cơ quan có thẩm quyền theo quy định. <p>Bước 3: Cán bộ một cửa vào sổ và chuyển hồ sơ tới Phòng quản lý các hoạt động hỗ trợ tư pháp (BTTP) để giải quyết theo quy định.</p> <p>Bước 4: Phòng BTTP tiếp nhận, kiểm tra và giải quyết hồ sơ theo quy định.</p> <p>Trường hợp trong quá trình giải quyết phát sinh vấn đề cần phải xác minh thì thông tin tới Bộ phận một cửa để thông báo cho công dân hoặc hẹn lại thời gian trả kết quả.</p> <p>Bước 5: Sau khi có kết quả, Phòng BTTP chuyển Bộ phận một cửa trả kết quả cho công dân theo giấy hẹn.</p>
Cách thức thực hiện	<p>Cách 1: Người có yêu cầu trực tiếp nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ hành chính (Bộ phận một cửa) - Sở Tư pháp Hà Nội.</p> <p>Cách 2: Người có yêu cầu có thể gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính, kèm theo lệ phí theo quy định.</p> <p>Chú ý: Giấy tờ trong hồ sơ phải được chứng thực theo đúng quy định pháp luật.</p> <p>Nơi tiếp nhận: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ hành chính (Bộ phận một cửa) - Sở Tư pháp Hà Nội.</p> <p>Địa chỉ: số 1B Trần Phú, Hà Đông, Hà Nội</p> <p>Điện thoại: 0433.546.151 hoặc 0433.546163</p>
Thành phần hồ sơ	<ol style="list-style-type: none"> 1. Giấy đề nghị cấp lại thẻ công chứng viên (mẫu TP-CC-07); 2. 01 ảnh chân dung cỡ 2cm x3cm (ảnh chụp không quá 06

	<p>tháng trước ngày nộp ảnh).</p> <p>3. Thẻ công chứng viên đang sử dụng (trường hợp thẻ bị hư hỏng); hoặc giấy tờ có xác nhận của tổ chức hành nghề công chứng về việc mất thẻ công chứng viên.</p> <p>4. Trường hợp đề nghị cấp lại thẻ công chứng viên (thẻ cũ do Bộ Tư pháp cấp) phải có Giấy tờ chứng minh công chứng viên đã tham gia Hội công chứng viên thành phố Hà Nội.</p>
Số lượng	01 bộ
Thời hạn giải quyết	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
Đối tượng thực hiện TTHC	Công chứng viên.
Cơ quan thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Tư pháp Hà Nội - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Phòng BTTP.
Kết quả thực hiện TTHC	<ul style="list-style-type: none"> - Thẻ công chứng viên (được cấp lại với số thẻ giữ nguyên nhưng ngày cấp mới, trừ trường hợp cấp đổi thẻ do Bộ Tư pháp đã cấp trước đây). Trường hợp từ chối, Sở Tư pháp thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.
Lệ phí	200.000 đồng.
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị cấp lại thẻ công chứng viên (mẫu TP-CC-07); Tải về từ website: www.sotuphaphanoi.gov.vn
Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC	Thẻ công chứng viên đã được cấp bị mất hoặc bị hư hỏng.
Căn cứ pháp lý	<ol style="list-style-type: none"> 1. Luật Công chứng năm 2014; 2. Thông tư số 06/2015/TT-BTP ngày 15/6/2015 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật công chứng; 3. Thông tư số 54/2015/TT-BTC ngày 21/4/2015 của Bộ Tài chính quy định thu phí sát hạch bổ nhiệm công chứng viên; lệ phí cấp thẻ công chứng viên, cấp giấy đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ
CẤP LẠI THẺ CÔNG CHỨNG VIÊN

Kính gửi: Sở Tư pháp thành phố Hà Nội.

Tên tôi là: Nam, nữ: Sinh ngày:/...../.....

Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu/Căn cước công dân số:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Hiện đang hành nghề công chứng tại Phòng công chứng/Văn phòng công chứng
.....

Địa chỉ trụ sở:

Đã được cấp Thẻ công chứng viên số:

Lý do đề nghị cấp lại Thẻ công chứng viên:.....

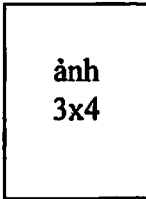
Tôi xin chịu trách nhiệm về những nội dung nêu trên và cam đoan tuân thủ các nguyên tắc hành nghề công chứng, thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ của công chứng viên theo quy định của pháp luật.

**Xác nhận của Trưởng Phòng công
chứng/Trưởng Văn phòng công chứng**
về việc công chứng viên đang hành nghề
tại tổ chức mình
(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Hà Nội, ngày.....tháng.....năm.....
Người đề nghị
(ký và ghi rõ họ tên)

Thủ tục 05	Miễn nhiệm công chứng (trường hợp được miễn nhiệm)
Trình tự thực hiện	<p>Bước 1: Người có yêu cầu chuẩn bị hồ sơ và nộp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ hành chính (bộ phận một cửa) - Sở Tư pháp Hà Nội.</p> <p>Bước 2: Cán bộ một cửa kiểm tra hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Nếu hồ sơ đầy đủ, đúng quy định thì tiếp nhận và viết phiếu hẹn trả kết quả. + Nếu hồ sơ còn thiếu, chưa đúng quy định thì hướng dẫn công dân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo đúng quy định. + Nếu hồ sơ không thuộc thẩm quyền đơn vị mình thì hướng dẫn công dân tới cơ quan có thẩm quyền theo quy định. <p>Bước 3: Cán bộ một cửa vào sổ và chuyển hồ sơ tới Phòng quản lý các hoạt động hỗ trợ tư pháp (BTTP) để giải quyết theo quy định.</p> <p>Bước 4: Phòng BTTP tiếp nhận, kiểm tra và giải quyết hồ sơ theo quy định.</p> <ul style="list-style-type: none"> + Trường hợp hồ sơ đúng và đủ theo quy định, Sở Tư pháp có văn bản đề nghị kèm theo hồ sơ đề nghị miễn nhiệm công chứng viên gửi Bộ trưởng Bộ Tư pháp trong thời hạn quy định; + Trường hợp trong quá trình giải quyết phát sinh vấn đề cần phải xác minh thì thông tin tới Bộ phận một cửa để thông báo cho công dân hoặc hẹn lại thời gian trả kết quả. <p>Bước 5: Sau khi có kết quả, Phòng BTTP chuyển Bộ phận một cửa trả kết quả cho công dân theo giấy hẹn.</p>
Cách thức thực hiện	<p>Cách 1: Người có yêu cầu trực tiếp nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ hành chính (Bộ phận một cửa) - Sở Tư pháp Hà Nội.</p> <p>Cách 2: Người có yêu cầu có thể gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính.</p> <p>Chú ý: Giấy tờ trong hồ sơ phải được chứng thực theo đúng quy định pháp luật.</p> <p>Nơi tiếp nhận: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ hành chính (Bộ phận một cửa) - Sở Tư pháp Hà Nội.</p> <p>Địa chỉ: số 1B Trần Phú, Hà Đông, Hà Nội</p> <p>Điện thoại: 0433.546.151 hoặc 0433.546163</p>
Thành	- Đơn đề nghị miễn nhiệm công chứng viên theo mẫu TP-CC-04

phần hồ sơ	ban hành kèm Thông tư số 06/2015/TT-BTP.
Số lượng	01 bộ
Thời hạn giải quyết	<p>- Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được đơn đề nghị miễn nhiệm của công chứng viên, Sở Tư pháp có văn bản đề nghị kèm theo đơn đề nghị miễn nhiệm của công chứng viên gửi Bộ trưởng Bộ Tư pháp.</p> <p>- Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị miễn nhiệm công chứng viên, Bộ trưởng Bộ Tư pháp xem xét, quyết định việc miễn nhiệm công chứng viên.</p>
Đối tượng thực hiện TTHC	<p>- Công chứng viên đang hành nghề tại một tổ chức hành nghề công chứng có nguyện vọng xin miễn nhiệm hoặc chuyển làm công việc khác.</p> <p>- Công chứng viên được Sở Tư pháp Hà Nội đề nghị bỏ nhiệm công chứng viên (trường hợp chưa hành nghề) có nguyện vọng cá nhân xin miễn nhiệm hoặc chuyển làm công việc khác.</p>
Cơ quan thực hiện	<p>- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Bộ Tư pháp</p> <p>- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Tư pháp Hà Nội (Phòng BTTP).</p>
Kết quả thực hiện TTHC	<p>- Quyết định miễn nhiệm công chứng viên;</p> <p>- Quyết định thu hồi thẻ công chứng viên (trường hợp đã cấp thẻ).</p>
Lệ phí	Không
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	<p>- Đơn đề nghị miễn nhiệm công chứng viên (TP-CC-04);</p> <p>Tải về từ website: www.sotuphaphanoi.gov.vn</p>
Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC	Công chứng viên được miễn nhiệm theo nguyện vọng của cá nhân hoặc chuyển làm công việc khác.
Căn cứ pháp lý	<p>1. Luật Công chứng năm 2014;</p> <p>2. Thông tư số 06/2015/TT-BTP ngày 15/6/2015 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật công chứng.</p>



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ MIỄN NHIỆM CÔNG CHỨNG VIÊN

Kính gửi: Bộ trưởng Bộ Tư pháp.

Tên tôi là: Nam, nữ: Sinh ngày:/...../.....

Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu/Căn cước công dân số:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Chỗ ở hiện nay:

Điện thoại: Email (nếu có):

Đã được bổ nhiệm công chứng viên theo Quyết định số:

ngày/...../..... của

Nơi hành nghề công chứng: (1)

Tôi làm Đơn này đề nghị được miễn nhiệm công chứng viên vì lý do

Tôi cam đoan đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của công chứng viên và chịu trách nhiệm về những việc công chứng đã thực hiện.

Xác nhận của
Văn phòng công chứng (2)
(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Hà Nội, ngày.....tháng.....năm.....
Người đề nghị
(ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1): Ghi rõ tên tổ chức hành nghề công chứng trong trường hợp công chứng viên đã hành nghề.

(2): Trường hợp công chứng viên đã hành nghề tại Văn phòng công chứng thì Trưởng Văn phòng công chứng nơi công chứng viên hành nghề xác nhận rõ việc công chứng viên đã hoàn thành các nghĩa vụ của mình đối với Văn phòng công chứng. Công chứng viên của Phòng công chứng không phải có xác nhận này.

Thủ tục 06	Đề nghị thành lập Văn phòng Công chứng
Trình tự thực hiện	<p>Bước 1: Các công chứng viên thành lập Văn phòng công chứng có hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng gửi UBND Thành phố (qua Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hành chính - Sở Tư pháp).</p> <p>Bước 2: Cán bộ tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Nếu hồ sơ đầy đủ, đúng quy định thì tiếp nhận và viết phiếu hẹn trả kết quả. + Nếu hồ sơ còn thiếu, chưa đúng quy định thì hướng dẫn công dân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo đúng quy định. + Nếu hồ sơ không thuộc thẩm quyền đơn vị mình thì hướng dẫn công dân tới cơ quan có thẩm quyền theo quy định. <p>Bước 3: Cán bộ một cửa vào sổ và chuyển hồ sơ tới Phòng quản lý các hoạt động hỗ trợ tư pháp (BTTP) để giải quyết theo quy định.</p> <p>Bước 4: Phòng BTTP tiếp nhận, kiểm tra và giải quyết hồ sơ theo quy định.</p> <p>Trường hợp trong quá trình giải quyết phát sinh vấn đề cần phải xác minh thì thông tin tới Bộ phận một cửa để thông báo cho công dân hoặc hẹn lại thời gian trả kết quả.</p> <p>Bước 5: Phòng BTTP tham mưu lãnh đạo Sở trình UBND thành phố ban hành Quyết định cho phép thành lập Văn phòng công chứng.</p> <p>Bước 6: Sau khi có Quyết định cho phép thành lập của UBND thành phố, Phòng BTTP chuyển Bộ phận một cửa trả kết quả theo giấy hẹn.</p>
Cách thức thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> - Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ hành chính (bộ phận một cửa) - Sở Tư pháp Hà Nội. <p>Nơi tiếp nhận hồ sơ: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ hành chính (bộ phận một cửa) - Sở Tư pháp Hà Nội.</p> <p>Địa chỉ: số 1B Trần Phú, Hà Đông, Hà Nội</p> <p>Điện thoại: 0433.546.151 hoặc 0433.546163</p>
Thành phần hồ sơ	<ol style="list-style-type: none"> 1. Đơn đề nghị thành lập Văn phòng công chứng theo mẫu TP-CC-08 ban hành kèm theo Thông tư số 06/2015/TT-BTP; 2. Quyết định bổ nhiệm công chứng viên tham gia thành lập Văn phòng công chứng (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu); 3. Đề án thành lập Văn phòng công chứng, cần nêu rõ các vấn đề

sau:

* Sự cần thiết thành lập Văn phòng công chứng: chứng minh được sự cần thiết thành lập Văn phòng công chứng tại khu vực dự kiến đặt trụ sở Văn phòng công chứng, chứng minh khả năng đáp ứng nhu cầu công chứng của Văn phòng công chứng đối với khu vực đó.

* Về tổ chức và nhân sự của Văn phòng công chứng, nêu rõ các nội dung sau:

- Loại hình hoạt động của Văn phòng công chứng: hợp danh.

- Tên, số và quyết định bổ nhiệm công chứng viên, số thẻ và ngày cấp thẻ công chứng viên (nếu có) của công chứng viên thành lập;

- Dự kiến kế hoạch chấm dứt hành nghề luật sư, đấu giá viên, thừa phát lại, trọng tài viên, giám định viên tư pháp, tư vấn viên pháp luật của công chứng viên thành lập và các công chứng viên hành nghề tại Văn phòng công chứng (đối với công chứng viên là luật sư, đấu giá viên, thừa phát lại, trọng tài viên, giám định viên tư pháp, tư vấn viên pháp luật);

- Dự kiến tên gọi và tên giao dịch của Văn phòng công chứng;

- Dự kiến nhân sự của Văn phòng công chứng: nêu rõ số lượng, trình độ và kinh nghiệm của công chứng viên, thư ký nghiệp vụ, nhân viên kế toán, nhân viên công nghệ thông tin, nhân viên lưu trữ và các nhân viên khác (cung cấp giấy tờ chứng minh các nội dung nêu trên, nếu có);

- Khả năng quản trị Văn phòng:

+ Đề án thể hiện được tính khả thi;

+ Khả năng quản trị Văn phòng của Trưởng Văn phòng (cung cấp các giấy tờ chứng minh, nếu có).

+ Các dự kiến khác về tổ chức và nhân sự.

* Về cơ sở vật chất của Văn phòng công chứng, cần nêu rõ các nội dung sau:

- Trụ sở:

+ Vị trí dự kiến đặt Văn phòng;

+ Tổng diện tích sử dụng của Văn phòng (cung cấp giấy tờ chứng minh quyền sử dụng hợp pháp, nếu có);

+ Diện tích Văn phòng dành cho tiếp dân;

+ Diện tích Văn phòng dành cho lưu trữ.

- Đề án phải nêu rõ điều kiện thực hiện các quy định về an ninh trật tự và an toàn giao thông, cụ thể: diện tích trông giữ xe của khách và của nhân viên Văn phòng, phương án phòng chống cháy nổ, đảm bảo an ninh trật tự và an toàn giao thông;

	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ sở vật chất để phục vụ cho hoạt động của Văn phòng; - Phương hướng áp dụng công nghệ thông tin; - Cơ sở vật chất khác. * Kế hoạch triển khai hoạt động của Văn phòng công chứng: <ul style="list-style-type: none"> - Tiến độ thực hiện các dự kiến về tổ chức, nhân sự và cơ sở vật chất của Văn phòng công chứng; - Quy trình tiếp nhận và xử lý hồ sơ công chứng; - Điều kiện lưu trữ, kế hoạch thực hiện việc lưu trữ và quy trình lưu trữ hồ sơ; - Tiến độ và các kế hoạch đưa Văn phòng công chứng vào hoạt động; - Các vấn đề khác liên quan đến việc triển khai hoạt động của Văn phòng công chứng.
Số lượng	02 bộ.
Thời hạn giải quyết	20 ngày, kể từ ngày UBND thành phố nhận đủ hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng do Sở Tư pháp trình sau quá trình tiếp nhận hồ sơ, xét duyệt, thông báo số điểm xét duyệt và giải quyết khiếu nại, tố cáo (nếu có).
Đối tượng thực hiện	- Các công chứng viên hợp danh đề nghị thành lập Văn phòng công chứng.
Cơ quan thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND thành phố Hà Nội. - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Tư pháp Hà Nội (Phòng BTTP).
Kết quả thực hiện TTHC	<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định cho phép thành lập Văn phòng công chứng. <p>Trường hợp từ chối, UBND Thành phố thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người bị từ chối có quyền khiếu nại theo quy định pháp luật.</p>
Lệ phí	Không
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị thành lập Văn phòng công chứng (TP-CC-08); <p>Tải về từ website: www.sotuphaphanoi.gov.vn</p>
Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC	<ol style="list-style-type: none"> 1. Người đại diện theo pháp luật của Văn phòng công chứng là Trưởng Văn phòng và Trưởng Văn phòng phải là công chứng viên đã hành nghề công chứng từ 02 năm trở lên. 2. Tên của Văn phòng công chứng phải bao gồm cụm từ “Văn phòng công chứng” kèm theo họ tên của Trưởng Văn phòng hoặc họ tên

	của một công chứng viên hợp danh khác của Văn phòng công chứng do các công chứng viên hợp danh thỏa thuận, không được trùng hoặc gây nhầm lẫn với tên của tổ chức hành nghề công chứng khác, không được vi phạm truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức và thuần phong mỹ tục của dân tộc.
Căn cứ pháp lý	1. Luật Công chứng 2014; 2. Thông tư số 06/2015/TT-BTP ngày 15/6/2015 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật công chứng.

TP-CC-08
(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2015/TT-BTP)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ THÀNH LẬP VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG

Kính gửi: Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.

Chúng tôi gồm các công chứng viên có tên sau đây:

STT	Họ và tên	Nơi cư trú
1		
2		

đề nghị cho phép thành lập Văn phòng công chứng với các nội dung sau đây:

1. Tên Văn phòng công chứng (*ghi bằng chữ in hoa*):.....

.....

2. Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại:.....Fax:.....Email (nếu có):.....

Website (nếu có):.....

3. Trưởng Văn phòng công chứng:

Họ và tên: Nam, nữ:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

.....

Chỗ ở hiện nay:

.....

Chúng tôi cam đoan thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Hà Nội, ngày.....tháng.....năm.....

Người đề nghị

(*ký và ghi rõ họ tên những người đề nghị*)

Thủ tục 07	Đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng
Trình tự thực hiện	<p>Bước 1: Văn phòng Công chứng sau khi nhận được quyết định cho phép thành lập phải có đơn đăng ký hoạt động, chuẩn bị hồ sơ và nộp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ hành chính (bộ phận một cửa) - Sở Tư pháp Hà Nội.</p> <p>Bước 2: Cán bộ tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Nếu hồ sơ đầy đủ, đúng quy định thì tiếp nhận và viết phiếu hẹn trả kết quả. + Nếu hồ sơ còn thiếu, chưa đúng quy định thì hướng dẫn tổ chức bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo đúng quy định. + Nếu hồ sơ không thuộc thẩm quyền đơn vị mình thì hướng dẫn tổ chức tới cơ quan có thẩm quyền theo quy định. <p>Bước 3: Cán bộ một cửa vào sổ và chuyển hồ sơ tới Phòng quản lý các hoạt động hỗ trợ tư pháp (BTTP) để giải quyết theo quy định.</p> <p>Bước 4: Phòng BTTP tiếp nhận, kiểm tra và giải quyết hồ sơ theo quy định.</p> <p>Trường hợp trong quá trình giải quyết phát sinh vấn đề cần phải xác minh thì thông tin tới Bộ phận một cửa để thông báo cho tổ chức hoặc hẹn lại thời gian trả kết quả.</p> <p>Bước 5: Sau khi có kết quả, Phòng BTTP chuyển Bộ phận một cửa để trả kết quả cho tổ chức theo giấy hẹn.</p>
Cách thức thực hiện	<p>Cách 1: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ hành chính (bộ phận một cửa) - Sở Tư pháp Hà Nội</p> <p>Cách 2: Gửi hồ sơ qua đường bưu điện, kèm lệ phí theo quy định.</p> <p>Chú ý: Giấy tờ trong hồ sơ trong trường hợp này phải được chứng thực đúng theo quy định pháp luật.</p> <p>Nơi tiếp nhận hồ sơ: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ hành chính (bộ phận một cửa) - Sở Tư pháp Hà Nội.</p> <p>Địa chỉ: số 1B Trần Phú, Hà Đông, Hà Nội</p> <p>Điện thoại: 0433.546.151 hoặc 0433.546163</p>
Thành phần hồ sơ	<ol style="list-style-type: none"> 1. Đơn đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng theo mẫu TP-CC-09 ban hành kèm theo Thông tư số 06/2015/TT-BTP; 2. Hợp đồng bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp (đối với mỗi công chứng viên làm việc tại Văn phòng); 3. Hồ sơ đăng ký hành nghề và cấp thẻ của các công chứng viên hợp danh; công chứng viên làm việc theo chế độ hợp đồng tại Văn phòng

	(nếu có); 4. Giấy tờ chứng minh về trụ sở của Văn phòng công chứng phù hợp với nội dung đã nêu trong đề án thành lập.
Số lượng	- 01 bộ
Thời hạn giải quyết	- 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
Đối tượng thực hiện	- Văn phòng công chứng sau khi nhận được Quyết định cho phép thành lập.
Cơ quan thực hiện	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Tư pháp Hà Nội. - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Phòng BTTP.
Kết quả thực hiện TTHC	- Giấy đăng ký hoạt động (mẫu TP-CC-18); Trường hợp từ chối, Sở Tư pháp thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do. Văn phòng bị từ chối có quyền khiếu nại theo quy định pháp luật.
Lệ phí	- 1.000.000 đồng.
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	- Đơn đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng theo mẫu TP-CC-09 ban hành kèm theo Thông tư số 06/2015/TT-BTP; - Giấy đề nghị đăng ký hành nghề và cấp thẻ công chứng viên theo mẫu TP-CC-06 ban hành kèm theo Thông tư số 06/2015/TT-BTP. Tải về từ website: www.sotuphaphanoi.gov.vn
Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC	1. Văn phòng công chứng phải thực hiện đăng ký hoạt động trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định cho phép thành lập. 2. Văn phòng công chứng phải đăng báo TW hoặc báo địa phương trong 03 số liên tiếp các nội dung về tên gọi, địa chỉ trụ sở; họ tên, số quyết định của công chứng viên; số, ngày, tháng, năm cấp Giấy đăng ký hoạt động, nơi đăng ký hoạt động trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày được cấp Giấy đăng ký hoạt động.
Căn cứ pháp lý	1. Luật Công chứng năm 2014; 2. Thông tư số 06/2015/TT-BTP ngày 15/6/2015 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật công chứng; 3. Thông tư số 54/2015/TT-BTC ngày 21/4/2015 của Bộ Tài chính quy định thu phí sát hạch bổ nhiệm công chứng viên; lệ phí cấp thẻ công chứng viên, cấp giấy đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG

Kính gửi: Sở Tư pháp tỉnh thành phố Hà Nội.

1. Tên Văn phòng công chứng (*ghi bằng chữ in hoa*):.....

2. Quyết định cho phép thành lập Văn phòng công chứng số:
..... ngày/...../.....

3. Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại:.....Fax (nếu có): Email (nếu có):

Website (nếu có):

4. Trưởng Văn phòng công chứng:

Họ và tên: Nam, nữ:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Chỗ ở hiện nay:

5. Danh sách công chứng viên (bao gồm cả Trưởng Văn phòng công chứng):

STT	Họ và tên	Nơi cư trú	Công chứng viên hợp danh/Công chứng viên làm việc theo chế độ hợp đồng
1			
2			
....			

Hà Nội, ngày.....tháng.....năm.....

Trưởng Văn phòng

(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)